

THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France

Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le N° 0708 G 88353

Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de la publication: Nguyễn Văn Huy

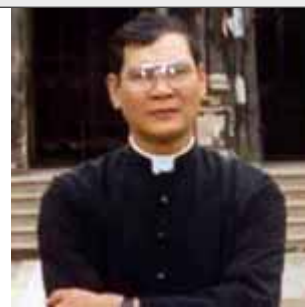


Xã luận

Revue mensuelle Thông Luận, imprimée en France par la SARL Point Concept - 51 avenue Paul-Vaillant Couturier - 94400 Vitry sur Seine.
Prix du numéro : 3,5 EUR - Abonnement un an (11 numéros) : 35 EUR

ISSN 1145-9557 - Số 212 - Năm thứ 20, tháng 03-2007

Đàn áp thô bạo nhóm linh mục Nguyễn Văn Lý



Giao thừa theo truyền thống dân tộc là giờ phút linh thiêng, là lúc người ta hân hoan đón chào một năm mới trong sự phấn khởi, tha thứ, kết tình thân, lập những dự án và nuôi những hy vọng. Một giờ phút của bình yên và hạnh phúc.

Linh mục Nguyễn Văn Lý đã chọn đúng giờ giao thừa để công bố sự thành lập Liên Đảng Lạc Hồng, rõ ràng là để gây ấn tượng tối đa cho một biến cố mà ông muốn được dư luận tiếp nhận như một hy vọng dân chủ cho đất nước. Chính quyền cộng sản cũng đã chọn chính giờ giao thừa để ra tay đàn áp trong mục đích cũng rõ ràng là bóp nghẹt trong trứng nước một điều mà họ cho là một mối nguy cho chế độ. Đài truyền hình sau đó đưa lên cảnh khám nhà linh mục Nguyễn Văn Lý, tịch thu nhiều tài liệu, máy vi tính và điện thoại di động. Cũng như đài truyền hình, các báo của đảng và nhà nước đồng loạt đăng thông báo của nhà nước cáo buộc và truy tố ông Nguyễn Văn Lý về tội cấu kết với "bọn phản động trong và ngoài nước" để chống lại nhà nước. Một số thân hữu của linh mục Nguyễn Văn Lý cũng đã bị câu lưu để thẩm vấn và trấn áp tinh thần vài ngày. Tội tệ nhất là việc công an ép buộc anh Nguyễn Phong, người đệ tử mà ông Nguyễn Văn Lý tin tưởng và đặt vào vai trò đại diện Đảng Thăng Tiến Việt Nam và Liên Đảng Lạc Hồng, viết và đọc lời tuyên bố giải tán Đảng Thăng Tiến Việt Nam và Liên Đảng Lạc Hồng.

Chính quyền cộng sản muốn gì và đã được gì qua hành động thô bạo này ?

Một lần nữa họ đã chỉ phơi bày bản chất của chế độ. Vẫn những lời buộc tội xác xược và một chiều của kẻ có bạo lực, buộc tội vì cần buộc tội chứ không cần bằng chứng và lý luận. Nguyễn Văn Lý, cũng như mọi người

dân chủ Việt Nam, đã chỉ hành xử một cách hoàn toàn hợp pháp những quyền công dân được hiến pháp và luật pháp qui định.

Chính quyền cộng sản không được gì cả mà còn mất rất nhiều. Họ đã vô hiệu hóa những cố gắng đã đổ ra để ve vãn khối người Việt hải ngoại. Liên hệ với người Việt ở nước ngoài vẫn còn là một tội. Những "khúc ruột ngàn dặm của tổ quốc" được thêm một dịp để biết tình cảm thực sự mà "tổ quốc xã hội chủ nghĩa" dành cho họ. Họ cũng đã đánh mất cái cảm tình mà những người có thiện chí cố tình dành cho họ sau một vài dấu hiệu cởi mở rời rạc và mâu thuẫn. Họ bị dư luận của cả thế giới lên án.

Chính quyền cộng sản đã chỉ phơi bày sự bất lực và kém cỏi. Tuy thô bạo nhưng họ không dám làm mạnh hơn, bởi vì không thể làm mạnh hơn. Xã hội Việt Nam đã thay đổi nhiều sau hơn 20 năm mở cửa ra với thế giới. Áp lực của thế giới dân chủ đã thường xuyên hơn, nhanh chóng hơn và mạnh mẽ hơn. Người Việt Nam không còn lệ thuộc vào sự bao cấp của chế độ và cũng đã hết sợ, đại bộ phận đảng viên cộng sản cũng đã thay đổi nhiều sau khi nhận ra chủ nghĩa Mác-Lênin chỉ là một sai lầm đẫm máu. Ngay cả các cấp lãnh đạo cộng sản cũng đã hiểu biết và văn minh hơn : chính sách khủng bố trắng trợn không thể tiếp tục.

Khủng bố cũng có cái lô-gíc riêng của nó. Nếu không thể đẩy đến tận cùng của sự tàn bạo và ghê rợn, nó chỉ kích thích và tăng cường sự chống đối, nghĩa là phản tác dụng. Khi không thể khủng bố một cách triệt để mà vẫn tiếp tục chính sách khủng bố thì chỉ là tự đào hố chôn mình.

Thông Luận

Chính sách thoát nghèo để phát triển bền vững của Ấn Độ

Nguyễn Minh

Thực trạng xã hội Ấn Độ ngày nay

Không hiểu vô tình hay cố ý, hình ảnh của Ấn Độ được giới truyền thông quốc tế trình bày như một lục địa nghèo khổ với những đàn bò ốm đói ăn nằm giữa đường phố, những người ốm yếu tím trần trụi bên bờ sông đầy rác và xác người chết trôi lềnh bềnh, v.v. Sự hiểu lầm và hiểu sai này dẫn đến những kết luận không chính xác về Ấn Độ.

Đúng là Ấn Độ có nhiều thành phần nghèo khổ, trong đó những trẻ em phải làm việc trong những căn nhà ọp ẹp, những công nhân thiếu trang bị lợi trong sinh lũy đầy chất độc để cắt sắt vụn...

Năm 2003, số người có lợi tức dưới 2 USD một ngày chiếm 97,5% dân số, tức hơn 900 triệu người. Ngày nay số người nghèo khổ này đang teo hẹp lại, khoảng cách giàu nghèo giữa các thành phần dân tộc đang bị rút ngắn lại một cách ngoạn mục, khoảng 50% dân số.

Nét độc đáo của Ấn Độ là thay vì trợ cấp hay nâng đỡ những thành phần nghèo khổ này sống qua ngày hay có cuộc sống xứng đáng hơn, các đảng phái cầm quyền (Quốc Đại và Nhân Dân) tạo mọi điều kiện thuận lợi để khuyến khích sự lớn mạnh của giai cấp trung lưu (middle class), tức những người có thu nhập bình quân đầu người từ 1.800 USD đến 8.000 USD một năm (lợi tức bình quân đầu người của Ấn Độ năm 2006 là 900 USD/năm).

Theo điều tra của Cục thống kê Ấn Độ, năm 2003 có khoảng 265 triệu người thuộc giai cấp trung lưu, năm 2005 khoảng 300 triệu người và cuối năm 2006 tăng lên 432 triệu, hơn 40% dân số. Trung bình mỗi năm Ấn Độ có thêm 60 triệu người được xếp vào giai cấp trung lưu. Những người điều khiển các công ty, xí nghiệp tại Ấn, đều thuộc giai cấp này.

Tuy nhiên, trung thành với truyền thống đẳng cấp (caste) trong xã hội Ấn, giai cấp trung lưu cũng được chia ra làm nhiều hạng. Hạng thấp có lợi tức từ 1.800 đến 4.000 USD/năm; hạng trung từ 4.001 đến 6.000 USD/năm; hạng cao từ 6.001 đến 8.000 USD/năm; trên 8.000 USD/năm là giai cấp thượng lưu (5% dân số). Được liệt vào những hạng này là cả một vinh dự cho nên mọi người đều cố gắng khai báo một cách thành thực lợi tức kiếm được.

Từ sau khi thực hiện những cải tổ kinh tế, giảm thiểu vai trò chỉ đạo của nhà nước, chỉ trong 15 năm (từ 1985 đến 2001) giai cấp hạ lưu (có mức lợi tức từ 900 đến 1.800 USD/năm) ngày càng giảm xuống (từ 65,5% xuống còn 34,6%) trong khi giai cấp trung lưu không ngừng gia tăng, theo đó giới trung lưu hạng cao tăng từ 1,5% lên 1,8%, hạng trung từ 6,9% lên 13,9%, hạng thấp từ 25,2% lên 37,3%.

Chính sách thoát nghèo

Từ trước đến nay vấn đề nan giải ở Ấn Độ là tầng lớp nghèo khổ. Theo truyền thống đạo Bà La Môn, tức Ấn Độ giáo, những người thuộc giai cấp nghèo khổ (sudra) thì suốt

đời phải sống trong nghèo khó, vì đó là số phận, không sao cải đổi được. Ngày nay quan niệm này không còn hiệu lực nữa vì trình độ dân trí Ấn đã lên cao và cũng không ai muốn sống mãi trong cảnh nghèo khổ. Nhưng không phải tự nhiên dân chúng Ấn Độ chấp nhận sự thay đổi này, đó là cả một quá trình giáo dục từ tiểu học lên đến đại học, cộng thêm vào đó là sinh hoạt dân chủ ngày càng phát triển với những giá trị mới được tôn vinh như cạnh tranh, bình đẳng, thành công, giàu có, v.v.

Một cách tóm lược, từ 1977 đến 2004, các chính quyền Ấn Độ đã thực hiện bốn chính sách thoát nghèo chủ yếu như sau :

1. Chính sách tem phiếu với các loại hàng cơ bản như gạo, lúa mì, đường, dầu đốt được bày bán trong những tiệm dành riêng cho người nghèo với giá ấn định bởi nhà nước. Lượng hàng mua được ấn định theo đơn vị gia đình.

2. Chính sách tín dụng vi mô (micro credit) dành cho nông dân và các bà nội trợ nghèo với lãi suất thấp để canh tác mua bán nhỏ.

3. Chính sách tuyển dụng người nghèo để chỉnh trang hạ tầng cơ sở tại những vùng bị thiên tai làm hư hao như đào kinh rạch, tu sửa đường sá, trồng cây rừng, v.v. Nhờ đó người nghèo vượt thoát cảnh khó khăn trong một thời gian nhất định để tìm phương hướng sinh hoạt khác.

4. Chính sách cải cách ruộng đất bằng cách ấn định diện tích canh tác tối đa cho mỗi gia đình, số dư thừa được bán lại cho người nghèo với giá rẻ để canh tác. Trên thực tế chính sách này không mấy thành công vì số đất được nhượng lại cho nông dân nghèo thường là đất không thể dẫn thủy nhập điền hay thuộc loại xấu.

Với bốn chính sách trên số người nghèo tuy có giảm nhưng không qui mô lắm. Từ 2004 trở đi, chính quyền của thủ tướng Manmohan Singh đã đưa bốn chương trình khác để giảm nghèo tại nông thôn vì tuyệt đại đa số người nghèo sống tập trung ở các vùng nông thôn :

- giúp đỡ và khuyến khích nông dân nghèo trở thành tiểu nông ;
- dẫn thủy nhập điền và đổi mới kỹ thuật canh tác để gia tăng năng suất ;
- phát triển công nghiệp sử dụng nhiều nhân công để thu hút lao động dư thừa tại nông thôn ;
- nâng cao trình độ giáo dục và vệ sinh của người lao động nông thôn.

Cũng nên biết cho đến năm 2003 các ngành nông, lâm, ngư nghiệp ở nông thôn chiếm 1/4 trong tổng sản lượng quốc nội (GDP) và sử dụng hơn 1/3 lao động trên toàn quốc.

Tiềm năng và thử thách của nền kinh tế

Xét về thực lực, nền kinh tế Ấn Độ có những điểm mạnh như sau :

- Tỷ lệ tăng trưởng cao của Ấn Độ (8%/năm) sẽ vượt qua Trung Quốc từ 2010 đến 2015, mức sống của người dân nhờ đó cũng tăng theo.

- Công nghiệp tin học phần mềm (soft IT) tiếp tục gia tăng từ sau 1995, trong tương lai Ấn Độ sẽ là một trong hai quốc gia dẫn đầu thế giới trong lĩnh vực này.

- Tỷ lệ dân số trẻ có phẩm chất cao (giỏi toán và giỏi tiếng Anh) đang đảm nhiệm những vai trò chủ chốt trong kinh tế là một bảo đảm cho tương lai.

- Lượng ngoại tệ do Ấn kiều gửi về nước qua các ngân hàng ngày càng gia tăng khiến Ấn Độ trở thành quốc gia có trữ lượng ngoại tệ dồi dào nhất thế giới để từ đó thu đắc những kỹ thuật tiên tiến mới.

- Hệ thống ngân hàng Ấn Độ khá an toàn và lượng tiền cho vay không lấy lại được, tức mất trắng, ở mức thấp.

- Trị giá cổ phần của các công ty Ấn Độ tiếp tục tăng cao trên các thị trường chứng khoán trong trung và dài hạn.

- Giai cấp trung lưu đang trở thành động lực phát triển kinh tế rõ rệt. Trong năm 2006 giai cấp này chiếm hơn 40% dân số.

Tương lai xán lạn của Ấn Độ là điều không thể chối cãi, tuy nhiên muốn phát triển bền vững Ấn Độ cần phải giải quyết gấp ít nhất 5 vấn đề sau :

1. Môi trường : những bảo đảm về môi trường không bắt kịp đà phát triển kinh tế cao, do đó nguồn nước trong các xóm nhà ổ chuột quanh các đô thị lớn bị ô nhiễm, công tác trị an khó hiệu nghiệm, lượng xe cộ gia tăng làm giao thông hay tắc nghẽn và không khí bị ô nhiễm, nhà cửa chật chội. Đây là một vấn đề mà các chính quyền phải quan tâm đúng mức.

2. Những giá trị xưa : đồng tiền đang xóa bỏ sự phân chia đẳng cấp, do đó xã hội trở nên bất ổn vì không ai tôn trọng ai. Yếu tố gia đình vốn là sợi dây ràng buộc cá nhân với xã hội đang mỏng dần, tinh thần tương thân tương trợ mất dần chỗ đứng trong các khu vực đang phát triển. Phải tạo lại sợi dây liên đới xã hội để bảo đảm an ninh trật tự.

3. Nhân mãn : dân số Ấn Độ hiện nay hơn 1,1 tỷ người, tỷ lệ tăng trưởng dân số năm 2001 là 1,7%, vẫn còn quá cao do đó phải khai triển thêm những ngành kỹ nghệ sử dụng nhiều lao động trong nông nghiệp.

4. Các xí nghiệp quốc doanh tiểu bang : đây là một vấn nạn lớn vì mô hình sản xuất xã hội chủ nghĩa này, có từ thời bà Indira Gandhi, rất tốn kém và không hiệu quả. Giải tư những xí nghiệp này phải là ưu tư hàng đầu của từng chính quyền tiểu bang.

5. Hệ thống hạ tầng cơ sở : hiện nay hệ thống này còn quá yếu nên giới đầu tư quốc tế còn dè dặt chưa dám ồ ạt vào. Về điện, các công ty cung cấp điện trước đây đều là quốc doanh, nạn cúp điện xảy ra thường xuyên, hệ thống dây tải điện quá cũ kỹ nên tỷ lệ thất thoát lên đến 1/3. Để cải tổ, chính quyền trung ương đảm nhiệm cung cấp 32,2% nguồn điện, các công ty điện quốc doanh địa phương 57%, số 10,8% còn lại do tư nhân. Chính phủ Ấn đang điều nghiên để phát huy và tăng cường nguồn cung cấp điện từ các lò nguyên tử để thay thế than đá và dầu lửa.

Chiến lược phát triển bền vững

Trọng tâm của chiến lược này là cải thiện hệ thống giao thông vận tải và khuyến khích sự phát triển của các xí nghiệp nhỏ và vừa.

1. Giao thông vận tải : chính quyền Ấn đầu tư 150 tỷ USD trong 10 năm, từ 2006, để củng cố hạ tầng cơ sở ngành giao thông trong yêu cầu duy trì sự phát triển bền vững.

- Đường sắt : hoạt động từ tháng 4-1853 với 34 km (Bombay-Tanar), ngành đường sắt Ấn đã phát triển một cách ngoạn mục với 43 công ty sử dụng ba hệ thống ray khác nhau. Trung bình một người Ấn mỗi năm đi 190,5 km đường sắt (so với 68,8 km năm 1950).

- Đường bộ : ngành sản xuất xe hơi đã đem lại sự năng động cho toàn xã hội. Từ 2003 trở lại đây tăng 23% với một triệu xe bán được mỗi năm. Dự trù đến 2010 số lượng xe hơi bán được khoảng 3 triệu chiếc/năm. Tổng số đường quốc lộ năm 2002 là 58.112 km, hiện đang còn tăng thêm nữa. Năm 2006 chính quyền Ấn đã đầu tư trên 12 tỷ USD để xây dựng hệ thống xa lộ.

- Hàng không : sự xuất hiện của các hãng hàng không dân sự Air Deccan, King Fisher, Spice Jet, Air Sahara đã làm hạ vé máy bay quốc nội. Những hãng hàng không quốc doanh đang được tổ chức và tân trang lại để cạnh tranh với các hãng hàng không quốc tế khác.

2. Khuyến khích thành lập các xí nghiệp nhỏ và vừa

Từ 1990 trở lại đây, những công ty của Ấn đã làm kinh ngạc thế giới về sự năng động của mình, phần lớn là do những công ty xí nghiệp nhỏ và vừa. Hơn 3/4 lực lượng lao động của Ấn (500 triệu người) hoạt động trong các công ty xí nghiệp này và tạo ra 4/5 tổng sản lượng quốc gia.

Có ba đợt công ty nhỏ và vừa :

- Đợt 1 là những công ty sử dụng nhiều lao động trí óc để triển khai nhu liệu (software) và hậu dịch cho khách hàng (after save) trên toàn thế giới đầu những năm 1990.

- Đợt 2 là những công ty thuộc ngành chế tạo , như dệt, sản xuất xe hơi, dược phẩm..., đã không ngừng sáng tạo, đổi mới kỹ thuật và đóng góp rất nhiều cho sự phát triển của Ấn Độ qua xuất khẩu.

- Đợt 3 là những công ty, lúc đầu là những hãng con của các công ty đa quốc, nhờ nắm bắt được trào lưu tiến hóa của phong trào toàn cầu hóa nên đã chiếm lĩnh một địa vị quan trọng trên thương trường quốc tế. Đây chính là sức mạnh mũi nhọn của nền kinh tế Ấn Độ.

Ban lãnh đạo những công ty xí nghiệp nhỏ và vừa này nhận thức rằng nếu chỉ dựa vào nhân công rẻ tiền, họ sẽ không đương đầu được với các địch thủ như Bangladesh, Việt Nam, Turkey, do đó phải tạo ra những mặt hàng có trị giá gia tăng cao để có thể tồn tại lâu dài.

Cái may của Ấn Độ là đã áp dụng dân chủ ngay từ khi vừa có độc lập, nên đã sản sinh được nhiều nhà lãnh đạo sáng suốt, biết áp dụng những chính sách đúng để mở ra những chân trời mới đầy hứa hẹn cho toàn dân Ấn. Cũng nhờ có tự do và dân chủ mà sáng kiến và ý kiến được phát triển một cách trọn vẹn, và qua đó doanh nhân Ấn đã đủ tự tin để làm chủ những thị trường mới trên thế giới.

Nguyễn Minh (Tokyo)

Đoạn tuyệt với tinh thần Phan Bội Châu

Nguyễn Gia Kiểng

Một sự kiện mà mọi người đều đồng ý : sau 32 năm cả nước bị đặt dưới chế độ cộng sản, cuộc vận động dân chủ vẫn còn rất yếu, vẫn chưa có một tổ chức dân chủ có tầm vóc, mặc dầu đại đa số người Việt Nam đều muốn đất nước có dân chủ.

Sự kiện này cần được chú ý. Nếu ở trong nước không thể có một tổ chức dân chủ lớn vì chính sách đàn áp của đảng cộng sản thì ở hải ngoại tại sao cũng không có ? Như vậy phải kết luận rằng chúng ta chưa có đồng thuận, ít nhất chưa có ở mức độ cần thiết.

Đồng ý đất nước phải có dân chủ chưa đủ. Cái gì quá hiển nhiên không còn là đồng thuận. Vấn đề đồng thuận chỉ đặt ra khi có nhiều chọn lựa và chúng ta đồng ý với nhau trên một số chọn lựa. Đồng thuận dân chủ đòi hỏi chúng ta cùng có một quan điểm về nội dung của khái niệm dân chủ, về cách thiết lập dân chủ cho Việt Nam, về phương thức đấu tranh, những việc phải làm, những phương tiện phải có để giành thắng lợi cho dân chủ, và về một cơ cấu tổ chức của đội ngũ đấu tranh, đặc biệt là cơ cấu lãnh đạo.

Nếu hiểu như vậy thì đồng thuận đấu tranh là điều mà chúng ta vẫn phải tìm kiếm.

Trước hết phải có đồng thuận về bản chất của cuộc vận động dân chủ. Đây là một cuộc đấu tranh cách mạng. Chúng ta muốn thay đổi chính quyền và thay đổi chế độ, nhưng đó không phải là tất cả và cũng không thực hiện được nếu được lấy làm cứu cánh. Điều gốc rễ là chúng ta *phải muốn* xây dựng một xã hội mới đặt nền tảng trên một văn hóa chính trị mới và triết lý chính trị mới. Thay đổi chế độ và chính quyền chỉ là hậu quả. Chỉ đi tìm hậu quả mà không nắm được nguyên lý chúng ta sẽ không thành công.

Tôi không lý thuyết đâu. Hãy lấy một thí dụ : vấn đề lãnh đạo. Cho tới nay triết lý chính trị duy nhất mà chúng ta biết trong suốt dòng lịch sử là triết lý theo đó quyền lực chính trị là tất cả, và tâm lý của chúng ta chưa thay đổi bao nhiêu. Ngày xưa vua là trời, hay ít nhất cũng là người thay trời quyết định tất cả, không những quyết định đời sống hàng ngày mà quyết định cả đời sống tâm linh của thần dân. Ngày nay cũng thế, kẻ cầm quyền tự cho mình quyền suy nghĩ cho cả xã hội. Chính trị quyết định tất cả và cũng tập trung tất cả mọi vinh quang. Dân chủ đoạn tuyệt với triết lý chính trị này. Nó đặt xã hội dân sự lên trên quyền lực chính trị, nhà nước ở dưới và có vai trò phục vụ xã hội dân sự chứ không ở trên và khống chế xã hội dân sự. Sự cao cả và vinh quang không tập trung trong chính quyền mà ở mọi người, mọi nơi và mọi việc. Người ta có thể cao cả dù giữ bất cứ vai trò nào trong xã hội : nhà tư tưởng, nhà khoa học, nhà báo, nhà văn, giáo viên, thợ may, v.v. nếu làm giỏi, lương thiện và sáng tạo công việc mình làm.

Ở mọi hoạt động, kể cả chính trị, tất cả chỉ là vai trò và công tác, lãnh đạo chỉ là một công tác như mọi công tác khác. Các chế độ độc tài là hậu quả của triết lý

chính trị cũ và sai. Nếu quyền lực chính trị là tất cả thì sẽ có những người muốn độc chiếm vì tham vọng và cũng vì để tự vệ. Chính vì chính trị ngạo mạn mà nó bị chiếm đoạt và khống chế và trở thành đối tượng của những tranh giành khốc liệt. Và vì quyền lực chính trị là tất cả mà sự tranh giành quyền lực lây lan ra mọi sinh hoạt. Chúng ta đều đã thấy trong mọi tổ chức, kể cả những tổ chức ái hữu và từ thiện, người ta tranh giành quyền lực với nhau một cách dữ dội. Ngay cả những người hoàn toàn thiếu khả năng cũng cố giành vai trò lãnh đạo, với kết quả là gây đổ vỡ. Tình trạng sẽ khác hẳn nếu người ta quan niệm lãnh đạo như một vai trò trong nhiều vai trò khác, người lãnh đạo không phải là người vinh quang nhất và được kính trọng nhất mà chỉ là người hội được nhiều điều kiện nhất (sức khỏe, thời giờ, kiến thức, v.v.) để đảm nhiệm vai trò lãnh đạo trong một hoàn cảnh nào đó. Chúng ta sẽ tránh được biết bao nhiêu đổ vỡ và phí phạm. Thí dụ này cùng với nhiều thí dụ khác cho thấy là không gì thực tiễn bằng một lý thuyết đúng.

Đồng thuận này, nghĩa là cuộc vận động dân chủ là cuộc đấu tranh cách mạng nhằm thay đổi không những chế độ và chính quyền mà cả tổ chức xã hội lẫn văn hóa và triết lý chính trị, có một hệ luận chắc chắn : những người lãnh đạo chủ chốt phải vừa là những người hành động vừa là những nhà lý thuyết. Đây có lẽ là điều khó khăn nhất và đã là nguyên nhân khiến cuộc vận động dân chủ dậm chân tại chỗ trong ba thập niên qua. Khó khăn không phải chỉ ở chỗ khó tìm ra được những con người như vậy mà còn ở chỗ người ta không hiểu như vậy. Nhưng lịch sử các cuộc cách mạng trên thế giới đã bao giờ có ngoại lệ đâu.

Đồng thuận thứ hai là nhất định phải thay đổi chính quyền này, không có giải pháp nào khác.

Một người bạn tôi, một trí thức lớn có địa vị cao trong xã hội Pháp và rất có tiếng tăm trong cộng đồng nói với tôi : *"Tôi thấy chống đối không có lợi, cứ gặp tội nó nói chuyện, tội nó sẽ nghe"*. "Tội nó" đây là những người lãnh đạo cộng sản. "Tội nó" chúng tôi bạn tôi không ưa chế độ này và muốn thay đổi. Anh tự coi, và hình như cũng được coi, là một người dân chủ. Nếu có một cuộc bầu cử tự do chắc chắn anh ta sẽ bầu cho phe dân chủ. Cũng có thể khi cuộc đấu tranh cho dân chủ đã mạnh và chúng tôi có thể thắng, anh ta sẽ tham gia, sẽ trở thành một trong những người lãnh đạo xuất sắc nhất và có thể sẽ trở thành bộ trưởng, thủ tướng hay tổng thống trong chế độ dân chủ sau này. Nhưng trong hiện tại và cho đến lúc cuộc đấu tranh cho dân chủ còn khó khăn không nên mong đợi gì ở anh ta. Anh ta đứng về phe muốn thay đổi dần dần từ bên trong, nghĩa là đứng về phía chế độ cộng sản. Hơn thế nữa với địa vị và uy tín của anh, lập luận "chống đối không có lợi" còn có tác dụng giải giới cuộc đấu tranh cho dân chủ. Những người như anh ta đã góp phần quan trọng khiến cuộc vận động dân chủ dậm chân tại chỗ trong hơn ba thập

niên qua. Có thể họ không ý thức được nhưng họ là những đồng minh khách quan của chế độ cộng sản.

Phản bác họ không khó dù họ có thông thái đến đâu đi nữa. Họ đã đi theo tập quán bình thường của con người là kết luận trước lý luận sau. Họ kết luận vì những lý do nằm trong bản năng như sợ gian nguy, thích ăn sung và quyền lợi, rồi dùng kiến thức và lý luận để biện hộ sau.

Bạn tôi thừa thông thái để hiểu rằng những vấn đề nghiêm trọng và cấp bách đang được đặt ra cho đất nước chỉ có giải pháp trong một chế độ mới, với một chính quyền khác. Vấn đề tham nhũng : chưa ở nước nào và trong thời đại nào có trường hợp một chính quyền tham nhũng tự cải tiến để hết tham nhũng cả ; khi một chính quyền đã tham nhũng thì chỉ có một cách giải quyết là thay thế nó bằng một chính quyền khác.

Sự tụt hậu bị đát của đất nước trong cuộc cách mạng tri thức này phải chặn đứng và đảo ngược bởi vì đất nước giàu hay nghèo, vinh hay nhục, nghĩa là về lâu về dài còn hay mất, tùy thuộc ở cuộc tranh đua này mà vũ khí cơ bản là ý kiến và sáng kiến, những yếu tố chỉ có thể nảy sinh và phát triển nơi những con người tự do, trong những xã hội dân chủ. Điều lấn cấn nơi nhiều người, kể cả một số trí thức khoa bảng, khiến họ không lên án một cách dứt khoát các chế độ độc tài là họ không ý thức được rằng trí óc con người là một tổng thể, khi một quyền tự do bị cấm đoán thì mọi khả năng đều bị ảnh hưởng. Một nhà khoa học có thể hoàn toàn không có ý định ứng cử vào quốc hội nhưng nếu bị cấm ứng cử, ông ta cũng không thể sáng tạo ngay trong địa hạt khoa học vì không còn là một con người tự do. Trong thực tế chế độ cộng sản này không phải chỉ cấm làm chính trị mà còn cấm đoán và kiểm soát rất nhiều thứ khác. Họ không chế tất cả vì sợ rằng ngay khi một sinh hoạt được buông lỏng nó trở thành một môi trường chống đối. Đảng cộng sản cai trị bằng sự sợ hãi vì chính nó đang lo sợ.

Không ai phủ nhận bất công xã hội và chênh lệch giàu nghèo hiện nay là quá đáng. Bảy mươi lăm triệu người Việt Nam chia nhau khoảng 10 tỷ USD, trong một tổng sản lượng quốc gia (GDP) 45 tỷ USD, 35 tỷ USD "còn lại" thuộc vào non mười triệu người (trong đó phần lớn bị chiếm đoạt bởi vài ngàn cường hào). Một số nhỏ có thể bỏ ra vài ngàn USD để vui chơi một buổi tối trong khi đại bộ phận các gia đình Việt Nam sống lay lắt với 50 USD mỗi tháng. Tình trạng này không cho phép đại đa số thanh niên Việt Nam có sức khỏe và tiện nghi để học hỏi, nó cũng làm tan vỡ tình tự dân tộc, và sau cùng chính dân tộc nếu cứ tiếp tục.

Đó chỉ là một vài thí dụ. Dĩ nhiên "tội nó" phải nghe bởi vì tình trạng báo động hiện nay chỉ là một sự thực. Nhưng nghe rồi làm gì ? Không thể đòi hỏi những người được ưu đãi thay đổi một thực trạng đang ưu đãi họ. Chúng ta không phải là Phật, là thánh. Đất nước chỉ có giải pháp để ra khỏi bế tắc và vươn lên với một chế độ khác và một chính quyền khác. Chính quyền khác đây không nhất thiết phải là sự đào thải toàn bộ nhân sự cộng sản. Đảng nào thì quân đội, công an, công chức, nghĩa là bộ máy nhà nước, cũng phải được duy trì. Cái phải thay đổi là lãnh đạo. Bộ máy lãnh đạo cũng không nhất thiết phải hoàn toàn mới nhưng phải đủ mới để có khả năng lấy những quyết định lớn và bảo đảm sự áp

dụng. Chỉ có một cuộc đấu tranh rất mãnh liệt mới buộc được đảng cộng sản chấp nhận thay đổi này.

Chúng ta không thể tiết kiệm một cuộc đấu tranh cách mạng. Nhưng cuộc cách mạng này sẽ diễn ra như thế nào ?

Không dễ gì rút được kinh nghiệm lịch sử của các dân tộc khác. Các cuộc cách mạng tại các quốc gia không giống nhau. Khi các lực lượng dân chủ thắng tại Nam Mỹ rồi Đông Âu đã có những người hân hoan nghĩ rằng chế độ độc tài cộng sản sẽ sụp đổ tại Việt Nam, nhưng rồi sau đó chế độ cộng sản vẫn tiếp tục và người ta biện luận rằng đó là vì tình hình Việt Nam có nhiều điểm khác với các nước này. Đó là kiểu lý luận trái tào rơi nhưng trái sung không rụng bởi vì trái sung khác trái tào. Lối lý luận này không đưa chúng ta tới đâu cả. Kinh nghiệm của các dân tộc chỉ có lợi trong chừng mực chúng giúp ta rút ra những qui luật của đấu tranh chính trị, sau một quan sát khoa học và một cố gắng tổng hợp đúng đắn.

Trong khuôn khổ cuộc thảo luận này, tôi chỉ xin nhắc lại sơ lược một tiến trình cách mạng mà anh em chúng tôi trong Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên đã rút ra từ kinh nghiệm các cuộc cách mạng trên thế giới, khá lâu trước khi Liên Xô và các chế độ cộng sản Đông Âu sụp đổ. Theo tiến trình này thì có bốn điều kiện vừa cần vừa đủ để một cuộc cách mạng (hiểu theo nghĩa một cuộc thay đổi cả chế độ chính trị lẫn chính quyền) xảy ra, và sẽ xảy ra theo một tiến trình gồm năm giai đoạn.

Một cách tóm lược, bốn điều kiện đó là :

1/Đại đa số dân chúng đồng ý rằng chính quyền hiện tại là tệ hại, phải thay đổi ;

2/Đảng hoặc giai cấp cầm quyền mất sự gắn bó cần thiết để tự vệ và tồn tại vì mất lý tưởng hay vì bị tham nhũng đục khoét ;

3/Quần chúng đồng ý về một thể chế mới và những định hướng mới cho đất nước ; và

4/ Có một tổ chức làm tụ điểm cho những nguyện vọng và cố gắng đổi đời.

Nếu bốn điều kiện này hội đủ trong một quốc gia thì một cuộc cách mạng chắc chắn sẽ xảy ra, bất kể quốc gia đó giống hay không giống các quốc gia khác ở những điểm nào. Nói chung là sự kiện một đảng cầm quyền phân hóa và bị thù ghét không đủ để khiến nó phải sụp đổ. Người dân còn đồng ý phải thay đổi chứ không thể cải thiện chính quyền hiện có (nghĩa là không có vấn đề "*cứ nói tội nó sẽ nghe*" như anh bạn tôi) và phải đồng ý thay đổi nó bằng cái gì. Chúng ta lại thấy một lần nữa là không có cuộc cách mạng chính trị nào có thể thành công nếu không có một cuộc vận động tư tưởng đi trước.

Quan trọng nhất là điều kiện thứ tư : có một tổ chức làm tụ điểm cho các khát vọng và cố gắng đổi đời. Điều kiện này cần được nói rõ hơn. Không phải tổ chức nào cũng có thể đảm nhiệm được vai trò kết hợp và động viên này. Trong tình trạng một xã hội tiến cách mạng có thể có rất nhiều tổ chức, thậm chí có tình trạng hỗn loạn tổ chức, mà không có tổ chức nào đảm nhiệm được vai trò này. Đó chính là tình trạng đã và đang xảy ra đối với cuộc vận động dân chủ và cũng là lý do khiến chúng ta dậm chân tại chỗ.

Tổ chức đầu tàu phải được xây dựng như thế nào ?

Phương thức cụ thể có khác nhau trong mỗi nước và ở mỗi giai đoạn nhưng kinh nghiệm các cuộc vận động cách mạng đã thành công đều cho thấy là tiến trình xây dựng tổ chức đấu tàu này phải đi qua năm giai đoạn :

1/ Xây dựng một cơ sở tư tưởng, nghĩa là một dự án chính trị bao gồm một tư tưởng chính trị đúng, những định hướng đúng và những giải pháp đúng cho những vấn đề lớn của đất nước ;

2/Tạo dựng một đội ngũ cán bộ nòng cốt, nghĩa là những người có lý tưởng, quyết tâm, kiên trì và khả năng, gắn bó với nhau để thực hiện dự án chính trị ;

3/Xây dựng và kiểm điểm phương tiện ;

4/Xây dựng hậu thuẫn quần chúng ;

5/Tiến công giành thắng lợi.

Tôi không đi vào chi tiết năm giai đoạn này ở đây, độc giả muốn hiểu thêm có thể đọc trong dự án chính trị *Thành Công Thế Kỷ 21* (1). Tiến trình năm giai đoạn này phù hợp với mọi cuộc vận động cách mạng đã thành công trên thế giới và cũng là một tổng hợp các nhận định rải rác trong các tác phẩm của các sử gia và các nhà nghiên cứu chính trị.

Điều cần nhấn mạnh là hai giai đoạn đầu, xây dựng cơ sở tư tưởng và tạo dựng đội ngũ cán bộ nòng cốt, chiếm gần hết thời giờ của cuộc đấu tranh cách mạng.

Điều cần đặc biệt lưu ý vì có một ngộ nhận lớn, là cố gắng động viên quần chúng. Sự hưởng ứng của quần chúng là điều kiện bắt buộc, nhưng không phải là công việc khó khăn nhất của đấu tranh cách mạng và cũng chỉ là giai đoạn cuối cùng trước khi tiến công giành thắng lợi. Cần phân biệt *chuẩn bị* quần chúng và *động viên* quần chúng. Tâm lý quần chúng cần được chuẩn bị, một phần như là phó sản của những cố gắng truyền bá tư tưởng mới ngay từ giai đoạn đầu, trong thời đại chúng ta chủ yếu qua thông tin và sách báo, một phần do chính những sai phạm của chính chế độ cần phải thay đổi, nhưng động viên quần chúng tham gia đấu tranh thay đổi xã hội là một điều khác. Ngày nay chúng ta có thể coi tâm lý quần chúng Việt Nam đã chín muồi. Vấn đề còn lại là động viên quần chúng tranh đấu và đây là vấn đề chỉ có thể đặt ra sau khi đã xây dựng xong tổ chức đấu tàu và đã hội đủ các phương tiện. Có thể nói sự hưởng ứng của quần chúng chỉ có vào lúc mà hầu như tất cả những cố gắng cam go nhất đã làm xong và thắng lợi đã chắc chắn.

Chúng ta thường lặp lại một cách máy móc "ở đâu có áp bức ở đó có chống đối và đấu tranh" mà quên rằng đấu tranh đó chủ yếu là của một thiểu số có lý tưởng và quyết tâm. Kinh nghiệm cũng như mọi khảo cứu đều xác nhận rằng một số người dù đông đảo tới đâu và hoàn toàn đồng ý là mình đang bị chà đạp, thậm chí đang đứng trước một nguy cơ lớn, cũng không đứng dậy đấu tranh. (Ai ngờ vực điều này nên nhớ lại những thảm kịch của những cuộc vượt biên trước đây. Hàng ngàn người trên một con tàu bị một bọn cướp biển chửi mắng tên trần lột, đánh đập, hăm hiếp, phá máy tàu. Tất cả đều căm thù đến tột độ và nếu đồng loạt phản ứng thì chắc bọn cướp sẽ bị tiêu diệt, nhưng mọi người đã thụ động). Quần chúng chỉ đứng dậy tranh đấu nếu có một tổ chức lãnh đạo và tổ chức này phải vừa rất gắn bó vừa đủ mạnh để quần chúng tin tưởng vào thắng lợi. Mọi kinh nghiệm cũng cho thấy sự tham gia của quần chúng sẽ tan biến nếu thắng lợi không

đạt được một cách nhanh chóng. Phải chuẩn bị xong, hay ít nhất gần xong, những điều kiện cần thiết để giành thắng lợi rồi mới có thể và nên động viên quần chúng. Tất cả những cuộc cách mạng đều cần một tổ chức mạnh làm động cơ. Và tổ chức này chỉ có thể là kết quả của một cố gắng xây dựng thông minh và kiên trì, trong nhiều năm.

Trở lại với cuộc đấu tranh giành tự do và dân chủ. Ngộ nhận về bản chất và phương thức của cuộc đấu tranh này đã khiến nó dậm chân tại chỗ. Người ta không nhìn thấy vai trò cốt lõi và bắt buộc của tổ chức, hoặc thấy việc xây dựng một tổ chức quá khó khăn rồi tự đánh lừa mình và loay hoay đi tìm những "giải pháp" thay thế như vận động chữ ký cho một bản tuyên ngôn chung, những liên minh lỏng lẻo, những kết hợp vội vã chung quanh một vài nhân vật có tiếng tăm, v.v. Hoặc vì vô ý thức, người ta lạc quan cho rằng có thể nhanh chóng thành lập được một tổ chức lớn mạnh. Và người ta vội vã kêu gọi quần chúng đứng dậy khi chưa thành hình xong ngay cả một bào thai của một tổ chức. Tại sao những ngộ nhận này cứ tiếp tục mãi ?

Những thất bại liên tục và chông chắt đã không cho phép những người dân chủ rút ra bài học cần thiết có lẽ vì chúng ta bị ảnh hưởng quá nặng của lối đấu tranh lãng mạn truyền thống.

Ở đầu thế kỷ 20 chúng ta có hai nhà cách mạng lớn họ Phan, Phan Chu Trinh và Phan Bội Châu. Hai ông này thường được quý trọng như nhau mặc dù họ rất khác nhau. Cái khác biệt giữa hai ông là sự khác biệt giữa cái đúng và cái sai. Phan Bội Châu sai hoàn toàn. Ông viết cuốn *Khổng Học Đăng* (đền Khổng học) muốn lấy tinh hoa của Khổng giáo làm tinh thần phục quốc mà không ý thức được rằng đó là một ý thức hệ phải vất bỏ. Ông ngưỡng mộ chế độ quân phiệt Nhật và muốn dựa vào Nhật mà không thấy được rằng đó sẽ là một đại họa cho đất nước. Ông muốn đấu tranh bằng bạo lực dù không có bạo lực. Ông đấu tranh bằng tấm lòng và nhiệt huyết, bất chấp tư tưởng, viễn kiến và phương pháp. Ông là điển hình của lối đấu tranh lãng mạn. Tuy vậy sức thu hút của ông đối với thanh niên Việt Nam hơn hẳn Phan Chu Trinh. Hành động luôn luôn hào hứng hơn suy nghĩ. Việt Nam Quốc Dân Đảng hãnh diện được ông nhận làm chủ tịch danh dự, nhiều thế hệ thanh niên Việt Nam lấy ông làm biểu tượng và mẫu mực. Không có gì ngạc nhiên nếu đất nước vẫn như hiện nay.

Cuộc vận động cách mạng dĩ nhiên đòi hỏi trái tim và nhiệt huyết nhưng nó còn đòi hỏi trí tuệ và một phân tích lạnh lùng về thực tại và các khó khăn, về đường lối và phương pháp.

Đã đến lúc chúng ta cần thắp một nén hương kính phục tấm lòng và khí phách của Phan Bội Châu. Rồi đoạn tuyệt với cách đấu tranh của ông. Khẩn cấp.

Nguyễn Gia Kiểng

(1) *Thành Công Thế Kỷ 21*, dự án chính trị của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên, 145 trang, có thể liên lạc với tòa soạn để mua (10 EUR hay 15 USD, đã kể cước phí bưu điện), hoặc đọc trên web Thông Luận (www.thongluan.org). Tài liệu này được ấn hành năm 2001 và sẽ được cập nhật trong năm nay.

Hôtel Ba Đình mấy sao ?

Dư luận công chúng Pháp thích thú theo dõi việc quyết định lên sao xuống sao của hàng chục nghìn khách sạn lớn nhỏ của toàn nước Pháp. Sự xếp sắp thứ hạng cứ hai năm lại thay đổi. Có khách sạn 3 sao, 4 sao nhảy lên hàng tốt đỉnh 5 sao. Có nhiều khách sạn tụt từ 4 sao, 3 sao xuống còn 2 sao. Kể cười, người méo mặt lo âu, trước sự phán xét của cơ quan chuyên trách thanh tra các khách sạn, có tham khảo ý kiến của công đoàn, người tiêu dùng, báo chí. Sự đánh giá dựa theo các tiêu chuẩn khoa học nghệ thuật ẩm thực, vệ sinh, lịch sự, giá cả, luật pháp, các mặt tiến bộ ra sao hay sa sút thế nào.

Cuộc đánh giá định kỳ thúc đẩy cuộc ganh đua toàn ngành khách sạn, không thể có 5 sao rồi thì yên chí mãi với danh hiệu ấy, cũng không thể bị 2 sao thì đành thủ phận chịu kém mãi. Xã hội có lợi, khách hàng được phục vụ ngày càng tốt hơn, món ăn ngon hơn, vệ sinh bảo đảm, lịch sự hơn, giá cả hợp lý hơn. Đó là nếp sống dân chủ.

Tôi bỗng nghĩ đến cuộc bầu cử quốc hội ở nước ta ngày 20-5-2007 sắp đến. Hầu như không có người tự mình ra ứng cử, tự mình ra tranh cử với chương trình hành động cụ thể rõ ràng, cạnh tranh độ sức với nhiều đối thủ khác ở mỗi đơn vị bầu cử, để các cử tri xem xét, cân nhắc, chọn mặt gửi vàng. Tất cả, đảng đã làm thay dân, từ ấn định số đại biểu là 500, 90% là đảng viên, 10% là người ngoài đảng, đều do đảng cử ra rồi giao cho Mặt trận Tổ quốc cũng do đảng dựng lên thông qua. Đảng cũng quyết định trước là giữ lại 140 đại biểu khóa trước ở lại, đảng cũng quyết định giảm bớt 5-7 đại biểu quân đội và 2 đại biểu ngành công an so với khóa trước.

Chưa bao giờ đảng cộng sản phơi bày bản chất toàn trị trắng tráo như trong cuộc bầu cử tiền chế 100% năm nay. Thật là ngang ngược. Thật là quá quắt. Một sự khiêu khích toàn xã hội và toàn thế giới ngay sau khi nước ta gia nhập Tổ Chức Thương Mại Quốc Tế để hội nhập với thế giới.

Ông Nguyễn Đình Hương (Mười Hương), ủy viên trung ương 3 khóa liền, nguyên trưởng ban bảo vệ chính trị của đảng, phải la trời lên rằng vẫn sẽ là những "nghị gật". Giáo sư Phan Đình Diệu, ủy viên đoàn chủ tịch Mặt Trận Tổ Quốc, ngao ngán : "Đảng cộng sản đã hủy bỏ quyền ứng cử tự do ghi trong hiến pháp". Chính báo chí trong nước nhận xét rằng ông Nguyễn Phú Trọng hiện là chủ tịch quốc hội trong 2 khóa trước, làm đại biểu cho Hà Nội, đã ngâm tẩm không phát biểu ý kiến một lần nào ; và có đến gần 200 vị như vậy, chỉ có gật, gật và gật.

Không phải ngẫu nhiên mà ngay trong đảng cộng sản đã có những yêu cầu hủy bỏ điều 4 của hiến pháp. Vì với điều 4, đảng cộng sản đã tước đoạt và trốn thoát khỏi quyền giám sát của nhân dân. Vì không thiết lập sự giám sát định kỳ của nhân dân đối với đảng, vì tự thiết lập chế độ độc đảng để độc quyền thống trị xã hội mãi mãi, nên

đảng đặt nước ta trước một bế tắc cực kỳ nghiêm trọng : dù cho đảng đã tỏ ra thoái hóa và biến chất, dù cho đảng phạm sai lầm liên tiếp, dù cho đảng hoàn toàn bất lực trong chống tham nhũng và lãng phí, làm cho bất công xã hội lan rộng, nhưng xã hội chịu chết cứng, không có tổ chức và biện pháp thay thế, đành đứng nhìn xã hội băng hoại trong sự giàu sang của bộ phận cầm quyền của đảng đang tàn phá tận gốc đất nước này.

Việc định kỳ đánh giá công khai các khách sạn, tăng sao và giảm sao theo từng thời gian là một biểu hiện ưu việt của nền dân chủ. Nó gợi ra những so sánh về chính trị. Một đảng tốt có thể trở thành xấu sau một thời gian cầm quyền. Tình hình đòi hỏi đảng cộng sản phải tôn trọng hiến pháp trong đó ghi rõ quyền tự do lập hội và chính đảng để ganh đua cạnh tranh ngay thật với đảng cộng sản, lấy cử tri làm trọng tài.

Hãy dám mở một cuộc trưng cầu dân ý về vấn đề hệ trọng này.

Thời bao cấp, tất cả các cửa hàng ăn của mậu dịch quốc doanh đều chung một phẩm chất trung bình : cơm sống sượng, canh "đại dương", thịt thiu, cá tanh, bát dưa dơ bẩn. Nhà nước làm chủ, không có xếp loại, không có cạnh tranh, không có ganh đua, không có lựa chọn nào khác, coi như 5 sao tuyệt.

Thời mở cửa hiện nay, Sài Gòn và Hà Nội đều có Hôtel 5 sao thứ thật, được chuyên gia khách sạn, đầu bếp ngoại hạng của phương Tây vào tiếp sức nên thu hút được nhiều khách. Những cửa hàng mậu dịch cũ được coi là 5 sao thời bao cấp, nếu còn có lẽ khó được một sao nào theo tiêu chuẩn quốc tế hiện tại. Có khi các Hôtel như thế sẽ bị đóng cửa sớm, sập tiệm hay bị truy tố nếu có pháp luật nghiêm.

Nếu như so sánh quốc hội Việt nam với quốc hội các nước dân chủ tiên tiến - 5 sao - thì cái "Hôtel Ba Đình" - dựa vào những tiêu chuẩn của nền dân chủ tiên tiến - liệu có được một ngôi sao nào chăng ?

Xin để cho 500 vị sắp được đảng cử làm "nghị gật" - theo lời ông Mười Hương - và kính mời bà con ta trong và ngoài nước trả lời giúp.

Bùi Tín (Paris)

"Thế chế của Việt Nam phải là thể chế dân chủ đa nguyên, tôn trọng mọi khác biệt và dành chỗ đứng ngang nhau cho mọi người và cho mỗi người. Nhà nước phải thực sự tôn quyền, cho phép các địa phương tự tổ chức sinh hoạt của mình theo những điều kiện đặc biệt. Nhà nước tự coi như có sứ mệnh phục vụ xã hội dân sự và tạo điều kiện để xã hội dân sự phát triển và đem lại phúc lợi cho đất nước. Nhà nước đặt nền tảng trên thỏa hiệp thay vì xung khắc, không áp dụng một cách máy móc nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số. Nhà nước coi công bằng xã hội là một ưu tư thường trực. Nhà nước dân chủ đất nước phải là một nhà nước nhẹ, tuyệt đối tôn trọng và thực thi luật pháp, tập trung vào sứ mệnh hòa giải những tranh chấp, trọng tài các quan hệ trong xã hội dân sự và chế tài những vi phạm".

(Thành Công Thế Kỷ 21, Phần tóm lược, tr.134)

Lăn ranh đấu tranh

Nguyễn Huy Đức

Có những đề tài cần được xét lại một cách toàn diện để tránh những ngộ nhận vô cùng tai hại : mục đích của công cuộc đấu tranh cho tương lai đất nước là một thí dụ điển hình. Những ngộ nhận về khái niệm của cuộc đấu tranh này đã vô tình tê liệt hóa mọi cố gắng giành thắng lợi, ngay khi thắng lợi trong tầm tay.

Ý thức hệ ?

Ngay từ biến cố 30-4-1975, phần đông đã quan niệm rằng cuộc đấu tranh là này là cuộc đấu tranh ý thức hệ quốc gia (tư bản) - cộng sản. Giữa hai thái cực này, cuộc chiến chỉ có thể là tàn sát và tiêu diệt. Chiến tranh tại Việt Nam chỉ là một trong những cuộc tranh chấp thảm khốc đã xảy ra trên khắp quả địa trong giai đoạn Chiến Tranh Lạnh. Có thể khẳng định mà không sợ sai lầm rằng ý thức hệ là loại vũ khí tiêu diệt hàng loạt kinh hoàng nhất trong lịch sử nhân loại.

Thế rồi, khi chính quyền Hà Nội đã phải thi hành chính sách đổi mới và nhất là khi bức tường Bá Linh sụp đổ, cuộc đấu tranh ý thức hệ có thể được xem như đã hoàn toàn chấm dứt.

Cuộc chiến tuy đã tàn nhưng nó không quyết định được phần thắng đã nghiêng hẳn về ý thức hệ nào. Với những mâu thuẫn và tội ác của nó, chủ thuyết cộng sản dĩ nhiên không thể tồn tại và đã phải gục ngã cùng với sự suy sụp toàn diện của các chế độ độc đảng tại Đông Âu. Tuy nhiên, đó không chứng minh được sự toàn thắng của phía tư bản-quốc gia. Nghịch lý của lịch sử nằm ở đây : Trước hiểm họa của làn sóng đỏ, các chế độ quốc gia và tư bản đã phải tự thay đổi và đã phải tự cải tiến. Ý thức hệ quốc gia và chủ nghĩa tư bản đã hoàn toàn biến thể. Cái được gọi là "dân chủ xã hội" là gì nếu không là những chế độ quốc gia-tư bản "với khuôn mặt người" ? Ưu việt duy nhất của chủ nghĩa tư bản chỉ là khả năng tiến hóa và thích nghi với môi trường luôn đổi thay để có thể tồn tại và phát triển. Chủ nghĩa cộng sản đã không có được cá tính này. Nó đã trồn vạy với nó để rồi bị ném vào xọt rác của lịch sử.

Nếu có một bài học cần được rút ra sau cuộc tranh hùng vừa kết thúc vào thập niên 80, chắc chắn phải là một bài học về lòng khiêm tốn. Thật vậy, mặc dù đã dốc hết sức lực để tranh giành ảnh hưởng trong gần một thế kỷ, cả hai chủ nghĩa vừa đề cập trên đã không thể mang lại hạnh phúc cho con người.

Chỉ có tự do cá nhân, và lòng quyết tâm bảo vệ lấy nó, mới có thể tạo điều kiện cho mọi người và cho mỗi người tự tìm lấy hạnh phúc cho chính mình. Và chỉ có thể chế dân chủ mới có thể bảo đảm được quyền tự do cá nhân. Từ kết luận này, một khái niệm đấu tranh khác cũng đã nảy sinh : cuộc đấu tranh ngày hôm nay phải là một sự tranh chấp giữa độc tài và dân chủ.

Dân chủ - độc tài ?

Đối với Việt Nam, cần nhìn nhận rằng cuộc đấu tranh giữa những người dân chủ và chế độ độc tài đảng trị vẫn còn tiếp diễn. Hơn thế nữa, tình hình của cuộc đấu tranh này không tỏ ra sáng sủa lắm cho phía dân chủ : nếu không bị đàn áp thô bạo thì những người dân chủ cũng bị trù dập, bôi nhọ hay mua chuộc. Ngoài ra, những hiểm khích, xung đột cũng đã bộc phát giữa một số nhân vật tiêu biểu cho phe dân chủ Việt Nam. Đó là chưa nói đến những hành động đã gây nhiều ngạc nhiên nếu không nói là bất mãn.

Tuy nhiên đây chỉ là một suy luận rất hình thức về tiến trình dân chủ hóa đất nước. Nếu quan sát xã hội Việt Nam tường tận hơn thì phải công nhận rằng, người dân đã từng bước tự cởi trói. Nói một cách khác, một xã hội dân sự đã thành hình tại Việt Nam và đang từ từ thoát khỏi vòng kiểm soát của chính quyền.

Thật ra thì ngay từ khi cướp được chính quyền tại miền Bắc rồi trên toàn lãnh thổ, đảng cộng sản Việt Nam đã gặp phải nhiều kháng cự từ người dân, mặc dù việc đó chỉ có thể thể hiện qua những hành động bất mãn, bất tuân hoặc qua thái độ trêu chọc sự ngu dốt của chính quyền. Phải đợi đến năm 1986 (khi chính sách đổi mới được ban hành) thì mức độ đề kháng của người dân mới bộc phát và gia tăng mãnh liệt.

Ngày hôm nay, sau hơn 20 năm đổi mới, có thể nói mà không sợ sai lầm rằng cuộc đấu trí giữa xã hội dân sự Việt Nam và chính quyền cộng sản sắp sửa kết thúc : phần thắng đang nghiêng hẳn về phía xã hội dân sự. Tương quan lực lượng ngày càng thuận lợi cho xã hội dân sự nhờ vào môi trường không ngừng đổi thay. Nền giao thông và hạ tầng cơ sở ngày một hiện đại hóa ; internet và điện thoại (ngay cả điện thoại di động) cũng đã trở thành sản phẩm tiêu thụ thông thường ; điện đã về đến làng quê hẻo lánh mang theo những tin tức của đất nước và của thế giới bên ngoài. Những tiến bộ này đã tạo điều kiện cho mọi người được gặp mặt, trao đổi và liên lạc dễ dàng hơn mà không còn bị kiểm soát chặt chẽ như xưa. Nói tóm lại chúng ta đang chứng kiến một sự triệt thoái của chính quyền độc tài khỏi đời sống hàng ngày của người dân.

Vỡ tung đã đến hồi kết. Hay nói một cách cải lương hơn, "sân khấu đã về khuya" : đất nước đang chín và sẽ chín muồi cho một chuyển hóa về dân chủ.

Thế trận mới

Nhưng nếu cuộc đấu tranh dân chủ-độc tài sắp sửa kết thúc, nó đặt ra cho những người chức trách tương lai những thử thách ghê gớm. Chính sách kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã đem lại nhiều thương tật cho đất nước. Hệ thống an sinh xã hội gần như là con số không. Khác biệt giàu nghèo đã đến mức ngạo mạn và nó đang gây nhiều tổn thương cho tình đồng bào dân tộc. Xã hội Việt Nam ngày càng buông thả : tệ nạn xã hội (nghiện ngập, mại dâm, buôn người, lường gạt, trộm cướp...) gia tăng một cách choáng ngợp. Học hỏi và hiểu biết đã trở thành một xa xỉ phẩm vì nền quốc gia giáo dục đang xuống cấp một cách báo động. Tham nhũng, cướp giật của công

đã trở nên một nề nếp sống và một lý do để tự hào...

Những vấn nạn này cần được giải quyết càng sớm càng tốt.

Đi xa hơn nữa là những vấn đề tối quan trọng mà đất nước không thể tránh né mãi được : hòa giải giữa mọi người Việt Nam với nhau ; thống nhất đất nước qua chính sách thu phục lòng người ; tái tổ chức hành chánh lãnh thổ trên nguyên tắc văn minh và hợp tình hợp lý ; hoán chuyển đất nước từ một nước nông nghiệp sang một quốc gia dịch vụ hóa và công nghiệp hóa ; phát huy tinh thần trách nhiệm và kinh doanh để đào tạo một đội ngũ chuyên gia năng động ; tu sửa và bảo vệ môi trường để trao lại cho thế hệ mai sau một đất nước mà họ có thể an tâm sinh sống ; thực thi một chính sách ngoại giao sáng suốt và mềm dẻo trong một thế giới luôn đổi thay, đầy thử thách nhưng cũng nhiều cơ hội.

Phải nhất định một nguyên lý, tất cả những vấn đề trọng đại của đất nước đều có được giải pháp... với một điều kiện không có không được : chúng ta cần hơn bao giờ hết phục hồi niềm hy vọng và lòng tin ở đất nước. Nói ngắn gọn hơn chúng ta cần gây dựng lòng yêu nước.

Chỉ có lòng yêu nước mới có thể giúp một chính quyền đánh bật tham nhũng ra khỏi những cơ cấu của nó. Chỉ có lòng yêu nước mới khiến mọi người không chấp nhận hố sâu giàu nghèo vì đó là một trong những nguyên do gây chia rẽ dân tộc. Lòng yêu nước còn là động cơ mãnh liệt thúc đẩy mọi người đến gần với nhau và san bằng những thành kiến, những hận thù mà quá khứ để lại. Cộng với thái độ lương thiện, nó còn giúp mọi người nhận thức được đâu là lợi ích của quốc gia trong nhiều lãnh vực.

Có thể khẳng định rằng trong giai đoạn hiện tại, cuộc đấu tranh nhất định phải là sự tranh chấp giữa những con người lương thiện, những con người yêu nước với những người không còn tình cảm gì với quê hương.

Đây là một cuộc chiến rất quan trọng vì chiếm được thế thượng phong ở khâu này thì muốn thất bại cũng không được. Ngược lại, đây cũng sẽ là một cuộc chiến gian truân nhất vì phải nhìn nhận rằng tinh thần dân tộc của người Việt Nam hầu như không còn nhiều lắm (người Việt ở hải ngoại và ngay cả người đang sinh sống tại Việt nam). Trong cuộc đấu tranh này, phe dân chủ Việt Nam đang phải trực diện với một liên minh bất thành văn giữa những người đương quyền đang cố gắng duy trì quyền lực để vơ vét bất kể những tai hại cho đất nước, những người sẵn sàng móc nối với chính quyền để làm giàu một cách bất chính và những người đã bỏ cuộc vì đã quá thất vọng hoặc quá chán nản với đất nước.

Như mọi liên minh bất thành văn, liên minh này có sức mạnh ỳ lỳ của nó. Tuy nhiên, nó cũng rất lỏng lẻo và thiếu hẳn lòng quyết tâm.

Để có thể đập tan liên minh này và giành lấy thắng lợi, những người dân chủ cần chứng minh rằng họ là những người có bản lãnh và viễn kiến. Họ phải xuất hiện như những cơ may của đất nước thay vì là nạn nhân của thời cuộc. Họ phải chứng minh rằng họ là những người thật lòng yêu nước, yêu chuộng tự do.

Viễn kiến và bản lãnh chỉ được phát huy và hoàn thiện nhờ vào tổ chức. Chỉ có những người tự do và yêu chuộng tự do mới có thể gia nhập một tổ chức (những kẻ nô lệ không bao giờ hiểu được tổ chức). Chỉ có những người thực lòng yêu nước mới có thể chấp nhận giới hạn tự do của mình trong khuôn khổ của một tổ chức để có thể thực hiện những hoài bão mà, một mình, họ không thể gánh vác nổi.

Ngược lại, tổ chức sẽ là đôi hia ngàn dặm để giúp mọi người đạt đến mục đích tối hậu. Tổ chức là một khí cụ không có không được của những người yêu nước, yêu dân chủ và lương thiện.

Những dữ kiện gần đây tại Việt Nam đã chứng minh rằng sàng lọc và đào thải đang làm công việc của nó trong hàng ngũ những người dân chủ Việt Nam. Trong những ngày tháng sắp đến, sẽ xuất hiện những khuôn mặt lương thiện, thật lòng với đất nước. Họ sẽ tìm, sẽ gặp và sẽ hợp tác với nhau trong một tổ chức có bản lãnh, có viễn kiến và có những dự án khả thi cho đất nước.

Lúc đó tiến trình dân chủ Việt Nam sẽ lớn mạnh và sẽ xứng đáng để tiếp nhận chính quyền.

Lúc đó, những hấp tấp lập đảng và những vội vã ra tuyên cáo (để rồi âm thầm lui vào quên lãng) sẽ được xem như những cơn sốt của tiến trình dân chủ vào tuổi dậy thì.

Một lời cuối, sau khi được xem một cuốn phim với tựa đề "Đời tư của kẻ khác" (Tạm dịch từ *Das Leben der Anderen*), người viết bài này cũng vừa nhận thức thêm một điều khá quan trọng : cuộc đấu tranh ngày hôm nay, cũng như cuộc đấu tranh ngày hôm qua tại Đông Đức, còn là một cuộc tranh chấp giữa sự tinh khiết và cái thối nát, giữa sự hoàn mỹ và cái xấu xa, giữa lòng cao thượng và tâm địa thấp hèn.

Tinh khiết trên, vẻ hoàn mỹ nọ và thái độ cao thượng này chỉ có thể xuất phát từ tình thương, mà trong đó tình thương đồng bào ruột thịt (một khía cạnh của lòng yêu nước) chắc chắn phải chiếm một phần khá quan trọng. Cuộc đấu tranh quyết liệt đang xảy ra chỉ có thể là sự tranh chấp giữa những người yêu nước lương thiện và những người không, hay không còn, yêu nước.

Nguyễn Huy Đức (Paris)

Ốc sáng tạo và tinh thần cầu tiến là điều chúng ta phải học và tập quen. Muốn như thế chúng ta phải khuyến khích và tôn vinh tự do suy nghĩ và phát biểu. Chúng ta cần nâng lên hàng một nguyên tắc tuyệt đối là trong nước Việt Nam tương lai sẽ không thể có những vấn đề cấm bàn tới và cũng không thể có những ý kiến cấm nêu ra. Không một người Việt Nam nào có thể bị trừng phạt vì lối sống của mình hay vì những gì mình phát biểu, trừ trường hợp trực tiếp kêu gọi bạo lực.
(Trích *Thành Công Thế Kỷ 21*, tr.54)

**Tìm đọc Thông Luận trên internet :
<http://www.thongluan.org>**

Nhu cầu xây dựng một lực lượng doanh nhân có tầm vóc

Nguyễn Văn Huy

Bối cảnh chung

Trong một thế giới đang thu hẹp dần như hiện nay, sự giàu mạnh của một quốc gia không còn được đo lường trên sự lớn rộng của lãnh thổ, sự đông đảo về dân số, hay sự phong phú về tài nguyên thiên nhiên. Sự hùng cường của một quốc gia cũng không còn được đánh giá trên tổng sản lượng nội địa (GDP), lợi tức trên đầu người, nguồn dự trữ ngoại tệ, hay một lực lượng quân lực hùng hậu. Tất cả những yếu tố trên có thể là rất quan trọng, nhưng để giữ vững sự phát triển dài lâu chính quyền các quốc gia tiên tiến dồn mọi nỗ lực để hỗ trợ cho một lực lượng dân sự mang lại sự giàu có cho đất nước, đó là thành phần doanh nhân. Ngày nay sức mạnh của một quốc gia được đánh giá trên đội ngũ doanh nhân đang có. Càng nhiều doanh nhân, càng thêm giàu có. Giúp đỡ và tăng cường đội ngũ doanh nhân chính vì thế là ưu tiên hàng đầu của những cường quốc kinh tế.

Tại những quốc gia tiên tiến, lực lượng doanh nhân này nắm giữ từ 90 đến 99% tổng số doanh nghiệp, sử dụng từ 75 đến 85% lực lượng lao động và cung ứng từ 85 đến 95% tổng sản lượng quốc gia. Càng phát triển cao, tỷ lệ sở hữu doanh nghiệp càng cao. Doanh nhân ở đây là những cá nhân tự bỏ vốn ra đầu tư hay hùn hạp kinh doanh, những người dám chấp nhận rủi ro để kiếm lời, nói chung đó là những chủ nhân. Điều kiện để những doanh nhân này phát huy tài năng là tự do kinh doanh, không có sự can thiệp của chính quyền. Cơ quan bảo vệ sinh hoạt kinh tế tự do này trên qui mô toàn cầu là Tổ Chức Thương Mại Thế Giới (WTO).

Ngày 15-1-2007 vừa qua, Việt Nam đã chính thức được công nhận là thành viên thứ 150 của Tổ Chức Thương Mại Thế Giới. Đây là một may mắn nhưng cũng là một thử thách lớn cho doanh nhân Việt Nam. May mắn vì hàng hóa của Việt Nam từ nay được tự do xuất khẩu sang 149 quốc gia khác, mở ra một chân trời đầy hy vọng cho tiềm năng sản xuất và kinh doanh của doanh nhân trong nước. Thử thách vì lực lượng doanh nhân Việt Nam hiện nay còn quá ít, hơn nữa lại yếu về tài chánh và non nớt về kinh nghiệm, có thể bị đè bẹp bởi những tập đoàn kinh doanh lớn nếu không được bảo vệ hay không khôn khéo.

Trước vận hội mới này, nhu cầu xây dựng một đội ngũ doanh nhân có tầm vóc phải là ưu tiên hàng đầu của chính quyền Việt Nam. Phải tạo mọi cơ hội để doanh nhân trong nước có cơ hội tiếp xúc với những đối tác nước ngoài và khai thác những thị trường mới.

Hiện trạng doanh nhân Việt Nam

Tại Việt Nam, doanh nhân là chủ nhân các công ty, xí nghiệp nhỏ và vừa, tức những đơn vị kinh tế có tuyển dụng ít nhất một nhân công. Những người bỏ vốn ra kinh doanh một mình trong các chợ hay trên đường phố, như tiệm bán áo quần hay sạp bán thức ăn..., không có sổ sách kế toán ghi chép doanh thu và khai báo nhân công, không được xem là doanh nhân mà là hộ kinh doanh cá thể. Lãnh đạo những công ty quốc doanh mặc dù quản trị trực tiếp nhiều nhân công không được kể là doanh nhân, vì họ chỉ là những chuyên viên quản trị được trả thù lao chứ không phải là người bỏ vốn.

Theo một báo cáo của cuộc Hội thảo khoa học quốc tế diễn ra tại Hà Nội ngày 28 và 29-11-2005, năm 2004 Việt Nam có 170.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa, và 2,6 triệu hộ kinh doanh cá thể, sự đóng góp của những doanh nghiệp này vào ngân sách trung ương và địa phương là 13.000 tỷ đồng (gần một tỷ USD), tạo ra 49% việc làm phi nông nghiệp ở nông thôn, sử dụng khoảng 25-26% lực lượng lao động cả nước, tham gia xuất khẩu với khối lượng lớn, nhất là thủy sản. Cũng theo báo cáo này, được xem là doanh nghiệp nhỏ và vừa số vốn phải nhỏ hơn 10 tỷ đồng (750.000 USD), sử dụng ít hơn 300 lao động. Như vậy 95% doanh nghiệp Việt Nam thuộc loại nhỏ và vừa, phần lớn thuộc sở hữu tư nhân, đóng góp 42% tổng sản lượng quốc gia.

Với một quốc gia có hơn 83 triệu dân, 170.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa và 2,6 triệu hộ kinh doanh là quá ít, phải tăng thêm ít nhất gấp mười lần mới đúng. Riêng nước Pháp với 62 triệu dân đã có hơn 1,8 triệu công ty, xí nghiệp nhỏ và vừa.

Theo báo cáo trên, tổng số doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước không thể ở mức 95%, vì những hộ kinh doanh cá thể không được kể là doanh nghiệp, đó chỉ là đơn vị buôn bán nhỏ mặc dù có đóng thuế nhưng không có tuyển dụng nhân công. Phần lớn sinh hoạt kinh tế của những hộ kinh doanh cá thể này là tiêu thụ hàng hóa chứ không tạo ra hàng hóa, hay gia tăng thêm giá trị trí tuệ sáng tạo của hàng hóa mua vào để bán lại.

Với 170.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa được nhìn nhận năm 2004, số doanh nhân thật sự cũng không tương đương vì một doanh nhân có thể làm chủ một hay nhiều doanh nghiệp. Hơn nữa trong môi trường sinh hoạt kinh tế tại Việt Nam hiện nay, phần lớn chủ nhân những doanh nghiệp béo bở không phải là doanh nhân vì vốn của doanh nghiệp không do họ bỏ mà là của một phe nhóm hay một tập đoàn trong chính quyền muốn mượn tên họ lập doanh nghiệp để tẩy tiền bẩn.

Trong thực tế, lực lượng doanh nhân Việt Nam còn rất yếu, đa số đều thiếu vốn kinh doanh, kiến thức hạn hẹp, không đủ khả năng tiếp thụ những kỹ thuật mới và kinh nghiệm về trao đổi quốc tế rất giới hạn. Về tâm lý, được đào tạo dưới nhà trường xã hội chủ nghĩa xem doanh nhân là kẻ thù (thành phần bóc lột) nên hoạt động của giới doanh nhân rất là dè dặt, không ai thành thật khai báo lợi tức thu được. Vì sống trong môi trường đầy nghi kỵ, không ai tin tưởng vào tương lai và không ai dám lập những dự án dài hạn, phần lớn doanh nhân Việt Nam làm ăn theo kiểu ăn sổi ở thì, áp phe, chụp giật, đánh quả, thu lợi thật nhanh và rút lui thật lẹ.

Nói chung sinh hoạt kinh doanh của doanh nhân Việt Nam vẫn còn ở dạng tập tễnh, chưa thật sự tự tin và cũng chưa dám đầu tư nhiều ra nước ngoài. Trong nước, phần lớn hoạt động của doanh nhân tập trung vào các lãnh vực nông ngư nghiệp, nghĩa là những loại hàng hóa không có tri giá trí tuệ và sáng tạo cao. Ít ai dám đầu tư vào những lãnh vực kỹ thuật cao cấp như tin học phần mềm, máy móc điện tử... vì sợ đụng chạm đến quyền lợi của những tư sản đồ, tức những thành phần gần gũi với chính quyền - như quân nhân, công an, đảng viên cộng sản hay con cháu các cụ lớn trong đảng - được giao nắm giữ những

ngành kinh tế có khả năng thu lợi cao như viễn thông, hàng không, giao thông, xây dựng hạ tầng cơ sở, xuất khẩu nông hải sản... Một hiện tượng khác là doanh nhân Việt Nam rất sợ dẫn thân, đại đa số thích nhận gia công hàng hóa cho các công ty nước ngoài hơn là tự sản xuất hay chế biến lại hàng hóa để kinh doanh. Lý do là vì thiếu trang bị và không đủ khả năng đảm bảo những điều kiện về vệ sinh và chất lượng mà thị trường quốc tế đòi hỏi. Thêm vào đó là lý do thực tiễn, khi gia công cho các công ty nước ngoài họ được thanh toán bằng ngoại tệ, một bảo đảm cho lợi tức thu được. Trước những yếu kém này, nếu không được hướng dẫn và nâng đỡ đúng mức doanh nhân Việt Nam sẽ rất khó tiến xa và cạnh tranh với doanh nhân nước ngoài.

Xây dựng đội ngũ doanh nhân

Dưới chế độ cộng sản, vai trò của doanh nhân chưa được đánh giá đúng mức. Phải chờ đến 20 năm sau từ ngày mở cửa đón nhận đầu tư quốc tế chính quyền cộng sản mới nhìn nhận vai trò của giới doanh nhân, ngày 13-10-2006 là ngày đầu tiên được chọn làm ngày doanh nhân Việt Nam. Trước đó, ngày 13-10-2004, chính quyền cộng sản chỉ nhìn nhận vai trò của doanh nghiệp, tức những pháp nhân kinh tế chứ không phải là những cá nhân kinh tế. Thực ra lý do nhìn nhận này là do sự ép buộc của sinh hoạt kinh tế thế giới, lúc đó Việt Nam đang thương thảo để xin gia nhập Tổ Chức Thương Mại Thế Giới, chứ không do tự nguyện.

Vai trò của doanh nhân tuy vừa chính thức được nhìn nhận nhưng chính quyền cộng sản vẫn tiếp tục nắm giữ vai trò chủ đạo trong việc phát triển lực lượng này. Phần lớn những người được mời tham dự ngày doanh nhân này là đại diện các công ty quốc doanh hay các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Nói chung đó là những chuyên gia quản trị, tức những người làm việc ăn lương, chứ không phải là giới chủ nhân. Điều này cho thấy công tác xây dựng một đội ngũ doanh nhân bình thường tại Việt Nam còn rất nhiều khô, chưa nói đến có tầm vóc.

Cho dù rất muốn đề cao vai trò của doanh nhân, chính quyền cộng sản cũng không thể làm gì hơn được vì định hướng chỉ đạo sinh hoạt kinh tế được ghi trong hiến pháp vẫn là khu vực quốc doanh, tức những công ty do nhà nước cấp vốn được dùng làm đòn bẩy để thúc đẩy phát triển kinh tế. Ai cũng biết những công ty quốc doanh là nơi phí phạm ngân sách quốc gia, ỏ tham nhũng và phe đảng mafia. Đây là một định hướng sai mà tất cả các chế độ cộng sản trên thế giới, kể cả Trung Quốc, đã từ bỏ. Chính định hướng sai lầm này đã khiến các quốc gia cộng sản Đông Âu thua kém các quốc gia Tây Âu, dẫn đến sự sụp đổ của khối cộng sản Đông Âu. Không hiểu vì lý do gì mà ban lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam vẫn còn quyền luyện định hướng lạc hậu này mà chưa rũ bỏ được. Những câu thông để vượt ve dư luận quốc tế như "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" không những không lừa được ai mà còn gây bế tắc cho doanh nhân trong nước. Kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế chỉ huy trong khi kinh tế thị trường là nền kinh tế tự do, hai sinh hoạt kinh tế này hoàn toàn trái nghịch lẫn nhau, không thể dung hòa.

Trước sự lẩn tránh về chủ thuyết phát triển kinh tế, doanh nhân Việt Nam là nạn nhân. Những người liều lĩnh dám đầu tư vào những lãnh vực nhạy cảm như viễn thông, xây dựng cơ bản, xuất khẩu hải sản, chế biến công nghiệp hay nhận gia công quần áo, giấy dép không qua trung gian những công ty quốc doanh đều bị đánh gục, nhiều người đã bị bắt, một số bị xử tù

và nhiều người đã bị xử bắn. Việc sử dụng bạo lực chính quyền để trấn áp doanh nhân tuy có giảm sau khi gia nhập Tổ Chức Thương Mại Thế Giới, nhưng vẫn còn tiếp tục. Một nền kinh tế lành mạnh phải hoàn toàn được tự do, đương nhiên là trong khuôn khổ pháp luật, và không có sự can thiệp của chính quyền. Đây là một thử thách lớn đối với chính quyền cộng sản Việt Nam, phải thay đổi hẳn cơ chế quản lý xã hội, nghĩa là phải thay đổi hiến pháp, mới có thể hội nhập hoàn toàn vào sinh hoạt chung của thế giới. Chỉ khi nào hiến pháp nhìn nhận quyền sở hữu tư nhân và sinh hoạt kinh tế thị trường thì sinh hoạt kinh tế mới khởi sắc được và doanh nhân mới có thể phát huy được hết tài năng.

Một cách cụ thể, muốn xây dựng một đội ngũ doanh nhân có tầm vóc, xã hội Việt Nam phải có ít nhất ba yếu tố cơ bản sau đây. Thứ nhất là *chính trị*: các quyền tự do phải được tôn trọng; giới doanh nhân chỉ phát huy được sáng kiến và sức mạnh của mình trong một xã hội tự do, nghĩa là qua các nghiệp đoàn. Thứ hai là *pháp lý*: phải phục hồi lại quyền sở hữu tư nhân; người ta chỉ hăng say khi làm việc cho chính mình hay bảo vệ tài sản của mình. Thứ ba là *văn hóa*: phải nhìn nhận lợi nhuận là một giá trị; xã hội Việt Nam từ trước đến nay vẫn chuộng sự thanh bần và thù ghét sự giàu có. Nếu chưa hội đủ ba yếu tố này, lực lượng doanh nhân Việt Nam chưa thể thành hình được.

Xây dựng như thế nào? Chỉ có một cách: *kết hợp lại thành nghiệp đoàn*. Hiện nay Việt Nam chưa có nghiệp đoàn chủ nhân, dù là do phía nhà nước thành lập. Chỉ khi nào kết hợp lại thành nghiệp đoàn tiếng nói của giới doanh nhân Việt Nam mới có sức mạnh, không phải để đối kháng hay đối lập với chính quyền mà để giúp đỡ, thương lượng hay bảo vệ quyền lợi của doanh nhân trong nước trước sự áp đảo của các tổ hợp hay tổ chức kinh tế nước ngoài.

Về cách tổ chức, với điều kiện địa lý hiện nay, Việt Nam cần rất nhiều nghiệp đoàn chủ nhân. Một cách cụ thể, giới chủ nhân tại mỗi miền, tùy theo sinh hoạt kinh tế đặc thù của mình như luyện kim, dệt, may áo quần, đóng giấy dép, cơ khí, máy móc điện tử, thực phẩm đóng hộp, sản xuất hoa quả, dịch vụ ăn uống, du lịch, giải trí... tự kết hợp lại theo từng ngành nghề và bầu ra những người đại diện. Đại diện chủ nhân từng ngành nghề này sau đó sẽ họp lại để bầu ra một đại diện liên đoàn. Đại diện những liên đoàn này sẽ họp lại để bầu ra đại diện tổng liên đoàn. Tổng liên đoàn cũng có thể là nơi hội tụ những đại diện nghiệp đoàn theo từng ngành nghề trên toàn quốc. Tôn chỉ, thời hạn và vai trò của mỗi công đoàn, liên đoàn và tổng liên đoàn được xác định trong các văn bản thành lập. Có như vậy tiếng nói của doanh nhân Việt Nam mới có trọng lượng.

Nhiệm vụ của tổng liên đoàn đối với sinh hoạt kinh tế chung của cả nước rất là quan trọng. Nếu được sự giúp đỡ tích cực từ phía chính quyền, tổng liên đoàn chủ nhân sẽ đảm nhận một vai trò tích cực hơn trong việc tuyển dụng nhân công và đóng thuế cho nhà nước; định chế này còn có thể lập ra những ủy ban nghiên cứu và phát minh thích hợp với nhu cầu kinh tế của mỗi miền, những ủy ban huấn luyện và đào tạo nhân sự cho nhu cầu lao động của từng miền, những ủy ban hỗ trợ và thực hiện dự án, những ủy ban phát triển hạ tầng cơ sở, những ủy ban điều nghiên và phát triển thị trường xuất khẩu, v.v.

Nên nhớ cho dù sống dưới chế độ nào, giai cấp doanh nhân là đời sống và là sức sống của quốc gia. Xây dựng một lực lượng doanh nhân có tầm vóc là bảo vệ đời sống và gia tăng sức sống.

Nguyễn Văn Huy

Cải cách tư pháp : một giấc mơ xa ?

Diệt Hoàng

Trong một chế độ toàn trị như ở Việt Nam, đòi hỏi hoặc mong muốn có một nền tư pháp độc lập thì có lẽ còn khó hơn việc hái sao trên trời. Dẫu biết là như vậy nhưng rồi cũng cứ muốn nói ra. Trước hết là để giải tỏa những dằn vặt ưu tư trong đầu, thứ hai là muốn chia sẻ với những nạn nhân của nền tư pháp Việt Nam thời cộng sản. Tuy rằng không là nạn nhân của nền tư pháp "dân chủ gấp triệu lần tư bản" đó nhưng có lẽ tôi cũng cảm được những thống khổ về tinh thần và vật chất mà những người dân Việt Nam thấp cổ bé họng đã phải chịu đựng suốt hơn 60 năm qua từ khi "đời ta có đảng". Vì vậy, thời thì, tôi nói cho dân tôi nghe vậy !

Thực tại ở Việt Nam

Có lẽ nhiều người dân Việt Nam đã biết đến khái niệm về cách quản lý và điều hành của một nhà nước hiện đại đó là "tam quyền phân lập". Ba bộ phận cấu tạo nên một nhà nước đó là lập pháp (quốc hội), hành pháp (chính phủ) và tư pháp (tòa án) hoạt động độc lập với nhau nhằm mục đích giám sát lẫn nhau và tăng tính trách nhiệm cũng như đảm bảo cho sự độc lập, khách quan không chông chéo và lẫn lộn lẫn nhau.

Đó là lý thuyết nhưng thực tế tại Việt Nam thì bộ phận Tư pháp không hề được độc lập, cơ quan này cũng chỉ là một công cụ của đảng cầm quyền. Chỉ có bộ chính trị của đảng là tối thượng và là chúa tể, đứng trên và đứng ngoài mọi luật pháp tại Việt Nam. "Đảng" theo cách hiểu thông thường thì cũng chỉ là một tổ chức chính trị (như mọi tổ chức chính trị khác) thế nhưng ở Việt Nam thì Hiến pháp đã xác định là chỉ có Đảng Cộng Sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo nhà nước duy nhất. Chính điều này đã triệt tiêu tính đa dạng và phong phú của cuộc sống, hay còn gọi là tính đa nguyên của xã hội. Đây chính là cái gốc của sự tụt hậu, của mọi sự bất cập trong xã hội Việt Nam ngày nay. Khi hệ thống chính trị giết dây và điều khiển mọi hoạt động của xã hội trong đó có ngành tư pháp thì sự "độc lập" của bộ phận tư pháp chỉ là con số không to tướng.

Điều thứ hai mà chúng ta có thể thấy được từ thực tế của ngành tư pháp tại Việt Nam là năng lực của các thẩm phán quá kém. Một thực tế "đau lòng" đã được ông chánh án Tòa án tối cao Nguyễn Văn Hiến trình bày trước quốc hội rất rõ ràng là phải "vơ vét" cho đủ thẩm phán kể cả những người không có năng lực và không có chuyên môn như lái xe, phục vụ... để "đôn" lên làm thẩm phán. Sự "thành thực" của ông chánh án này đã bị dư luận phản đối dữ dội nhưng phải thông cảm hết sức cho ông ta, ông ta chỉ nói lên một sự thật đã tồn tại từ lâu trong ngành tư pháp Việt Nam dưới thời xã hội chủ nghĩa.

Chính vì sự yếu kém của các thẩm phán và sự thao túng, giật dây của chính quyền đã dẫn đến một thực tế nữa là có quá nhiều vụ án oan sai. Cũng theo lời ông chánh án này thì mỗi năm có hơn 9.000 vụ án bị xét xử oan sai. Biết bao nhiêu người dân oan phải "màn trời chiếu đất" nơi vườn hoa Mai Xuân

Thuởng để khiếu kiện, nhưng có lẽ "cư dân" ở đây chỉ có tăng chứ không có giảm. Hai vụ án tiêu biểu gần đây nhất là vụ xét xử "trắng án" cho các quan chức của Thị xã Đồ Sơn lấy đất công đem chia chác, được dư luận và báo chí xem là một trong mười vụ tham nhũng lớn nhất năm 2005. Và vụ án "tiêu cực đất đai tại quận Gò Vấp-thành phố Hồ Chí Minh" : việc buộc tội một "phó thường dân", một "cò đất" là Phạm Thị Tuyết Lan, tội "tham ô tài sản" và tội "chủ mưu, cầm đầu" một nhóm quan chức nhà nước để tham nhũng và trục lợi trong một vụ án tham nhũng đất lớn nhất tại Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh đã làm dư luận trong và ngoài nước xôn xao và bất bình cho cách hành xử của các cơ quan tư pháp tại Việt Nam. Những vụ án oan ức như thế này bao giờ mới chấm dứt ? Có lẽ đây là câu hỏi không có câu trả lời.

Cải cách tư pháp theo hướng nào ?

Tiêu chí đầu tiên và quyết định nhất để đánh giá có một nền tư pháp thực sự hay không là tính độc lập của nền tư pháp đó. Không có sự độc lập của ngành tư pháp thì mọi sự hô hào cải cách tư pháp này nọ chỉ là trò đùa không hơn không kém. Thế nhưng hiện tại ở Việt Nam thì bộ phận tư pháp cũng chỉ là một công cụ của đảng cộng sản như vậy thì làm sao có thể "độc lập" được ? Và nhà cầm quyền cũng không đại gì cho ngành tư pháp có sự "độc lập" để rồi nó xử luôn cả mình ! Muốn có tư pháp độc lập thì phải có lập pháp độc lập, thế nhưng theo cơ cấu bầu cử quốc hội khóa 12 vừa được công bố thì người dân ngoài đảng chỉ có 10% ghế trong quốc hội, trong khi đó "dân ngoài đảng" chiếm hơn 90% dân số cả nước. Quốc hội cũng chỉ là công cụ của đảng chứ không hề đại diện cho nhân dân.

Các thẩm phán do đảng bổ nhiệm và trả lương thì thẩm phán đó đâu phải là "thẩm phán nhân dân" ? Làm sao họ có thể "chí công vô tư" khi chính họ cũng không thể biết tương lai của mình sẽ đi về đâu ?

Tôi không phải là một luật sư hay một nhà chuyên môn nhưng cũng hiểu rằng để các thẩm phán xét xử được công minh thì các thẩm phán khi ngồi ghế chánh án phải không bị sức ép của bất cứ thế lực chính trị nào. Và để các thẩm phán không bị sức ép thì phải có ít nhất là vài điều kiện như sau :

- Các thẩm phán phải có chuyên môn thực sự, tốt nghiệp chính quy một trường đại học Luật, trong hoặc ngoài nước. Để trở thành thẩm phán họ phải trải qua các kỳ thi và sát hạch nghiêm túc của Hội đồng Thẩm phán tối cao tổ chức. Hội đồng thẩm phán này do một vị Thẩm phán tối cao đứng đầu. Hội đồng này do quốc hội bổ nhiệm.

- Các thẩm phán làm việc không có nhiệm kỳ, họ làm việc suốt đời cho đến lúc về hưu.

- Nếu có thẩm phán vi phạm pháp luật thì chỉ có Hội đồng thẩm phán tối cao mới có quyền tước bỏ chức danh.

- Các thẩm phán phải có lương cao, phải đủ cho họ trang trải trong cuộc sống, có đầy đủ ưu đãi xã hội như cấp nhà,

xe, bảo vệ... Con cái được học hành miễn phí, các thẩm phán có quyền bất khả xâm phạm về thân thể và chỗ ở.

Để chế tài các thẩm phán thì không thể thiếu được sự đánh giá của dư luận quần chúng, đó chính là tự do báo chí. Một vụ án xử đúng hay sai thì dư luận sẽ lên tiếng ủng hộ hay phê phán ngay lập tức.

Viện kiểm soát nên đổi tên thành "Viện công tố" và "cơ quan điều tra" của công an nên chuyển sang cho Viện công tố quản lý và điều động, tránh tình trạng hiện nay là Viện kiểm soát nghe thì to nhưng không có thực quyền gì cả, chỉ "đọc" những gì bên công an điều tra "viết" ra.

Phải tôn trọng vai trò và sứ mệnh của các luật sư, phải để các luật sư tham gia ngay từ đầu các vụ án, luật sư phải được các thân chủ trả tiền thuê mướn chứ không thể chỉ định được.

Khi ra trước Tòa tranh tụng thì các vị thẩm phán phải có thái độ giống như một "trọng tài", phải lắng nghe cả hai bên (Viện kiểm soát và luật sư) sau đó căn cứ vào các bộ luật Dân Sự và Hình Sự đã được quốc hội ban hành để tuyên án một cách đúng người đúng tội, không thiên vị bên nào.

Một điều cũng rất quan trọng để các thẩm phán xét xử công minh và không chịu sức ép của các thế lực chính trị đen tối là phải thành lập "Tòa Bảo Hiến". Tòa này là cơ quan duy nhất có quyền giải thích các điều luật trong Hiến pháp, đảm bảo cho Hiến pháp không bị vi phạm và là nơi quyết định tối cao và sau cùng về sự đúng đắn và minh bạch của Hiến pháp.

Một sự vi phạm Hiến pháp nghiêm trọng mới đây của người đứng đầu cơ quan hành pháp là ông Nguyễn Tấn Dũng khi trả lời "trực tuyến" đã được các bạn sinh viên ở Canada và luật sư Lê Công Định (Sài Gòn) lên tiếng đó là việc ông ta tuyên bố việc ông ta ký chỉ thị "nghiêm cấm báo chí tư nhân" là đúng với pháp luật Việt Nam ! Ông ta hoặc những cố vấn của ông ta (cho câu trả lời này) không hiểu gì về nhà nước dân chủ với "tam quyền phân lập". Đã là Hiến pháp (Điều 69 có ghi rõ là công dân Việt Nam có quyền tự do ngôn luận...) thì không ai được vi phạm, kể cả tổng thống hay thủ tướng. Chúng ta hãy thử hình dung xem điều gì sẽ xảy ra nếu tổng thống Mỹ đột nhiên ban hành một sắc lệnh là "cấm báo chí tư nhân" ? Hay bắt giam lãnh tụ đảng dân chủ đối lập (ví dụ như bà Clinton hay bà chủ tịch Quốc hội hạ viện Mỹ ?) như Việt Nam vừa bắt và quản thúc linh mục Nguyễn Văn Lý ? Hay việc Hiến Pháp Việt Nam quy định Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất của nhân dân nhưng "nhân dân" với 84 triệu người chỉ có 50 ghế trong quốc hội, trong khi đảng chỉ có 3 triệu người mà chiếm đến 450 ghế trong quốc hội ? Hay Điều 4 Hiến pháp quy định việc đảng cộng sản độc quyền lãnh đạo đất nước ? Bắt toàn dân học tập chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh ? Trong khi người dân không muốn và xã hội không cần đến những thứ đó ? Đảng cộng sản quá cố chấp và càng cố chấp và bảo thủ chừng nào thì đất nước và dân tộc Việt Nam ngày càng tụt hậu và thua thiệt chừng đó !

Tôi tin nhiều người sẽ đồng ý với tôi rằng người dân Việt Nam đáng lý ra phải được sống xứng đáng như những con người bình thường như ở các nước phát triển trên thế giới.

Việt Hoàng (Moskva)

Nội chuyện về dân chủ

Phan Bá Việt

Cuộc đối thoại về Khôn và Đại (đăng trên *Thông Luận*, số 210 và 211) với người em họ tôi đã chuyển hướng sang đề tài dân chủ. Nội dung như sau.

Tôi hỏi : Tại sao chú lại dám nói có nhiều người tưởng đã am tường nội dung của dân chủ đa nguyên nhưng thực ra họ vẫn còn mơ hồ về dân chủ đa nguyên ?

Hấn đáp : Trước tiên có lẽ chúng ta nên thảo luận về dân chủ ở dạng đơn thuần thay vì đi ngay vào nội dung của dân chủ đa nguyên, một dạng dân chủ phức tạp hơn.

- Đồng ý. Bởi vì muốn hiểu được dân chủ đa nguyên đúng, chúng ta phải hiểu dân chủ ở dạng đơn thuần trước đã. Chính vì thế mới có nhiều người chưa hiểu dân chủ đa nguyên như chú vừa nói.

- Em cũng đồng ý với anh, hiểu đúng dân chủ đa nguyên đòi hỏi học tập, quan sát, sinh hoạt và suy nghĩ. Nhưng hiểu dân chủ ở dạng đơn thuần cũng không dễ như nhiều người lầm tưởng. Bởi vì vẫn còn nhiều người chưa hiểu đúng nội dung dân chủ ở dạng đơn thuần.

- Nói như vậy, có coi thường người khác quá không ?

- Không. Nhưng những bằng chứng về việc không hiểu đúng dân chủ đang xảy ra hàng ngày buộc em phải có kết luận như vậy.

- Những bằng chứng nào ?

- Có hai loại bằng chứng trái ngược nhau đang xảy ra hàng ngày. Một là vẫn có nhiều người tin rằng dân chủ dẫn đến hỗn loạn. Tại sao có ý nghĩ này ? Tại vì họ chưa hiểu đúng dân chủ là gì. Hai là cách tranh đấu của những người tự nhận là dân chủ chẳng có tính dân chủ nào. Tuy nói là tranh đấu cho dân chủ nhưng cách tranh đấu của họ chỉ nhằm thay thế một tập đoàn độc tài này bằng một tập đoàn độc tài khác. Tại sao lại như vậy ? Tại vì họ chưa hiểu đúng dân chủ là gì. Bởi vậy cuộc tranh đấu hiện nay có vẻ như là cuộc tranh đấu của những người chỉ biết nói dân chủ nhưng chẳng hiểu gì về dân chủ. Thử nhìn lại sinh hoạt chính trị ở hải ngoại này xem, vẫn còn nhiều người hô hào tranh đấu cho dân chủ nhưng ai tranh đấu khác với mình hoặc có ý kiến khác với mình liền bị cho đội đủ thứ mũ, nào là cộng sản, nào là việt gian, nào là ngậy thơ tiếp tay cho cộng sản. Còn trong nước, chính quyền cộng sản cũng rêu rao là xây dựng dân chủ nhưng cách hành xử hoàn toàn chuyên chính, nào là sách nhiễu, theo dõi, bắt giữ, khủng bố những người khác chính kiến, kể cả những người chỉ đứng lên đòi quyền sống như những người khiếu kiện trong vườn hoa Mai Xuân Thuồng, những người đòi thi hành những quyền được quy định trong hiến pháp như quyền thành lập hội, quyền xuất bản báo chí, quyền biểu tình...

- Như vậy thì dân chủ không đưa đến hỗn loạn ?

- Đúng như vậy. Em có đọc trên trang web *Thông luận* : phần "Dự án Chính trị Thành công Thế kỷ 21, chương V : Chế độ chính trị cho một nước Việt Nam dân chủ đa nguyên, mục 1 về hai thành kiến sai lầm về chế độ chính

trị vừa nói. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên đã có giải đáp cho vấn đề này một cách khá rõ ràng. Tuy nhiên, theo em nghĩ, có lẽ cũng cần phải xét lại khái niệm dân chủ ngay từ đầu để làm sáng tỏ thêm tại sao dân chủ không đưa đến hỗn loạn và cách tranh đấu hiện nay của nhiều người tự nhận là dân chủ chỉ là cách tranh đấu của những người độc tài.

- Việc xét lại này có múa rìu qua mắt thợ không ? Bởi vì trước đây đã có nhiều người viết hoặc nói về dân chủ. Chẳng hạn như Phạm Hồng Sơn với tác phẩm *Thế nào là dân chủ ?*, Nguyễn Thanh Giang và Nguyễn Gia Kiểng thảo luận về dân chủ trên đài RFA, hoặc Cao Huy Thuần bàn về dân chủ trên trang web Thời Đại Mới v.v...

- Theo em nghĩ, việc xét lại này không thừa và cũng chẳng múa rìu qua mắt thợ. Bởi vì đây là một công việc vừa dựa vào sách vở viết về dân chủ vừa dựa vào những quan sát và sinh hoạt dân chủ trong thực tế để làm sáng tỏ vấn đề hơn.

- Đồng ý với chú về ý kiến này. Sinh hoạt dân chủ phát triển và kiện toàn dần theo thời gian, không gian. Từ dạng dân chủ đơn thuần với nguyên tắc người dân cầm quyền, sau đó tiến triển tới các hình dạng dân chủ khác như dân chủ quả lắc, dân chủ đồng thuận, dân chủ cử tri v.v... đó là cả một quá trình đóng góp của rất nhiều người để làm sáng tỏ nội dung của dân chủ. Chính vì thế việc xét lại này sẽ giúp khái niệm dân chủ dễ hiểu hơn. Bởi vì đó là kinh nghiệm sống của những người dân chủ. Bởi vì chú là người muốn hiểu cặn kẽ luật chơi để bảo vệ quyền lợi của mình.

- Đúng như anh nói, em đang sống trong một nước dân chủ nên phải tìm hiểu thật cặn kẽ luật chơi dân chủ của quốc gia đó để bảo vệ được những quyền lợi của mình.

- Như vậy thì bắt đầu cuộc thảo luận ngay đi. Chú đã nói là phải xét lại khái niệm dân chủ ngay từ đầu. Vậy từ đầu là từ đâu ?

- Từ đầu là đi từ việc xét lại định nghĩa về dân chủ đến việc xét lại các điều kiện để có dân chủ, rồi các phương pháp thực hiện dân chủ và sau cùng là các hệ quả của những thực hiện đó. Sự nhìn lại này sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn về dân chủ, nó đối chiếu những quan niệm lý thuyết trong sách vở với thực tại.

- Theo chú thì dân chủ cần được định nghĩa lại như thế nào để cho dễ hiểu ?

- Có nhiều định nghĩa về dân chủ. Em kể ra một vài thí dụ. Abraham Lincoln đã định nghĩa : "dân chủ là chính quyền của dân, do dân và vì dân". Karl Popper nói : "dân chủ là phương cách để loại bỏ một chính quyền tồi dở không cần đổ máu, chẳng hạn như thông qua bầu cử ; điều đó có nghĩa là các định chế xã hội cung cấp các phương tiện để người dân có thể loại bỏ những người cầm quyền và các truyền thống xã hội bảo đảm việc các người cầm quyền không thể dễ dàng huỷ diệt được các định chế xã hội". Những cách giảng nghĩa này, theo em, là những định nghĩa đi từ hệ quả, do đó không làm sáng tỏ thêm khái niệm dân chủ cho những người mới biết về dân chủ. Theo em thì dân chủ cần được định nghĩa dưới hai góc độ. Một là đi từ nguyên nghĩa của cụm từ dân chủ. Hai là định nghĩa cụm

từ dân chủ như một phương thức đi đến quyết định. Định nghĩa theo nguyên nghĩa của từ dân chủ thì : "Dân chủ là người dân cầm quyền". Định nghĩa này đặt ra cho chúng ta rất nhiều câu hỏi. Câu hỏi đầu tiên là : để người dân có thể cầm quyền thì phải có những điều kiện gì ? Những điều kiện ấy sẽ đưa đến những hệ quả nào ? Phải sử dụng những phương pháp nào để giúp người dân có thể cầm quyền ? Những phương pháp ấy sẽ đưa đến những hệ quả nào ?, v.v. Còn định nghĩa dân chủ như là một phương thức đi đến quyết định thì : "dân chủ là phương cách đi đến quyết định bằng đa số". Định nghĩa này cũng đặt ra cho chúng ta rất nhiều câu hỏi. Phải tổ chức như thế nào để lấy quyết định bằng đa số ? Cần những điều kiện nào để lấy quyết định một cách công bằng và trung thực ?...

- Tôi đề nghị trong cuộc thảo luận này, chúng ta chỉ nên xoay sâu vào những điều kiện và hệ quả của dân chủ.

- OK.

- Vậy thì cần những điều kiện gì người dân mới thực sự được coi là những người cầm quyền ?

- Điều kiện tiên quyết để người dân có thể cầm quyền là mọi người đều được bình đẳng trước cơ hội cầm quyền. Em xin nhấn mạnh thêm về cụm từ bình đẳng. Bình đẳng trong dân chủ không phải là bình đẳng qua con số để cào bằng như cộng sản đã làm trong cải cách ruộng đất hay đánh tư sản mại bản. Bình đẳng trong dân chủ là bình đẳng về cơ hội (cơ hội cầm quyền, cơ hội phát triển và thăng tiến) và bình đẳng trước pháp luật. Bởi vậy khi nói tới xây dựng dân chủ mà vẫn duy trì những luật lệ, quy định bất bình đẳng về cơ hội cầm quyền thì chỉ là lừa dối, phỉnh gạt như đảng cộng sản đang làm.

- Chà, đúng quá ! Hoàn toàn đồng ý với chú về điểm này. Việc đảng cộng sản đang hô hào thực thi dân chủ, dù là dân chủ nội bộ chỉ là một trò hề, lường gạt dư luận. Bởi vì đảng cộng sản đang duy trì rất nhiều luật lệ duy trì sự bất bình đẳng trong cơ hội cầm quyền. Chẳng hạn như Điều 4 hiến pháp cho phép một mình đảng cộng sản được cầm quyền. Luật bầu cử cho phép đảng cộng sản, thông qua Mặt trận Tổ quốc, tuyển chọn ứng cử viên. Luật không cho phép tư nhân ra báo để có tiếng nói khác với chính quyền. Luật không cho phép tư nhân lập hội, lập đảng để tham gia ứng cử và tranh cử... Qua những sự kiện này, những hô hào cởi mở mà đảng cộng sản đang cố gắng tuyên truyền chỉ là một trò hề không lừa bịp được ai...

- Đúng như anh nói. Trong hơn 60 năm qua, đảng cộng sản đã dùng đủ mọi hoa từ mỹ ngữ để lừa bịp dân chúng như độc lập, tự do, dân chủ, hạnh phúc. Nhiều người đã từ bỏ gia đình đi theo tiếng gọi kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, giải phóng miền Nam. Hàng triệu người đã bỏ mình trong hai cuộc chiến vừa qua, cuối cùng họ đã được gì ? Hoàn toàn bị phản bội. Đảng cộng sản đã phản bội tất cả. Họ đã phản bội những từ ngữ đã dùng. Họ đã phản bội những người tin theo họ và hy sinh cho họ vì những mỹ từ đó. Mặc dầu vậy, chính quyền cộng sản vẫn cố bám víu vào những từ ngữ hoa mỹ này để tiếp tục cầm quyền. Nếu vứt bỏ tất cả họ không còn lí do gì để cầm quyền...

- Như vậy thì muốn có dân chủ thực sự việc đầu tiên là

hủy bỏ những qui định và qui chiếu ưu đãi đảng cộng sản, vì chúng chỉ đào sâu thêm hố bất bình đẳng giữa người dân và chính quyền. Nếu chính quyền cộng sản cứ ngoan cố duy trì sự bất bình đẳng này thì lịch sử sẽ phán xét họ...

- Ấy, xin anh bớt nóng. Theo em thì những người cộng sản vẫn còn cơ hội để chuộc lại những sai lầm của họ đối với dân tộc. Trước hết đảng cộng sản cầm quyền phải lấy một quyết định đau đớn là chấp nhận bầu cử tự do. Chỉ có bầu cử tự do những người cầm quyền mới có tính chính đáng, họ sẽ được dân chúng trong nước nể trọng và thế giới kính trọng. Quyết định này ngụ ý đảng cộng sản chấp nhận từ bỏ đặc quyền đặc lợi mà sự duy trì chế độ độc tài mang lại cho họ, bất chấp tương lai đất nước...

- Nếu được như vậy thì vạn phúc cho dân tộc. Theo anh nghĩ, phải có sức ép của dư luận trong và ngoài nước mới làm cho đảng cộng sản cầm quyền sáng mắt ra để nhận thấy dân chủ là một xu thế của thời đại, một tiến trình mang lại phồn vinh và hạnh phúc cho dân tộc mà không đổ máu. Bởi vì không ai điên dại từ bỏ những đặc quyền đặc lợi mà mình đang hưởng khi không bị ai ép buộc để từ bỏ. Phải gây sức ép để những người cộng sản cố cự hiểu rằng càng duy trì chế độ độc tài đảng trị, họ đang đào sâu mồ chôn tương lai con cháu của họ vì đến một lúc nào đó những thành phần bị chèn ép, nhất là những thành phần giàu có mới, không có cơ hội tham gia chính quyền sẽ nổi lên chống lại họ. Hậu quả sẽ rất khó lường. Cho đến ngày nay nước Pháp vẫn còn đang trả giá cho những hậu quả của cuộc cách mạng 1789, trong đó những người xuất thân từ chế độ quân chủ chuyên chính vẫn chưa có một chỗ đứng bình thường trong xã hội. Đây là một vấn đề sinh tử, giữa sống và chết của tập đoàn cai trị. Thôi, hãy trở lại nội dung của cuộc thảo luận hôm nay. Vậy ngoài điều kiện chấp nhận bầu cử tự do, đảng cộng sản cần phải làm gì để có chỗ đứng bình thường trong xã hội ?

- Thứ hai là chấp nhận không sử dụng bạo lực, phải tôn trọng ngay chính luật pháp của họ, nghĩa là tôn trọng những quyền tự do căn bản của con người ghi trong hiến pháp. Dùng bạo lực để cai trị có ngày sẽ bị chính bạo lực đó tiêu diệt. Bạo lực là con dao hai lưỡi, nó vừa là dụng cụ vừa là hung thủ đối với người sử dụng. Thứ ba là xây dựng lại xã hội trên tinh thần hòa giải dân tộc, vì đó là điều kiện chủ yếu để duy trì quan hệ bình đẳng giữa người và người. Đây là một thể hiện khác của tinh thần dân chủ, không có tinh thần này dân chủ sẽ bị chao đảo, để dẫn đến bạo loạn...

- Tôi đề nghị nên đào sâu về tinh thần hòa giải. Bởi vì đây là yếu tố quyết định nhất trong việc xây dựng một thể chế dân chủ bền vững. Cụm từ hòa giải dân tộc hiện nay vẫn còn dị ứng đối với nhiều người.

- Tại sao lại dị ứng với cụm từ hòa giải dân tộc ?

- Có lẽ tại vì chưa hiểu đúng nội dung của từ hòa giải. Và cũng vì không nắm bắt được nội dung của từ hòa giải nên người ta cũng dị ứng luôn với từ hòa hợp. Hòa giải và hòa hợp dân tộc là một tinh thần để xây dựng lại đất nước. Ở đây chúng ta chỉ nói đến hòa giải. Hòa giải không phải chỉ là nhận lỗi, đền bù hay tha thứ, nó chuyên chở nhiều

ý nghĩa sâu rộng hơn. Hòa giải trước hết là chấp nhận sự khác biệt của những người khác. Bởi vậy hòa giải không cho phép mình chỉ nhìn thấy phần phải về mình mà không thấy phần phải của người khác. Hòa giải cũng không phải thu hết quyền lợi về phía mình và bất chấp sự tồn tại của người khác. Hòa giải là có cho và có nhận. Như vậy hòa giải không cho phép đàn áp, bóc lột hoặc tiêu diệt bất kỳ một ai. Đối với chính quyền, hòa giải phải là tinh thần chỉ đạo trong mọi chính sách, đó là điều kiện chính yếu để kết hợp toàn dân tham gia xây dựng đất nước. Trong xã hội, hòa giải là yếu tố xây dựng hòa bình và liên đới. Đối với cá nhân, hòa giải là gạt bỏ mọi định kiến, chấp nhận những ý kiến khác với mình. Công việc hòa giải với chính mình này rất khó vì ít ai chịu nhìn mặt mình trong gương để suy ngẫm, nhưng nếu làm được nó sẽ tạo cho người đó niềm tin, cách sử dụng ngôn từ cũng sẽ trang nhã hơn...

- Đúng quá. Chính vì không hiểu đúng ý nghĩa của cụm từ hòa giải này trong dân chủ nên nhiều người đã dị ứng với nó, vì cứ nghĩ rằng hòa giải là xí xóa, bỏ qua hay xóa bài làm lại. Có người còn nói hòa giải là hòa hợp với đảng cộng sản, chấp nhận làm tay sai để được chia chác quyền lợi. Chính vì những hiểu sai và hiểu lầm đó nên phong trào tranh đấu cho dân chủ vẫn còn bị dẫm chân tại chỗ...

- Trở về dân chủ, theo chú những hệ quả nào là những điều kiện để người dân được thực sự cầm quyền ?

- Những hệ quả ấy có thể tóm lại ở một số điểm. Một là không bao giờ chủ trương độc quyền chân lý. Bởi vì mọi hình thái diễn tả chân lý đều có tính tương đối, nó phù hợp với mình nhưng có thể không phù hợp với người khác. Hai là đối thoại và tranh luận với những lí lẽ và sự kiện để thuyết phục người khác. Trong sinh hoạt dân chủ người ta chỉ thuyết phục chứ không áp đặt ý kiến mình trên người khác. Ba là chấp nhận tự do tư tưởng và tự do phát biểu. Trong một xã hội dân chủ không có ý kiến nào cấm nêu ra và cũng không có vấn đề nào cấm bàn tới. Bốn là tinh thần bao dung, biết chấp nhận những người khác với tất cả sự khác biệt. Ép buộc người khác phải giống mình hay nghe theo mình là mầm mống dẫn đến độc tài. Năm là dân chủ dẫn đến ổn định vì qua bầu cử dân chúng có thể loại bỏ một chính quyền hay người cầm quyền một cách hòa bình và không gây đổ máu. Sáu là tôn trọng tự do ý kiến và sáng kiến, chính nhờ được tự do phát huy ý kiến và sáng kiến mà các xã hội dân chủ phương Tây đã phát triển và giàu có hơn những chế độ độc tài. Nói chung là phải có dân chủ người dân mới có thể thay nhau lên cầm quyền.

- Như vậy thì cách tranh đấu cho dân chủ hiện nay không hiệu quả ?

- Theo em thì có thể kết luận như vậy. Bởi vì với văn hóa tranh đấu như hiện nay của một số tổ chức hay hội đoàn, nghĩa là chụp mũ, hăm dọa, bạo lực với những người khác ý kiến với mình, không phù hợp với lí tưởng dân chủ mà họ chủ trương... Do đó phải tạo thêm những diễn đàn trao đổi, tranh luận về dân chủ ở khắp mọi nơi để những người đấu tranh cho dân chủ có một mẫu số hành động chung thì mới hy vọng thành công.

Phan Bá Việt (Den Haag, Hà Lan)

Lịch sử Việt Nam những năm 1954-1965 được xét lại Quan điểm "chính thống" về chế độ Việt Nam Cộng Hòa I bị bác bỏ

Tôn Thất Thiện

Lịch sử và sự thật

Những người nghiên cứu lịch sử nhiều không sớm thì muộn sẽ đi đến hai nhận xét sau đây :

1. Kẻ thắng là kẻ viết lịch sử ;
2. Sự thật rốt cục sẽ thắng. Hai điều này đều đúng khi xét đến lịch sử Việt Nam trong sáu thập niên qua, đặc biệt là từ 1954 đến 1975 đối với miền Nam nói chung, và từ 1954 đến 1963 riêng cho những chiến sĩ đã cố sức và hãnh diện phục vụ thời Đế Nhứt cộng Hoà, dưới sự lãnh đạo của ông Ngô Đình Diệm.

Trong thời gian nói trên, hay đúng hơn, từ 1975 đến gần đây, người miền Nam Việt Nam chống cộng sản thuộc mọi giới - dân sự, quân sự, chính trị, tôn giáo, trí thức - đã bị khinh thị, mạ lỵ, vu khống, bôi lọ, ép vào thế phải mang mặc cảm của kẻ bại. Họ đã bị gán cho rất nhiều điều xấu, đặc biệt là đã bị đánh bại vì thiếu chính nghĩa, bất lực, chiến đấu dở và hèn nhát.

Những luận điệu bôi lọ miền Nam trên đây rất phổ cập trong mọi giới ngoại quốc, đặc biệt là ở Bắc Mỹ và Âu Châu, vì nó được các giới chính quyền, truyền thông, đại học phổ biến một cách đơn phương, độc đoán, không bị phản bác. Các giới này nắm độc quyền trong việc viết lịch sử Việt Nam vì họ thuộc về phe thắng trận. Ngoài thành phần chính, tất nhiên là Đảng Cộng Sản Việt Nam, họ gồm có những thành phần thân cộng trá hình, phản chiến, thiên tả đủ loại, hay mù mờ về lịch sử, và nhất là về văn hóa Việt Nam, đã hoan hô, tâng bốc, ủng hộ đảng cộng sản trong những năm chiến tranh. Chiến thắng của phe cộng sản năm 1975 đã tạo cho họ cái thế của kẻ có uy quyền và độc quyền nói trong khi những kẻ bại tất nhiên im lặng vì bị bịt miệng hay phải lẩn tránh. Do đó họ khống chế thông tin về Việt Nam. Chỉ có quan điểm của họ mới được phổ biến. Quan điểm ngược lại, hay khác quan điểm của họ bị dẹp đi. Quan điểm của họ đương nhiên thành quan điểm "chính thống", và họ được gọi là "trường phái chính thống" (orthodox school, école orthodoxe).

Ở đây có ba điều cần được ghi nhận :

- Một là có rất nhiều người Việt, kể cả một số người viết sử, đã a dua theo luận điệu của Trường phái chính thống khi nói hay viết về miền Nam. Như những ký giả hay học giả ngoại quốc, họ cũng chê trách các chính quyền hay binh sĩ miền Nam. Đó là vì họ đọc sách báo của ngoại quốc nhiều hơn, hay cho sách báo ngoại quốc là đúng đắn đáng tin hơn - Bụt nhà không thiêng ! - hay vì không thạo tiếng Việt họ chỉ có thể đọc được những sách báo đó.

- Hai là nền Đế Nhứt Việt Nam Cộng Hòa, và đặc biệt người lãnh tụ của chế độ này, ông Ngô Đình Diệm, bị đả kích, kết tội nặng nề nhứt. Đó là vì chế độ Ngô Đình Diệm, và đặc biệt là sự lãnh đạo của ông, đã hữu hiệu và gây khó

khăn nhiều nhứt cho phía cộng sản và chính những sử gia thuộc trường phái chính thống.

- Ba là những gì tốt về miền Nam mà bất lợi cho phía cộng sản, nghĩa là có thể làm giảm uy tín của trường phái "chính thống", đều bị trường phái này ém nhem đi dù đó là những sự thực rõ ràng. Phần khác, những phê phán của giới này về miền Nam luôn luôn nhằm hạ bệ uy tín của dân chúng và chính quyền miền Nam. Nói tóm lại, sự thực về miền Nam đã hoàn toàn bị trường phái chính thống xuyên tạc, bóp méo, ém nhem trong suốt năm, sáu thập niên qua.

Nhưng kinh nghiệm cuộc sống cho thấy rằng không có gì là vĩnh viễn cả. Đặc biệt là về phương diện lịch sử, không có một chủ nghĩa, một chủ trương, một chính sách, một tổ chức nào thoát được sự nắn bóp của thời gian cả. Với thời gian, mọi việc đều thay đổi, đều biến chuyển. Với thời gian, những lớp người mới sẽ xuất hiện. Và mấy lớp người mới này sẽ có những tư tưởng, những quan niệm, những chính sách, những cách hành xử khác. Như vậy là vì họ phải trực diện với những tình hình mới, những dữ kiện mới. Dù muốn, dù không, họ không suy nghĩ và hành động như những lớp người đã qua.

Phần khác, với thời gian, những dữ kiện trước kia bị ém nhem dần dần được tiết lộ, giúp cho người đương thời, và đặc biệt là các sử gia không có quan hệ gì với các chế độ cũ, thấy rõ vấn đề, vạch ra những sai lầm thiếu sót của trường phái chính thống, và đưa ra những nhận định phán xét khác, không thể phản bác được vì nó dựa trên những dữ kiện quá rõ ràng, chính xác. Đó là tình trạng hiện nay, với sự xuất hiện của tác phẩm *Triumph Forsaken, The Vietnam War 1954-1965* (tạm dịch là Chiến thắng bị khước từ, Chiến tranh Việt Nam 1954-1965) của giáo sư Mark Moyar.

Một tác phẩm hết sức quan trọng

Đây là một tác phẩm hết sức quan trọng. Nó có những hậu quả rất lớn để làm sáng tỏ lịch sử Việt Nam trong giai đoạn 1954-1975, đặc biệt là trong giai đoạn 1954-1963, thời mà ông Ngô Đình Diệm nắm chính quyền ở miền Nam Việt Nam. Nó đánh dấu sự phát khởi của một phong trào xét lại lịch sử Việt Nam trong giai đoạn nói trên, tái lập sự thực, chấm dứt sự khống chế của trường phái chính thống, đập tan những luận điệu vu khống bôi lọ của trường phái này, tái lập uy danh của những chiến sĩ miền Nam đã hết mình tranh đấu cho chính nghĩa, nhất là các chiến sĩ thời Đế Nhứt Cộng Hòa và ông Ngô Đình Diệm.

Bìa giới thiệu sách này (ấn bản New York) nói rằng : "*Quyển sách này làm cho ta thấu hiểu chiều sâu của sự lật đổ tổng thống miền Nam Việt Nam Ngô Đình Diệm năm 1963, và thấy rõ rằng cuộc đảo chính đã xóa đi những*

thành quả chính trị và quân sự mà chính phủ miền Nam đã đạt giữa những năm 1954 và 1963 ; những thành quả này vô cùng lớn lao (tremendous), nhưng không được công nhận đúng giá của nó".

Triumph Forsaken là một công trình sưu khảo lịch sử mà tính cách khách quan, vô tư, đứng đắn, và khả tín không thể nghi ngờ được. Nó rất đáng được ca ngợi. Nhưng để bảo toàn tính cách vô tư của nó, người viết bài này sẽ tránh phê bình, nhận định, phán xét và nhường lời cho chính tác giả, giáo sư Moyar, và cho những giáo sư Mỹ khác có uy tín đã điểm sách này vì những nhận định, phán xét, ý kiến của những người đã phục vụ nền Đệ Nhứt Cộng Hòa đưa ra dù có vô tư đến đâu, cũng bị cho là chủ quan, chuyện người một phe bên nhau.

Giáo sư Mark Moyar sinh năm 1971, sau vụ đảo chính tháng 11 năm 1963 đến 8 năm. Năm 1975, lúc Sài Gòn bị chiếm, ông ta mới có 4 tuổi, nghĩa là không có liên hệ gì với ông Ngô Đình Diệm và nền Đệ Nhứt Cộng Hòa. Ông đã tốt nghiệp về môn sử ở Đại học Harvard (Mỹ), đỗ Ph. D tại Đại học Cambridge (Anh), hai đại học danh tiếng của thế giới. Sau đó ông được mời giảng dạy ở Cambridge, rồi ở các Đại học Ohio, Đại học A&M của Texas, và hiện nay là giáo sư ở Đại học của Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ ở Quantico, Virginia.

Các vị khác là : giáo sư A.O.Edmonds, Ball State University, Muncie, Indiana ; giáo sư Mackubin Thomas Owens, Trường Cao đẳng Thủy quân Hoa Kỳ ở Newport, Rhodes Island ; giáo sư Guenter Lewy, Đại học Massachussets, Amherst, Massachussets ; giáo sư Thomas Alan Schwartz, Đại học Vanderbilt, Nashville, Tennessee. Cũng như giáo sư Moyar, những người này trẻ và chẳng có quan hệ cá nhân gì với miền Nam Việt Nam cả (về xuất xứ của các bài bình luận, xin xem ở cuối bài này).

Tác phẩm *Triumph Forsaken* dài 512 trang, gồm 17 chương. Muốn thật sát nội dung, tít này phải dịch là : *"Thắng lớn không chịu, để bị bại nhục nhã : Hoa Kỳ trong cuộc chiến Việt Nam, 1954-1965"*. Sách chủ yếu nói về những quyết định sai lầm tai hại của chính quyền Hoa Kỳ, đã biến thắng thành bại.

Nói đến "thắng" thì ai cũng nghĩ ngay đến sự kiện quân đội cộng sản miền Bắc tràn vào Sài Gòn và chiếm toàn miền Nam năm 1975. Nhưng "thắng" đây là nói về thời gian năm 1962 đến lúc đảo chính tháng 11-1963. Mà thời gian đó là thời gian mà chủ quyền quốc gia Việt Nam, kể cả chủ quyền về quân sự, còn nằm trọn trong tay chính phủ Việt Nam, và sự thắng đó là thắng của quân đội Việt Nam, dưới sự chỉ huy trực tiếp của tổng thống Việt Nam, lúc đó là ông Ngô Đình Diệm, người Mỹ chưa trực tiếp can thiệp và chưa nắm thực quyền điều khiển Việt Nam.

Trong hai năm tiếp theo, 1963-1965, vì đảo chính và xáo trộn, cơ cấu quân sự và hành chánh Việt Nam tê liệt, tạo điều kiện cho cộng sản ồ ạt xua quân tràn xuống miền Nam, khiến Hoa Kỳ phải đưa quân trực tiếp can thiệp vào Việt Nam để tránh một cuộc sụp đổ hoàn toàn.

Trong thời gian 1963-1975, và sau 1975, để biện minh rằng chủ trương lật đổ chính phủ Ngô Đình Diệm là đúng

vì dưới sự lãnh đạo của ông Ngô Đình Diệm tình hình suy sụp, các giới Hoa Kỳ và Việt Nam trách nhiệm về cuộc đảo chính tháng 11-1963 đã sửa đổi hồ sơ và thống kê để gây cảm tưởng đó. Giáo sư Moyar đã khám phá ra sự sửa đổi đối trá này.

Giáo sư Moyar cũng căn cứ trên tài liệu chính xác để xét lại vai trò của các giới trí thức và chính trị cùng của nhóm Phật tử chính trị theo Thích Trí Quang trong vụ biến sự thắng của miền Nam thành bại.

Như các giáo sư bình luận ghi nhận, giáo sư Moyar đã sử dụng những văn kiện chính thức nay đã được công khai hoá, và đặc biệt là những văn kiện của chính cộng sản Việt Nam. Giáo sư Moyar đã ghi rõ và phân tách rất tỷ mỉ những tài liệu đó cho nên khó phản bác những gì mà giáo sư đã trình bày. Do đó tác phẩm *Triumph Forsaken* có một giá trị rất lớn, không thể chối cãi được.

Một cuộc xét lại tận gốc

Giáo sư Edmonds nói : *"Đây là một cuộc xét lại tận gốc chính sách Hoa Kỳ ở Việt Nam... Căn cứ trên tài liệu lấy từ văn khố và các lịch sử chiến tranh của cộng sản, tác phẩm có tính cách rất thách thức này công kích tất cả mọi khía cạnh của quan điểm mà giáo sư gọi là quan điểm sử học chính thống về chiến tranh. Đây là một tác phẩm mà các thư viện cấp đại học đều phải có và các sử gia nghiên cứu về chiến tranh không thể không biết đến"*.

Theo giáo sư Owens *"Triumph Forsaken* một trong những quyển sách quan trọng nhất đã được viết về Việt Nam", và *"không có bài điểm sách nào có thể nói hết được giá trị của quyển sách vô cùng quan trọng này... Tất cả các sử gia chính thống sẽ phải công nhận tầm lớn lao của công trình này..."*.

Giáo sư Moyar giải thích rằng tác phẩm của ông ta "khác hẳn" quan điểm của trường phái chính thống. Những người trong trường phái này cho rằng những người xét lại không phải là sử gia, mà chỉ làm vì ý thức hệ, và *"dùng chế độ và tẩy chay đối với những người không chấp nhận ý thức hệ đương khổng chế"*. Ông nói tác phẩm của ông chứa *"nhiều lối suy luận mới thách thức những suy luận chính thống đến nay chưa bị thách thức"*. Tác phẩm của ông phong phú hơn tất cả những tác phẩm hiện có, đặc biệt là ở điểm nó dùng tài liệu bao quát hơn.

Về điểm vừa nêu ra, các giáo sư điểm sách *Triumph Forsaken* đều công nhận và nhấn mạnh rằng giáo sư Moyar đã làm việc một cách rất đứng đắn. Giáo sư Moyar *"đã căn cứ một phần lớn trên văn kiện chính thức và lịch sử của cộng sản về chiến tranh"* (Edmonds) ; giáo sư Moyar đã *"sưu tầm rất sâu rộng và kỹ càng các tài liệu văn khố liên hệ và những tài liệu chính gốc hiện có, như là những lịch sử của Bắc Việt về cuộc chiến"* ; *"Triumph Forsaken đã được sưu khảo rất tỷ mỉ và táo bạo trong việc suy diễn tài liệu"* (Owens) ; giáo sư Moyar đã *"sưu tầm rất rộng rãi và thận trọng tài liệu chính gốc mới xuất phát như lịch sử chiến tranh do Bắc Việt công bố"* (Lewy) ; giáo sư Moyar đã sử dụng những tài liệu mới của các văn khố Hoa Kỳ và cộng sản. Sách của ông là *"một sự thách thức rất mãnh*

liệt" đối với quan điểm chính thống, và buộc các sử gia phải mở lại cuộc tranh luận về chiến tranh Việt Nam (Schwarz).

Điểm chính mà tất cả các bình luận gia đều nhấn mạnh là giáo sư Moyar đã dứt khoát bác bỏ được các luận điểm của trường phái chính thống đã khống chế việc viết sử Việt Nam. Giáo sư Owens đã liệt kê những luận điểm đó là :

- Đông Nam Á nói chung, và miền Nam Việt Nam nói riêng, không thật sự cần thiết cho Hoa Kỳ về phương diện chiến lược.

- Thuyết "domino" sai.

- Chính phủ miền Nam Việt Nam thối nát quá độ và không được dân chúng ủng hộ.

- Chính phủ miền Nam Việt Nam thối nát nhất là chính phủ Ngô Đình Diệm. Chính phủ Công giáo này chỉ giỏi trong việc đàn áp Phật giáo, và đang bị cộng sản đánh bại.

- Hồ Chí Minh không phải là cộng sản thực mà chỉ là một người có tinh thần quốc gia.

- Từ chối một số giải pháp quân sự là đúng vì tránh được can thiệp của Trung Quốc.

- Việt Nam là một vùng lầy, và Hoa Kỳ chắc chắn sẽ bị sa lầy và đánh bại.

Giáo sư Moyar đã gạt bỏ tất cả các luận điệu trên đây, và biện bác rằng sự thất bại của Hoa Kỳ không phải là không thể tránh được, và Hoa Kỳ có rất nhiều cơ hội để giúp miền Nam Việt Nam tồn tại, nhưng đã không thực hiện được mục tiêu vì sai lầm trong việc chọn chiến lược thích hợp. Và "sai lầm lớn nhất của chúng ta là đã để cho xảy ra cuộc đảo chính tháng 11 năm 1963 đánh đổ và sát hại Diệm; quyết định này đã làm cho ta mất đi những thắng lợi lớn lao đã đạt được trong 9 năm trước đó và xô Việt Nam vào một thời gian bất ổn và suy yếu dài". Ông đã trích một lời tuyên bố của giới lãnh đạo cộng sản nói lên sự hài lòng của họ được người Mỹ biếu cho họ một "món quà quý" : loại bỏ ông Diệm giùm họ. Họ nói : "Người Mỹ đã làm một việc mà trong 9 năm trời chúng tôi làm không được, là : loại bỏ Diệm" (Moyar, tr.186).

Các giáo sư bình luận cũng đồng ý với Giáo sư Moyar. Giáo sư Owens viết : "Đóng góp lớn đầu tiên của giáo sư Moyar là làm sáng tỏ sự thật : quyết định bỏ rơi và góp công vào việc giết ông Diệm là sai lầm tai hại nhất trong chiến tranh... Theo trường phái chính thống ông Diệm là một tên bạo chúa không còn làm chủ tình hình trong nước được nữa, một người Công giáo hà hiếp quần chúng mà đa số theo Phật giáo. Giáo sư Moyar cãi rằng quan điểm này sai. Thật ra, ông Diệm là một lãnh đạo hữu hiệu, ông đã dẹp tan những tổ chức phạm pháp trước khi lên nắm quyền. Ông không dân chủ, nhưng đối với dân ông chính thống vì sử dụng quyền hành một cách hữu hiệu và bảo vệ được an ninh cho dân chúng khỏi bị quân phiến loạn cộng sản uy hiếp. Thật vậy, trong thời gian ông lãnh đạo, chính quyền miền Nam Việt Nam, lực lượng phiến loạn cộng sản có thể coi như đã bị đánh tan trước 1960".

1962-1963 : Việt Nam ở thế thắng

Giáo sư Owens nói rằng quan điểm trên đây "rất khác" quan điểm của "trường phái chính thống, nhưng "ông

Moyar đã có những nhân chứng rất tốt : họ chính là những người cộng sản". Giáo sư Moyar đã trích diễn tài liệu cộng sản để cho độc giả thấy rõ rằng "cộng sản đã đủ lương thiện để công nhận rằng họ đã không thành công trước khi xảy ra cuộc đảo chính năm 1963, và chính phủ đã giết và bắt làm tù binh vô số cán bộ của họ, đếm không xuể, khiến cho những kẻ còn sống sót phải bỏ hàng ngũ cộng sản".

Giáo sư Lewy cũng ghi nhận rằng : "Dù cộng sản dùng đường mòn Hồ Chí Minh đưa rất nhiều quân và khí giới qua Lào vào Nam, đến 1962, trong cuộc chiến chống cộng sản, thế cờ đã lật ngược một cách ngoạn mục ...[Nhưng] theo ông Moyar cuộc đảo chính lật đổ ông Diệm do Lodge chủ trương là một sự sai lầm kinh khủng vì nó đưa đến một sự thất bại không đáng xảy ra".

Sự kiện trên đây là một điều mà các ký giả, học giả và viên chức Mỹ chống ông Diệm, cùng những người Việt Nam đã nghe lời xúi dục của họ tham gia và chủ trương đảo chính đã che đậy trong suốt mấy thập niên, và nay, nhờ sưu khảo của giáo sư, mới được đưa ra ánh sáng. Mà những điều giáo sư Moyar đã đưa ra không phản bác được vì giáo sư nhấn mạnh rằng chính cộng sản Bắc Việt đã thú nhận như thế trong tài liệu của họ.

Giáo sư Moyar viết : "Những tin tức xuất phát từ phía cộng sản xác nhận rằng cho đến ngày đảo chính chính phủ miền Nam đang ở thế thắng, nhưng đã mất thế đó một cách nhanh chóng sau đảo chính. Tháng 4 năm 1964, trong phúc trình về tình hình tổng quát, bộ chỉ huy miền Nam của họ nói rằng Việt cộng đã phải tranh đấu khó khăn trong năm 1962 và trong 10 tháng đầu năm 1963, nhưng sau ngày 1 tháng 11 năm 1963 họ đã chiếm lại được những vùng mà họ đã bị suy yếu".

Giáo sư Moyar cho biết rằng đoạn trên đây trích từ một tài liệu của Mặt Trận Giải Phóng về tình hình chiến cuộc từ 1961 đến 1964. Để làm sáng tỏ thêm sự thực với tài liệu của chính cộng sản, giáo sư Moyar đã trích dẫn chính tài liệu của đảng cộng sản công bố từ Hà Nội vào tháng 3 năm 1965, lúc chính quyền Sài Gòn đang bị đe dọa. Tài liệu đó nhận định sự suy sụp tình hình trong thời gian 16 tháng từ ngày ông Diệm bị sát hại như sau : "Cán cân lực lượng giữa cách mạng miền Nam và kẻ địch biến chuyển rất nhanh có lợi cho ta... Phần lớn lực lượng quân sự và bán quân sự của địch ở cấp xã và ấp chiến lược đã tan rã, và những gì còn lại đang tiếp tục tan rã... 80% ấp chiến lược... đã bị phá tan, và phần lớn dân và đất ở vùng quê nay thuộc về vùng giải phóng của chúng ta".

Giáo sư Moyar nói rõ rằng những nhận định trên đây trích từ các tài liệu chính thức của chính đảng cộng sản ("Một số văn kiện của Đảng về chống Mỹ cứu nước"), của Đảng ủy và Tư Lệnh Quân Khu V, của Lê Duẩn, của Hội Đồng Biên Soạn Lịch Sử Nam Trung Bộ Kháng Chiến (muốn có chi tiết, đầy đủ, xin xem tác phẩm của giáo sư Moyar, phần Trích Dẫn, tr, 469).

Dư luận quốc tế, không những Hoa Kỳ và Tây phương, mà ngay cả Việt Nam, bị ảnh hưởng nặng của trường phái chính thống, thường cho rằng miền Nam Việt Nam đã bị bại trong cuộc chiến 1954-1975. Cuộc tiến chiếm Sài Gòn

ngày 30-4-1975 đánh dấu sự kết thúc một chiến tranh mà cộng sản đã toàn thắng. Nhưng những tiết lộ của giáo sư Moyar nay cho thấy rõ rằng miền Nam đã bị dồn vào thế bại vì, sau khi lật đổ chính phủ Ngô Đình Diệm, nhóm nắm chính quyền đã làm tan rã cơ cấu quân sự và hành chánh của miền Nam, tạo điều kiện cho cộng sản dễ dàng lừa quân tràn vào như chốn không người. Tháng 3-1965, Hoa Kỳ đã phải đưa quân vào chặn đứng làn sóng cộng sản thì thôn quê miền Nam đang rơi vào tay cộng sản.

Sự can thiệp trực tiếp của Hoa Kỳ có hai hậu quả. Một là sự kiện Hoa Kỳ can thiệp trực tiếp chiến đấu và nắm thực quyền chỉ huy ở miền Nam biến chiến tranh thành một cuộc chiến tranh giữa Bắc Việt và Hoa Kỳ. Nhưng tổng thống Johnson lại tránh những quyết định quân sự khó khăn nhưng cần thiết để thắng, và chỉ muốn coi chiến tranh như một cuộc dẹp loạn nội bộ (*counter-insurgency*) ở miền Nam. Hai là nó lại tạo ra một tình trạng tâm lý làm cho Hoa Kỳ không chiến thắng được vì thiếu chính nghĩa trong một cuộc chiến mà phe cộng sản có thể trình bày như là một cuộc chiến tranh giải phóng thực sự. Rốt cục, Hoa Kỳ cũng bị bại.

Như vậy là thực sự đã có ba cuộc chiến tranh, hay là ba giai đoạn : từ 1954 đến tháng 11-1963 ; từ 1-11-1963 đến tháng 3-1965 ; từ tháng 3-1965 đến 30 tháng 4-1975. Giai đoạn từ 1962 đến tháng 11 năm 1963 là giai đoạn miền Nam ở thế thắng và nhờ đó tồn tại thêm được một thời gian, nhưng suy sụp nhanh chóng. Nếu Hoa Kỳ không can thiệp, miền Nam Việt Nam chắc chắn đã mất ngay từ cuối năm 1965.

Ấp chiến lược : success story

Giáo sư Moyar viết : *"Nhờ những thành quả tốt mà ông Diệm thực hiện được trong những năm 1962 và 1963, Việt cộng không có khả năng đánh bại được chính phủ cho đến lúc mà ông Diệm bị sát hại, và trong một thời gian khá dài sau đó. Nếu ông Diệm còn sống, Việt cộng có thể kéo dài chiến tranh nếu họ tiếp tục nhận được quân mới xâm nhập từ miền Bắc và duy trì được căn cứ ở Lào và Cao Mên, nhưng rất khó tin rằng cuộc chiến sẽ đến một mức mà Hoa Kỳ phải đưa hàng trăm ngàn quân để cứu Việt Nam khỏi bị đánh bại, như là tình hình đòi hỏi lúc những kẻ thay thế ông cầm quyền. Thật vậy. Rất có thể là miền Nam Việt Nam tồn tại được sau tháng 11 năm 1963 mà không cần gì đến sự trợ giúp của lực lượng Hoa Kỳ. Những người kế vị ông Diệm từ tháng 11 năm 1963 đến lúc Hoa Kỳ can thiệp đã kém xa ông Diệm về sự hữu hiệu, và sự thua kém này đã khiến Hà Nội trút bỏ thái độ rất dè dặt của họ trong việc đưa quân vào miền Nam. Nếu quân đội Bắc Việt xâm lăng miền Nam sau 1963 mà ông Diệm còn cầm quyền, miền Nam rất có thể ngăn chặn cuộc tấn công đó với sự trợ giúp của không lực Hoa Kỳ mà không cần lực lượng Hoa Kỳ như năm 1972"* (Moyar, tr. 287).

Sự sưu khảo của giáo sư Moyar đưa ông đến kết luận rằng một yếu tố lớn trong sự thành công của chính phủ Diệm trong sự đánh bại cộng sản là ấp chiến lược. Giáo sư Moyar đã nói rất nhiều về khía cạnh này, vì trọng tâm

tác phẩm của ông là vấn đề quân sự. Nhưng vì trong giới hạn bài này không thể đi vào chi tiết, ở đây chỉ nói qua về mục này thôi. Độc giả, đặc biệt là độc giả quân nhân, nên đọc hai chương 9 và 10 nói về mục này, vì khác với những luận điệu của trường phái chính thống, trong thời Đệ Nhất Cộng Hòa binh sĩ miền Nam đã lập được những chiến công rạng rỡ, nhưng những tin tức tốt này bị những kẻ ghét ông Diệm éo nhèm trong thời gian ông Diệm còn sống, và bị sửa đổi đi sau vụ đảo chính 1963, và sau 1975 thì tất nhiên họ nói hươu nói vượn gì về miền Nam Việt Nam cũng được.

Bài này chỉ trích đoạn quan trọng nhất về vấn đề này của giáo sư Moyar về ấp chiến lược, đặc biệt là vì trong nửa thế kỷ nay, hầu hết mọi người, trong đó có rất nhiều người Việt, đã được nghe không những trường phái chính thống, mà ngay cả những tướng cầm đầu vụ đảo chính lật đổ ông Diệm lớn tiếng tổ chức trình ấp chiến lược là một thất bại nặng.

Giáo sư Moyar viết : *"Những quan sát viên Hoa Kỳ đã đi thăm ấp chiến lược trong mỗi tỉnh của Việt Nam trong bán niên đầu của năm 1963 nhận thấy rằng chính quyền sở tại đã được cải thiện một cách ngoạn mục (dramatic) vượt cả mức ấn định, trong khi lực lượng dân quân đã tỏ ra có quyết tâm và tài năng đẩy lui Việt Cộng. Những quan sát viên cũng nhận thấy rằng dân chúng thôn quê và chính quyền địa phương tin tưởng chính phủ mạnh hơn và tinh thần họ cao hơn. Tháng 5 năm 1963, đại tá Ted Serong, một chuyên gia về đánh du kích làm trưởng phái bộ huấn luyện Úc ở Nam Việt Nam đã nói với nhân viên cao cấp Hoa Kỳ ở Washington rằng chuyện thành công (success story) lớn lao nhất trong chiến tranh Việt Nam là chương trình ấp chiến lược, và chuyện này chưa được nói đến đúng mức của nó".* Sir Robert Thompson, [chuyên viên về du kích đã đánh bại phiến loạn cộng sản Mã Lai], một người đã tỏ ra bi quan trong năm 1961 và đầu năm 1962 như nhiều nhà quan sát khác, nay đã tỏ ra lạc quan và tuyên bố rằng *"phải công nhận rằng chính quyền Việt Nam đã tỏ ra có nghị lực khác thường"*, ông Thompson nghĩ rằng *"chính phủ đang thắng và từ đây đến giữa 1964 họ có khả năng ngăn chặn không cho Việt Cộng tiếp xúc với dân chúng nữa ở đồng bằng sông Cửu Long"* (Moyar, tr.107).

Ở đây câu hỏi đương nhiên phải đặt ra ngay là : *"Tại sao một dữ kiện quan trọng mức đó mà dư luận, và đặc biệt người Việt Nam, không được biết đến ?"*. Giải đáp là : vì các dữ kiện đó đã bị chính quyền Hoa Kỳ lẫn chính quyền miền Nam và các giới báo chí và đại học chính thống xuyên tạc. Giáo sư Moyar đã giải thích sự xuyên tạc đó như sau : *"Điểm chót đáng ghi là những người thay thế ông Diệm quả quyết rằng họ phải làm cuộc đảo chính lật ông Diệm tháng 11 vì tình hình suy sụp lớn bắt buộc họ phải làm như thế ; nhưng tất cả những bằng chứng về sự suy sụp tình hình này đều do họ cung cấp... họ đã trở cờ chống ông Diệm vì họ muốn làm vừa lòng người Mỹ, và sau cuộc đảo chính họ phải tìm đủ mọi cách để khôi phục thể diện đối với người Mỹ và với đồng hương của họ. Cũng như Halberstam và những người Mỹ đề xướng đảo chính, những người chủ mưu của Việt Nam biện bác rằng tình hình suy sụp thâm vào cuối*

tháng 11 không khác gì tình hình trước đó. Điều này không đúng với sự thật. Nhưng họ phải biện bác như vậy để tránh tiếng là họ đã gây ra vấn đề mới. Một nhận định Mỹ về áp chiến lược vào đầu tháng 11 ghi rằng vì "lý do chính trị hoặc cá nhân" chính phủ [Dương Văn] Minh đã thay thế các thống kê nguyên thủy của thời gian trước đảo chính bằng những thống kê mới, tẻ hơn, để hạ uy tín của chế độ cũ và tạo ra một căn bản mới có lợi cho chính phủ mới. Sự mô tả lừa dối của những kẻ đảo chính, Mỹ cũng như Việt, về tình hình trước đảo chính sẽ ảnh hưởng nặng đến các phân tích về chế độ ông Diệm rất lâu sau này" (Moyar, tr. 285).

Các ký giả Hoa Kỳ láo khoét

Riêng về những ký giả đã đóng một vai trò then chốt trong vụ đảo chính ông Diệm bằng cách lừa phỉnh dư luận Hoa Kỳ, Halberstam, Sheehan, Karnow và giáo sư Moyar viết: "Một khi cuộc đảo chính mà họ cổ vũ đưa đến một loạt chính phủ bất lực và làm cho họ mang tiếng là đã làm cho Việt Nam bị tê liệt, Halberstam, Sheehan, và Stanley Karnow phải nói xấu ông Diệm để làm cho dư luận nghĩ rằng trước cuộc đảo chính Việt Nam đã suy yếu đến mức tuyệt vọng không cứu chữa gì được nữa" (Moyar, tr. xvii).

Giáo sư Moyar nói Halberstam and Sheehan, hai ký giả đã đóng một vai trò then chốt trong sự làm cho dư luận Hoa Kỳ và Việt Nam chống ông Diệm, đã đưa tin tức "trắng trợn không đúng" về vụ Phật giáo và tình hình chính trị Việt Nam, mà một phần lớn do những tên mặt trận cộng sản Phạm Xuân Ẩn và Phạm Ngọc Thảo cung cấp cho họ... Họ "thường thổi phồng những khuyết điểm của chính phủ Việt Nam", cung cấp tin tức "lừa dối", "không lương thiện", "láo khoét", "bôi lọ ông Diệm" để tạo cảm tưởng là "trước đảo chính tình hình Việt Nam đã lâm vào thế tuyệt vọng rồi". Họ đã căn cứ vào những tin "rất lệch lạc" của [cố vấn Mỹ John Paul] Vann cung cấp để mô tả trận Ấp Bắc, làm cho độc giả cho đó là báo cáo được chấp nhận về trận này". Nhưng sự thật không phải vậy, giáo sư đã dành hai chương để nói về vấn đề này. (Về chi tiết, xin xem : Moyar, tr. xvi-xvii và hai chương 9 và 10).

Về vụ Phật giáo, giáo sư Moyar viết: "Những người chỉ trích ông Diệm cho rằng phong trào Phật giáo phản đối 1963 xuất phát từ sự bất mãn của dân chúng vì chính sách không khoan dung về tôn giáo của chính phủ, nhưng đó là một quan điểm sai lầm" (Moyar, tr. xvi). Vấn đề này đã được bàn nhiều ở các nơi khác nên không cần nói đến nhiều ở đây. Nó chỉ được nêu lên để cho thấy quan điểm của giáo sư là một quan điểm hoàn toàn ngược với quan điểm chính thống đã khống chế dư luận rất lâu. Trong chiều hướng này, tưởng cũng nên đề cập đến quan điểm xét lại mà giáo sư Moyar đưa ra về thái độ của giới có uy thế (elite) trong xã hội Việt Nam : ông là một trong những học giả hiếm có hiểu rõ rằng muốn viết về Việt Nam một cách chính xác cần phải chú trọng những yếu tố văn hóa và tâm lý chi phối hành vi của người Việt.

Nói về nhận định sai lầm về Việt Nam của ký giả Hoa Kỳ đã ảnh hưởng thế nào về thái độ chống đối của giới có uy thế trong xã hội Việt Nam đối với ông Diệm, giáo sư

Moyar viết : "Vì họ không biết gì về khác biệt văn hóa giữa Hoa Kỳ và Việt Nam, họ đã chỉ trích ông Diệm không chịu làm như chính phủ Hoa Kỳ. Thật ra, trong việc giải quyết các vấn đề Việt Nam, phương pháp chính trị mà ông Diệm áp dụng hữu hiệu hơn phương pháp của Hoa Kỳ rất nhiều. Giới có uy thế trong xã hội Việt Nam thường đọc những bài dịch từ báo Hoa Kỳ cho rằng báo New York Times và các báo Hoa Kỳ khác là phát ngôn viên của chính phủ Hoa Kỳ. Kết quả là những bài báo nói không tốt về chính phủ ông Diệm làm cho người Việt Nam mất tin tưởng vào chính phủ và khuyến khích những kẻ muốn lật đổ chính phủ" (Moyar, tr. xvi).

Kết luận

Giáo sư Owens đặt câu hỏi : "Tại sao ông Diệm lại bị bôi xấu như ta đã thấy ?". Nếu ta nối rộng vấn đề để bao gồm toàn Việt Nam chứ không riêng gì ông Diệm, câu hỏi trở thành : "Tại sao những kẻ thuộc trường phái chính thống đã xuyên tạc, éo nhẹm, bóp méo sự thật, về Việt Nam, như giáo sư Moyar đã làm sáng tỏ ?".

Giáo sư Moyar đã giúp chúng ta thấy được một số khía cạnh của vấn đề mà trước kia ta không hề biết vì không hề nghe nói đến, hay chỉ được đọc, nghe những tường thuật lệch lạc, xuyên tạc, và từ đó, đã có những ý kiến, quan điểm rất lầm, khiến ta lấy những quyết định tai hại cho Việt Nam tự do và cho ngay bản thân chúng ta - tố cáo, chống đối, vu khống, phá hoại, lật đổ nhau, gây phân hóa và hỗn loạn - làm cho cơ cấu quốc gia tan rã, tạo điều kiện cho cộng sản tung hoành, biến thắng thành bại.

Tác phẩm của giáo sư Moyar, dài hơn 500 trang, rất phong phú, giúp cho những ai cần tranh luận với những người có quan điểm chính thống những chi tiết, dữ kiện, lối lập luận thích hợp không để cho những người này áp đảo mình và che lấp chính nghĩa như trước nữa. Ai không có thì giờ nhiều, và không cần đi sâu vào vấn đề chỉ cần đọc chương dẫn nhập (*Preface*). Chương này tương đối ngắn, chỉ có lối 20 trang, nhưng đã tóm lại nội dung của sách một cách rất gọn gàng.

Tác phẩm của giáo sư Moyar là một bài học nhắc nhở người Việt chúng ta phải dè dặt, thận trọng, cân nhắc, phân tích và kiểm chứng kỹ càng, khi nghe hay đọc những tin tức do viên chức và báo chí ngoại quốc cung cấp, để tránh bị dùng làm công cụ cho những âm mưu, kế hoạch nhằm thực hiện những mục tiêu - quyền lợi, thương ghét - riêng của những người này, trong khi xứ sở, và ngay bản thân chúng ta phải gánh lấy những thiệt hại nặng nề.

Cuối cùng, tác phẩm của giáo sư Moyar nhắc nhở chúng ta rằng xét lại lịch sử, và tất cả mọi sự, một cách khách quan, vô tư, khoa học, không nhân nhượng là một điều rất cần để biết rõ sự thật vì chỉ có biết tường tận những chi tiết về một vấn đề, chúng ta mới có thể giải quyết được vấn đề đó một cách êm đẹp, vẹn toàn và dứt khoát.

Tôn Thất Thiện (Ottawa)

(*) Giáo sư Mark Moyar, *Triumph Forsaken : The Vietnam War, 1954-1965*, Cambridge University Press, 2006, 512 trang.

Việt Nam "ra biển lớn" và chiến lược biển 2020

Trương Nhân Tuấn

Hội nghị lần 4 của Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam kết thúc ngày 24 tháng 1 vừa qua. Bài phát biểu của tổng bí thư Nông Đức Mạnh và bản thông cáo được công bố trước báo chí có một số điểm đáng chú ý về chính trị và kinh tế. Đặc biệt về kinh tế, Đảng Cộng Sản Việt Nam đưa ra "chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020". Lần đầu tiên vai trò "biển" được "đôn" lên thành đối tượng kinh tế ở tầm mức chiến lược quốc gia để được bàn luận trong hội nghị.

I. Việt Nam ra biển lớn

"Việt Nam ra biển lớn" là khẩu hiệu tuyên truyền hiện nay đang nghe ở trong nước. Thật là đúng lúc, nhịp nhàng. Bộ máy tuyên truyền của đảng làm việc rất đặc lực.

Nhưng ra "biển lớn" là ra biển nào? Bản thông cáo trên viết: *"Trong chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, phải phấn đấu để nước ta trở thành một quốc gia mạnh về biển, giàu lên từ biển, bảo vệ vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia trên biển, góp phần giữ vững ổn định và phát triển đất nước"*.

Thì ra, cái gọi là "ra biển lớn" chỉ đơn giản là vào **biển nhà**, khai thác biển nhà và rào lại biển nhà! "Việt Nam ra biển lớn" vì thế chẳng có "ra" đâu hết. Tình hình tranh chấp ở Biển Đông hiện nay cho thấy giữ biển nhà còn chưa xong, sức đâu mà "ra" đến "biển lớn" nào. Thực sự "biển nhà" của Việt Nam cũng đã rất lớn, có tầm quan trọng kinh tế và chiến lược bao la. Có thể biển nhà của chúng ta lớn hơn cái "biển lớn" mơ hồ nào đó mà ban lãnh đạo cộng sản Việt Nam đã đề cập trong hội nghị vừa qua.

Từ lâu nay "biển nhà" của Việt Nam đã bị những người có trách nhiệm với đất nước bỏ bê, để người ngoài xâm lấn. Thậm chí có lúc còn đem "dâng hiến" nó cho ngoại bang. Nhiều vùng "biển nhà" nay đã thành "biển người". Xác định chủ quyền, bảo vệ và khai thác biển nhà không phải dễ dàng.

Trong vấn đề tranh chấp hải phận với Trung Quốc tại Biển Đông, phe Trung Quốc luôn chứng minh hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cũng như vùng biển tại đây (tức Biển Đông) thuộc chủ quyền của họ bằng những tài liệu do lãnh đạo Việt Nam đưa ra trong quá khứ. Những tài liệu này đã gây phẫn nộ và làm uất ức nhiều người Việt Nam thực tâm yêu nước.

Có ba tài liệu và một dữ kiện quan trọng:

1. Lần đầu tiên năm 1956, theo tài liệu do Bắc Kinh công bố ngày 30-1-1980, bản dịch tiếng Pháp trên *Beijing Information* số 7, 1980, trang 22, ghi lại như sau: Ngày 15-6-1956, thư trưởng bộ ngoại giao Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa là Ung Văn Khiêm, tiếp kiến đại sứ lâm thời của Trung Hoa tại Việt Nam là Li Shimin, chính thức tuyên bố như sau: *"Theo những tài liệu mà Việt Nam hiện có, những quần đảo Tây Sa (Xisha) và Nam Sa (Nansha), trên quan điểm sử*

học, thì thuộc về Trung Hoa". Ông Lê Lộc, chủ tịch lâm thời Châu Á Sự Vụ, cũng có mặt... đã nói rằng: "Trên quan điểm lịch sử, các quần đảo Xisha và Nansha đã thuộc về Trung Hoa từ thời nhà Tống". Tây Sa và Nam Sa tức là Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam.

2. Lần thứ hai vào ngày 14-9-1958, nhân lúc nhà nước Trung Quốc công bố chủ quyền lãnh hải ngày 4 tháng 9 năm 1958. Bản công bố này có dịch ra tiếng Việt và đăng trên trang nhất nhật báo *Nhân Dân* ngày 6-9-1958. Nội dung viết rằng Trung Quốc quyết định mở vùng biển nội địa lên 12 dặm. Việc mở rộng này áp dụng cho toàn bộ lãnh thổ của Trung Quốc, bao gồm luôn các đảo Bành Hồ, Đông Sa, Tây Sa (tức Hoàng Sa), Trung Sa, Nam Sa (tức Trường Sa) cũng như tất cả những đảo khác thuộc Trung Hoa... Từ việc tuyên bố này, thủ tướng cộng sản Việt Nam Phạm Văn Đồng trả lời vào ngày 14-9-1958: *"Chính phủ nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ghi nhận và tán thành bản tuyên bố ngày 4 tháng 9 năm 1958, của chính phủ nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, quyết định về hải phận của Trung Quốc. Chính phủ nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa tôn trọng quyết định ấy và sẽ chỉ thị cho các cơ quan nhà nước có trách nhiệm triệt để tôn trọng hải phận 12 hải lý của Trung Quốc, trong mọi quan hệ với nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa trên mặt biển"*.

3. Lần thứ 3, lúc cho đăng trên trang nhất nhật báo *Nhân Dân*, cơ quan ngôn luận chính thức của Đảng Cộng Sản Việt Nam, số ra ngày 6-9-1958, lời tuyên bố của Bắc Kinh, xác nhận hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là của Trung Quốc. Nguyên nhân của bài báo này là do việc tổng thống Hoa Kỳ, Lyndon Baines Johnson, ngày 24-4-1965 quyết định rằng toàn bộ lãnh thổ Việt Nam và vùng biển của nước này tính từ bờ ra 100 hải lý, cũng như một phần lãnh hải của Trung Quốc trong quần đảo Hoàng Sa, sẽ bị quân lực Hoa Kỳ xem như là "vùng chiến tranh" (zone de combat). Nội dung của bài viết đó như sau: *"Chính phủ Việt Nam tuyên bố rằng chủ quyền của nước Việt Nam thuộc về dân tộc Việt Nam. Chính phủ Hoa Kỳ không được quyền đem quân vào chiến đấu ở bất kỳ một nơi nào thuộc lãnh thổ Việt Nam, kể cả vùng biển kế cận nước Việt Nam"*. Việc này có thể được hiểu như là ban lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam mặc nhiên nhìn nhận các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc Trung Quốc.

4. Nhưng tệ nhất là việc ban lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam đã không lên tiếng gì qua lời tuyên bố của Trung Quốc đúng 8 ngày trước khi tấn công Hoàng Sa, tức ngày 11-1-1974, khi cho rằng Hoàng Sa và Trường Sa thuộc về lãnh thổ Trung Quốc và nước này sẽ không tha thứ mọi hành động xúc phạm đến lãnh thổ của họ.

Với các tài liệu trên đây, phía Trung Quốc tuyên bố rằng nhà nước Việt Nam đã công nhận chủ quyền của nước này tại Hoàng Sa và Trường Sa. Nhìn lại bản đồ mà Trung

Quốc mới công bố gần đây về địa lý và các khu chính, toàn bộ Biển Đông cũng như các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của Trung Quốc. Rõ ràng "biển nhà" của Việt Nam đã bị Trung Quốc lấn chiếm và "rào" lại. Biển Đông trở thành cái "ao nhà" của Trung Quốc. Sự thật thì hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cũng như vùng biển tại đây từ lâu đã thuộc về chủ quyền Việt Nam. Người Việt đã khám phá đầu tiên và khai thác kinh tế liên tục các nơi này từ nhiều thế kỷ là điều không ai có thể phản biện.

Khẩu hiệu "Việt Nam ra biển lớn" nên đổi thành "đi cho hết biển nhà". Biển nhà đi không xong thì mong gì ra "biển lớn"? Nhưng đi cho hết biển nhà cũng không đơn giản. Trước hết phải xác định chủ quyền "biển nhà", một mặt với các nước Thái Lan (đã xong), Campuchia (đã xong), Mã Lai, Nam Dương, Đài Loan và Phi Luật Tân; mặt khác với Trung Quốc. Đây là một vấn đề cực kỳ phức tạp, vừa tùy thuộc công pháp quốc tế nhưng cũng tùy thuộc rất nhiều ở sức mạnh quân sự của các bên tranh chấp mà Việt Nam chưa biểu dương được. Hồ khẩu hiệu để ru ngủ thì dễ, tuyên bố suông để lấy lòng mọi người thì rất dễ, nhưng lấy lại đất đai, lãnh hải của cha ông sẽ không dễ.

II. Chiến lược biển đến năm 2020

Bài đọc của tổng bí thư Nông Đức Mạnh nhân hội nghị bế mạc có ghi: *"Chiến lược biển đến năm 2020 phải xác định rõ quan điểm, mục tiêu và định hướng các lĩnh vực ưu tiên, đột phá; định hướng phát triển kinh tế xã hội vùng biển và ven biển; định hướng chiến lược quốc phòng, an ninh, đối ngoại; định hướng điều tra cơ bản về tài nguyên, môi trường biển; định hướng phát triển khoa học công nghệ biển; định hướng về bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, về xây dựng kết cấu hạ tầng vùng biển và ven biển; và định hướng chiến lược các vùng biển phía Bắc, Bắc Trung Bộ, duyên hải Trung bộ, Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ"*.

Nói chung, chiến lược tự nó cũng có nghĩa là định hướng. Định hướng thì dễ, ai định cũng được, nhưng quan trọng là phải định cho đúng hướng. Đã mấy mươi năm qua "định hướng xã hội chủ nghĩa" đến nay cũng vẫn còn loay hoay ở chỗ... "định hướng", tức vẫn chưa biết hướng nào. Vì đâu có ai hình dung được bóng dáng chủ nghĩa xã hội sẽ là thế nào? Vì thế lời nói về "định hướng biển đến năm 2020" của ông Mạnh làm người ta rất ái ngại.

Bản thông cáo viết: *"Phấn đấu đến năm 2020, kinh tế biển đóng góp khoảng 53-55% GDP, 55-60% kim ngạch xuất khẩu của cả nước"*.

Kinh tế biển là những hoạt động kinh tế có liên quan đến biển. Ngoài hải sản tôm, cá... ta có thể xem các ngành thuộc về dịch vụ như vận chuyển hàng hóa (cabotage maritime) và hải cảng container (container port) thuộc kinh tế biển. Riêng ngành khai thác dầu khí trên biển khơi (offshore) thì nên để vào phạm vi khai thác khoáng sản.

Theo cục Thống kê Việt Nam: đến năm 2005 tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp trong tổng sản phẩm trong nước chiếm 20-21%; tỷ trọng công nghiệp và xây dựng chiếm 38-39%; tỷ trọng các ngành dịch vụ chiếm 41-42%.

Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước 5 năm 2001-2005						
	2001	2002	2003	2004	Ước tính 2005	Bình quân mỗi năm 2001-2005
Tổng số	06,89	07,08	07,34	07,79	08,43	07,51
Nông lâm nghiệp và thủy sản	02,98	04,17	03,62	04,36	04,04	03,83
Công nghiệp và xây dựng	10,39	09,48	10,48	10,22	10,65	10,24
Dịch vụ	06,10	06,54	06,45	7,26	08,48	06,96

	Nông lâm	Công nghiệp nghiệp và thủy sản	Dịch vụ và xây dựng
Hàn Quốc			
1967	30,7	26,3	43,0
1990	09,1	44,7	46,2
2000	04,3	36,2	59,5
Đài Loan			
1951	35,5	23,9	43,6
1980	07,7	45,8	46,5
1990	04,2	42,3	53,5
2000	01,9	30,9	67,2

- Tỷ trọng chung nông sản và hải sản của Hàn Quốc năm đến năm 2000 chỉ chiếm 4,3% tổng sản lượng nội địa (PIB), Đài Loan chỉ có 1,9%. Điều này khẳng định rằng một nước phát triển, xương sống của nền kinh tế phải là công nghiệp và dịch vụ.

So sánh với Đại Hàn và Đài Loan, ta thấy con số 21% PIB của nông, lâm, ngư sản của Việt Nam là một con số lớn. Nhưng theo bản tổng kết thì tốc độ tăng của ngành nông, lâm, hải sản của Việt Nam có khuynh hướng ổn định, không tăng nhiều. Đó là dấu hiệu lạc quan cho sự phát triển kinh tế.

Nhưng:

- Giá trị thặng dư của ngành thủy sản bình quân hàng năm tăng 8,9%, cao hơn tốc độ tăng bình quân 4,9% của thời kỳ 1996-2000, do tăng cả sản lượng nuôi trồng và sản lượng khai thác, nhất là khai thác biển. Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng, chủ yếu do nhiều địa phương tiếp tục mở rộng diện tích nuôi trồng.

- Ước tính năm 2005 so với năm 2000, giá trị sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản tăng 30% với tốc độ tăng bình quân mỗi năm 5,42%, trong đó nông nghiệp tăng 4,11%/năm, lâm nghiệp tăng 1,37%/năm, thủy sản tăng 12,12%/năm.

- Tổng số lượng hải sản (nuôi và đánh bắt) năm 2005 là 3.433 ngàn tấn. Trị giá hải sản năm 2005 là 38,6 ngàn tỉ đồng, nông nghiệp là 137 ngàn tỉ đồng, vậy hải sản chỉ bằng 28% nông sản. Như thế hải sản chỉ chiếm một số nhỏ trong PIB.

- Số tàu đánh cá (xa bờ) của Việt Nam cũng không lớn, cả nước chỉ có 20.118 chiếc, được phân chia không đồng đều. Cả miền Bắc từ Quảng Ninh đến Ninh Bình chỉ có 848

chiếc, miền Trung từ Thanh Hóa đến Huế chỉ có 1.183 chiếc.

- Bình quân mỗi năm trong thời kỳ 2001-2005 kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 2,2 tỷ USD, tức chỉ khoảng 3% GDP.

Tình hình như thế, không thể chỉ dựa vào hải sản, Việt Nam sẽ phát triển biển trên phương diện nào để "kinh tế biển" đạt 53, 55% GDP, 55-60% kim ngạch xuất khẩu của cả nước ?

Điểm quan trọng : 55-60% kim ngạch xuất khẩu. Các ngành dịch vụ hàng hải, cảng container... thì không thể xếp vào loại "xuất khẩu".

Ta đã biết, tài nguyên hải sản vùng biển cận của Việt Nam ngày một cạn kiệt vì khai thác quá mức trong lúc bộ phận tàu đánh cá biển xa vẫn chưa tổ chức hoàn chỉnh, lại thêm kỹ thuật thô sơ, không có tầm cỡ và trang bị máy móc như ngư dân các nước Nhật Bản, Đài Loan hay Trung Quốc. Việc này không phát triển, hay khó phát triển vì nhà nước lo sợ ngư dân "dong thuyền vượt biên". Sự nghi kỵ giữa dân chúng và người cầm quyền vẫn còn rất lớn.

Nói chung, Việt Nam không thể khai thác các ngư trường trong vùng biển ở cận nhà để đạt được chỉ tiêu đã đề ra. Mọi cố gắng sẽ đem lại tai hại lâu dài cho môi sinh biển do việc đánh bắt và tàn phá cạn kiệt môi trường sống của các loài động vật cá, tôm.

Người ta cũng nói nhiều đến phát triển du lịch, mở mang những vùng giải trí tại các nơi có bờ biển đẹp. Nhiều người đã có khuynh hướng "noi gương" Thái Lan trong lãnh vực du lịch, nhất là kỹ nghệ du lịch sex. Phe công an, theo truyền thống thì nắm mọi hoạt động kinh tế liên quan lãnh vực ăn chơi như khách sạn, vũ trường v.v... thì rất hào hứng trước các hoạt động kinh tế này.

Thực sự thì Thái Lan là một nước phát triển nhờ vào công nghiệp. Kỹ nghệ du lịch nước này chỉ góp vào khoảng 5 đến 7% tổng sản lượng quốc nội mà thôi. Mặt khác, chưa có thống kê nào về các tác hại của "du lịch tình dục" lên nền tảng đạo đức xã hội cũng như lên sức khỏe của người dân Thái Lan. Hiện nay các nước Châu Á, đứng đầu là Thái Lan, con số nạn nhân chứng bệnh AIDS đã lên quá mức báo động. Tổng số nạn nhân ở Châu Á là 7,4 triệu người. Tại Kampuchia có đến 3% dân số mắc bệnh AIDS. Tại Việt Nam, trên 20% điếm trong các thành phố đã mắc bệnh. Bệnh này cũng đang lan rộng tại Trung Quốc và Mã Lai. Rồi đây người ta sẽ chứng kiến một thảm kịch mới tại các nước đang phát triển. Thảm kịch này sẽ làm khủng hoảng xã hội và làm trì trệ, nếu không nói là suy thoái, việc phát triển quốc gia. Con số 5% GDP thu vào do du lịch có thể là lớn, nhưng sự tàn phá của nó cũng sẽ lớn không kém. Những người "fan" về kỹ nghệ du lịch, như bộ công an, nên nghiên cứu về du lịch tại các xứ như Pháp, Ý, Tây Ban Nha... là các xứ nổi tiếng về du lịch thế giới để áp dụng cho nước nhà. Dầu vậy, con số đóng góp vào GDP do du lịch đem lại của nước Pháp cũng tương tự như Thái Lan, chỉ khoảng 5-7% mà thôi.

Tài liệu Cục Thống Kê Việt Nam ghi :

- Trong 5 năm qua hai khoản thu lớn là thu từ dầu thô

và thu từ hoạt động xuất nhập khẩu chiếm khoảng 45% tổng thu ngân sách nhà nước.

- Thu từ dầu thô tăng bình quân hàng năm 18,7% và chiếm tỷ trọng gần một phần tư tổng thu ngân sách nhà nước, chủ yếu do những năm vừa qua giá dầu thô tăng mạnh, nhất là trong năm 2005. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đưa vào cân đối ngân sách tăng bình quân 14,7%/năm và chiếm tỷ trọng 20,9%.

Như thế chỉ có khai thác dầu khí mới có thể phát triển đến mức 53-55% GDP, 55-60% kim ngạch xuất khẩu. Tiềm năng dầu mỏ thêm lục địa Việt Nam cho phép chúng ta lạc quan về con số. Nhưng đây là một hình thức "bán của nhà mà ăn". Tài nguyên này là tài nguyên của quốc gia, thuộc về người dân, của thế hệ hôm nay và mai sau. Lãnh đạo Việt Nam hiện nay không thể đặt ra chỉ tiêu một cách bất cập rồi cố gắng thực hiện chỉ tiêu với bất kỳ giá nào. Hãy nhìn sang xứ Na Uy, đây là một nước sản xuất dầu khí quan trọng trên thế giới. Ngân khoản đem lại do khai thác dầu khí của Na Uy do một ủy ban độc lập với nhà nước kiểm soát. Chỉ có một phần nhỏ ngân khoản này được sử dụng cho ngày hôm nay, phần rất lớn còn lại được ủy ban này đầu tư vào các mục tiêu kinh tế mà thành quả sẽ chỉ dành cho các thế hệ tương lai của Na Uy.

Việc khai thác dầu khí hiện nay ở Việt Nam, khai thác thế nào ? sản lượng bao nhiêu ? chỉ tiêu ra sao ? Tất cả đều thuộc về "bí mật quốc gia". Sẽ không ai phản đối nếu thành quả của việc khai thác này dành cho việc xây dựng quốc gia như xây dựng hạ tầng cơ sở, kiến thiết và tổ chức lại hệ thống giáo dục, lập quỹ an sinh xã hội cho người nghèo, nâng cấp và bảo trợ quốc phòng v.v... Nhà nước Việt Nam nên noi gương Na Uy để thành lập một ủy ban độc lập về việc sử dụng và khai thác các nguồn tài nguyên quốc gia. Đây cũng là một phương pháp chống tham nhũng một cách hữu hiệu.

Con số 55% GDP tuy lớn nhưng không phải không thể thực hiện bằng kinh tế biển mà không qua việc khai thác dầu khí. Ta có nhiều gương sáng để bắt chước áp dụng. Nhìn qua Tân Gia Ba, xứ này không có tài nguyên, làm giàu lên bằng dịch vụ cảng container. Theo một nghiên cứu gần đây, chỉ trong 10 năm tới, các hải cảng Việt Nam có ưu thế kinh tế hơn Tân Gia Ba (và Hồng Kông). Việc các nhà lãnh đạo Việt Nam mời ông Lý Quang Diệu, cựu thủ tướng Tân Gia Ba, sang làm cố vấn để phát triển là một sai lầm hết sức tai hại. Chỉ trong một thập niên nữa, do địa cầu hâm nóng, hải lộ Bắc Băng Dương sẽ khai thông. Từ Hoa Kỳ hay Châu Âu sang Châu Á không cần phải đi qua kinh đào Suez hay Panama. Tân Gia Ba vì vậy sẽ mất vai trò vị trí chiến lược. Một số hải cảng Việt Nam vì thế có thể thay thế cảng container của Tân Gia Ba để đón các tàu hàng đến từ Mỹ, Âu và Nhật Bản sau đó phân phối cho các nước Nam Á. Ông Lý Quang Diệu sẽ cố vấn cho Việt Nam xây dựng các hải cảng "chư hầu" của Tân Gia Ba. Việc này hoàn toàn không có lợi cho Việt Nam vì tiềm năng Việt Nam là phải thay thế Tân Gia Ba. Việt Nam ở thế cạnh tranh chiến lược với Tân Gia Ba.

III. Kết luận

Những khẩu hiệu nghe thấy hiện nay trong nước "bay lên Việt Nam" hay "Việt Nam ra biển lớn" cho thấy tư duy của cấp lãnh đạo Việt Nam còn rất bảo thủ. Họ vẫn tưởng rằng ngày hôm nay Việt Nam có thể phát triển bằng những khẩu hiệu thuộc phiên ru ngủ như thời kinh tế bao cấp. Hơn bao giờ hết người Việt Nam ngày hôm nay phải hết sức tỉnh táo để từng bước vững chắc đi vào sân chơi của thế giới. Trong thời đại cạnh tranh ngày hôm nay, doanh nhân Việt Nam cần một nhà nước trọng tài, sáng suốt, tạo điều kiện cho họ kinh doanh dễ dàng chứ không cần một nhà nước ru ngủ, mị dân, công an trị, kiểm soát đến cả tư tưởng của người dân như thế này.

Nhưng nếu đã có những khẩu hiệu như thế thì người ta sẽ chất vấn trên những khẩu hiệu như thế. Nói "bay lên Việt Nam", tức là chưa bay, Việt Nam vẫn còn bị cột chân đầu đó dưới đất. Nói "Việt Nam ra biển lớn" tức chưa ra ra biển, Việt Nam vẫn còn ở trong sông rạch, ao tù. Ai đã cột cánh con chim Việt không cho nó bay ra vùng trời cao rộng từ bao năm nay ? Ai đã neo con thuyền Việt trong ao tù nghèo đói từ bao nhiêu năm nay ? Người ta chợt nhớ lại, thời kỳ sau 1975, câu "cái cột đèn mà có chân thì nó cũng vượt biên". Thì ra Đảng Cộng Sản Việt Nam lo ngại dân vượt biên đi hết, phải sống một mình nên đến cái cột đèn cũng phải cột lại. Hô "bay lên Việt Nam" thì đảng cộng sản phải tháo dây cột cánh Việt Nam ra. Hô "Việt Nam ra biển lớn" thì đảng cộng sản phải mở cửa biển cho thuyền Việt Nam ra khơi. Lãnh đạo cộng sản Việt Nam nên ý thức và đặt quyền lợi của đất nước lên trên quyền lợi đảng. Những người lãnh đạo cộng sản hôm nay, nhất là tổng bí thư Nông Đức Mạnh, đã có ý thức về lợi ích của đất nước và dân tộc. Nhưng ý thức không thôi vẫn chưa đủ. Phải có can đảm đổi mới triệt để từ kinh tế đến chính trị, Việt Nam mới có thể "bay lên" và "ra biển lớn" thành công.

Sợi dây đang cột không cho chim Việt cất cánh, không cho thuyền Việt ra khơi, chính là chế độ độc tài độc đảng. Phải tháo gỡ sợi dây này và thay vào đó bằng một thể chế chính trị dân chủ đa nguyên trên nền tảng nhân quyền. Lãnh đạo cộng sản Việt Nam có thể thực hiện việc này qua việc dành 50% số ghế trong Quốc Hội cho người ngoài đảng trong cuộc bầu Quốc Hội tháng 5 sắp tới.

"Dân chủ để đặt những vấn đề đất nước một cách đúng đắn và chọn một cách đúng đắn những giải pháp và những người trách nhiệm. Đa nguyên để tôn trọng mọi khác biệt, và để thực hiện hòa giải dân tộc sau những xung đột đẫm máu. Nhân quyền để phát huy sinh lực và sáng kiến của mọi người". (trích *Thành Công Thế Kỷ 21*, chương III. Đồng thuận nền tảng cho một cố gắng quốc gia mới, mục 2. Dân Chủ đa nguyên, trang 31-37).

Lãnh đạo cộng sản Việt Nam phải từ bỏ chính sách áp bức để thay thế bằng phương pháp đối thoại, thảo luận. Chỉ có thảo luận mới có thể "xây dựng một đất nước Việt Nam mà những con người hôm nay có thể chấp nhận và các thế hệ mai sau có thể tự hào". Và đây không phải là ước mơ chung của mọi người Việt Nam đó hay sao ?

Trương Nhân Tuấn (Marseille)

Nghĩ gì qua vụ Nguyễn Văn Lý ?

Nghiêm Văn Thạch

Câu hỏi đầu tiên người ta có thể nêu ra trong vụ đàn áp linh mục Nguyễn Văn Lý và các thân hữu của ông là tại sao chính quyền cộng sản lại ra tay vào đúng ngày mừng một Tết ? Linh mục Nguyễn Văn Lý chắc chắn là muốn gây tiếng vang tối đa khi chọn đúng giờ giao thừa để công bố sự thành lập Liên Đảng Lạc Hồng, nhưng đảng cộng sản có lý do gì để quảng cáo cho hành động thô bạo và phải bị lên án này ? Giả thuyết hợp lý nhất là họ hốt hoảng, cho rằng Nguyễn Văn Lý sẽ gây bùng nổ lớn và vì thế phải dập tắt ngay.

Vụ đàn áp đã diễn ra theo một kịch bản thô bạo quen thuộc : khám nhà, tịch thu dụng cụ và tài liệu làm việc, hối cung, trấn áp tinh thần và cáo buộc tùy tiện với những lời lẽ cáo buộc lỗ mãng. Dù vụ này kết thúc như thế nào, ngay từ bây giờ người ta có thể chắc chắn là những «tang vật» này sẽ không bao giờ được hoàn trả cho ông Lý. Công an cũng đã bắt để thẩm vấn và trấn áp ba thanh niên thân cận với linh mục Lý, là Nguyễn Phong, Nguyễn Bình Thành và Hoàng Thị Anh Đào. Sự trấn áp này đã đạt được "kết quả mong muốn" vì sau đó cả ba đều im lặng thay vì lên tiếng phản đối và khẳng định quyết tâm đấu tranh cho dân chủ như dư luận chờ đợi.

Thô bỉ nhất là trường hợp Nguyễn Phong, trưởng ban đại diện Đảng Thăng Tiến Việt Nam kiêm trưởng ban thành lập Liên Đảng Lạc Hồng. Người thanh niên này đã bị ép buộc đọc lời nhận tội và tuyên bố giải tán cả Đảng Thăng Tiến Việt Nam lẫn Liên Đảng Lạc Hồng. Đây là một hành động cực kỳ thô bỉ của thời đại Stalin, Mao, mà người ta tưởng như đã chấm dứt. Thế giới ngày nay đã văn minh hơn rồi, hành động này chỉ bôi thêm một vết bẩn vào bộ mặt vốn đã nham nhở của đảng và nhà nước cộng sản Việt Nam, trước hết vào mặt các ông Nông Đức Mạnh, Lê Hồng Anh, Nguyễn Tấn Dũng và Nguyễn Minh Triết.

Trong vụ này mọi người dân chủ đều có thể hãnh diện với phản ứng dũng cảm và trang nhã của luật sư trẻ Lê Thị Công Nhân, phát ngôn viên của Đảng Thăng Tiến.

Một khía cạnh nghiêm trọng là vụ đàn áp này đã xảy ra ngay trong tòa Tổng Giám Mục Huế. Chính quyền cộng sản đã không chứng tỏ một sự nể nang nào đối với Giáo Hội Công Giáo Việt Nam. Ngược lại, người ta có thể ngạc nhiên và đặt nhiều câu hỏi về sự nhần nhục của Giáo Hội Công Giáo Việt Nam. Cả tòa Tổng Giám Mục lẫn Hội Đồng Giám Mục Việt Nam đều không có phản ứng nào. Người ta cũng có thể nghĩ rằng việc công an xông vào tòa Tổng Giám Mục bắt linh mục Nguyễn Văn Lý đem đi mà không gặp một phản kháng nào, dù là phản kháng hình thức, chứng tỏ một thỏa hiệp bất thành văn nào đó giữa Giáo Hội Công Giáo và chính quyền cộng sản.

Càng ngày người ta càng có cảm tưởng rằng các vị lãnh đạo Giáo Hội Công Giáo Việt Nam đã chọn lập trường chỉ giữ đạo và sống đạo mà thôi để được yên thân. Thái độ khôn ngoan này chưa chắc đã thực sự là một sự khôn ngoan. Trong giai đoạn Pháp thuộc, Giáo Hội Công Giáo cũng đã chọn một thái độ tương tự, nghĩa là không có ý kiến về ách thống trị của người Pháp lên dân tộc Việt Nam, nhưng Giáo Hội Công Giáo và đức tin Công giáo không phải vì vậy mà mạnh lên, trái lại một phần nào đó hình ảnh của đạo Công giáo đã bị thương tổn.

Thái độ thụ động và nhần nhục thực ra cũng trái với bản chất của Thiên Chúa giáo, về mặt xã hội là một phong trào tranh đấu cho nhân quyền. Ngay giữa thập niên 1960, vào thời điểm mà phong trào cộng sản lên cao nhất và chủ nghĩa Marx được coi như chân lý bất buộc của mọi trí thức, giáo hoàng Phao Lô 6 đã đồng ý lên tiếng coi chủ nghĩa cộng sản như chủ nghĩa bệnh hoạn phải bị lên án và vứt bỏ. Tiếng nói đồng ý và đúng đắn của Phao Lô 6 đã có tác dụng chặn đứng sự bành trướng của phong trào cộng sản và mở đầu cho giai đoạn suy thoái của nó. Đó là một thời điểm lớn trong lịch sử Công giáo thế giới.

Trở lại chính quyền cộng sản, họ muốn chứng tỏ và đã chứng tỏ điều gì ?

Họ đã cố gắng trong thời gian gần đây để chứng tỏ họ đã thay đổi, qua hành động này họ vừa chứng tỏ vẫn giữ nguyên bản chất của một chế độ toàn trị bạo ngược. Nguyễn Văn Lý và các thân hữu của ông đã chỉ hành xử một cách rất hợp pháp những quyền công dân được hiến pháp qui định, họ không làm gì để có thể bị đàn áp thô bạo như vậy. Chính quyền Hà Nội đã lập tức bị dư luận của cả thế giới lên án. Thế là công cốc ! Vẫn những lời lẽ trơ trẽn : *"liên kết với bọn phản động ở nước ngoài để chống nhà nước"*. Hà Nội đã bộc lộ một lần nữa tâm địa thực sự của họ đối với khối người mà họ ve vãn qua cụm từ giả dối "những khúc ruột nghìn dặm của tổ quốc". Rõ ràng là chính quyền cộng sản chỉ nhắm túi tiền của khối người Việt hải ngoại, họ chỉ coi là Việt kiều tốt những người hoặc không có, hoặc cố giấu kín, mọi quan tâm đối với tương lai đất nước.

Chính quyền cộng sản muốn chứng tỏ họ quyết tâm và cứng rắn nhưng họ đã chỉ chứng tỏ sự nhút nhát và nông cạn. Nguyễn Văn Lý có gì mà Hà Nội phải sợ như vậy ? Nhìn kỹ những gì Nguyễn Văn Lý đã làm và có thể làm, người ta có thể thấy ngay là ông không phải là một đe dọa cho chế độ. Không ai phủ nhận thiện chí và sự dũng cảm của ông Lý. Việc ông qui tụ nhanh chóng được một số người đồng ý ký tên ủng hộ bản tuyên ngôn dân chủ ngày 8-4-2006 cũng là thành tích ngoạn mục nhất từ nhiều năm qua. Nhưng hoạt động của ông có những giới hạn rõ rệt. Lý do khiến Nguyễn Văn Lý đạt những thành quả nhanh chóng lúc ban đầu cũng chính là lý do khiến ông không thể đi xa hơn : đó là điều có thể gọi là một "hiệu ứng thiểu số". Các thiểu số có căn cước rõ rệt và giới hạn thường rất gắn bó và có một quyết tâm cao. Nguyễn Văn Lý, với sự tiếp tay đắc lực của các linh mục Chân Tín, Phan Văn Lợi và Nguyễn Hữu Giải, đã động viên nhanh chóng

được khối tín đồ Công giáo địa phận Huế gần gũi với ông, nhưng đồng thời lực lượng của ông cũng mang hình ảnh của một nhóm Công giáo đặc thù ngay trong Giáo Hội Công Giáo và ngay trong địa phận Huế. Nó không thể đi xa. Cũng đã có những người dân chủ đến với ông Lý vì thiện chí nhưng họ chỉ là một thiểu số trong khối 8406 và đã không đóng một vai trò đáng kể nào. Cũng có những tổ chức muốn hợp tác với ông Lý với hy vọng phát triển được cơ sở trong nước nhưng họ cũng không có trọng lượng nào đáng kể.

Một giới hạn quan trọng khác chính là cách làm việc và bản lĩnh chính trị của ông Lý. Danh xưng "Khối 8406" tự nó cũng không hoàn toàn đúng. Đó chỉ là những người ký tên ủng hộ một bản tuyên ngôn, đó không phải là một tổ chức. Ông Lý cũng có cách làm việc vội vã và thiếu nguyên tắc. Ông coi bản tuyên ngôn 8-4-2006 như là sở hữu của ông và tự cho quyền xóa tên những người mà ông không ưa. Ông đã xóa tên ông Trần Khuê và gần như loại bỏ ông Hoàng Minh Chính, trong khi đã là một bản tuyên ngôn thì mọi người ký tên phải bình đẳng với nhau trên nguyên tắc. Người ta có thể thấy là Khối 8406 đã không phát triển thêm sau một vài tháng. Để nuôi dưỡng sự chú ý, Nguyễn Văn Lý đã phải liên tục đưa ra những tổ chức mới để tìm hiệu ứng công bố (effet d'annonce). Ông khai sinh ra Đảng Thăng Tiến Việt Nam, rồi Liên Minh Dân Chủ và Nhân Quyền, rồi Liên Đảng Lạc Hồng vẫn cùng với những khuôn mặt đại diện. Dư luận đã bắt đầu nhận thấy thực lực của nhóm ông Lý rất mỏng cả về phẩm lẫn lượng. Việc Nguyễn Phong, một đệ tử mà chắc linh mục Nguyễn Văn Lý rất tín nhiệm vì ông cất đặt vào cả chức vụ trưởng ban đại diện Đảng Thăng Tiến lẫn đại diện Liên Minh Dân Chủ và Nhân Quyền và trưởng ban thành lập Liên Đảng Lạc Hồng, đã khiếp sợ và đầu hàng nhanh chóng là một bằng chứng. Người ta cũng lưu ý là mỗi lần Đảng Thăng Tiến Việt Nam, rồi Liên Minh Dân Chủ Nhân Quyền, rồi Liên Đảng Lạc Hồng tuyên bố thành lập thì cùng một lúc Nguyễn Văn Lý viết thư giới thiệu, như để xác nhận vai trò lãnh đạo tối cao của mình. Đây không phải là cách làm việc của một người có tự tin và bản lĩnh. Tuy vậy chính quyền Hà Nội đã không nhận thấy giới hạn của nhóm Nguyễn Văn Lý và đã hành động một cách hoảng hốt để bị lên án.

Tựa đề của bài xã luận của bán nguyệt san *Tổ Quốc* số đầu tháng 3-2007 khi bình luận về vụ đàn áp này là *"Thô bạo và đại dột"*. Tôi chỉ có thể đồng ý một phần với cách đánh giá này. Chính quyền cộng sản không những chỉ thô bạo và đại dột, họ còn chứng tỏ sự lo sợ và hốt hoảng của một chính quyền đang lâm nguy và thiếu bản lĩnh.

Nghiêm Văn Thạch (Paris)

"Quốc gia Việt Nam phải được quan niệm như là một không gian liên đới và một dự án tương lai chung. Trong quan niệm này, nhà nước chỉ là công cụ để thực hiện một đồng thuận dân tộc, đúc kết của những nguyện ước cá nhân được phát biểu một cách tự do. Nhà nước ấy phải ở trong và ở dưới quốc gia, và phải xuất phát từ chọn lựa tự do của dân chúng".

(*Thành Công Thế Kỷ* 21, trang 133)

11. Thời Nguyễn Mạt - thuộc Pháp (1885-1945)

với

60 năm phong phú của văn hóa Việt Nam cận hiện đại

Lê Văn Hảo

Thời Nguyễn Mạt - thuộc Pháp trong lịch sử

Thời này kéo dài 60 năm, từ khi kinh đô Phú Xuân - Huế thất thủ (1885) tới lúc Bảo Đại thoái vị (tháng 8-1945), gồm ba vua chính thức : Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân đều bị Pháp đày qua Algérie và đảo Réunion, còn lại là ba vua bù nhìn do Pháp đặt để : Đồng Khánh, Khải Định, Bảo Đại.



Phan Bội Châu

Tác dụng quan trọng của thời này là, do tác động của chính sách khai thác thuộc địa và ảnh hưởng của văn hóa, văn minh Pháp và phương Tây, nền kinh tế, văn hóa và xã hội Việt Nam có nhiều chuyển biến lớn theo hướng cận đại hóa.

Đặc biệt thời này cũng là 60 năm phong phú của văn hóa

Việt Nam cận hiện đại trong nhiều lãnh vực khác nhau.

Sự ra đời và bước đầu phát triển của nền báo chí Việt Nam (1865-1945)

Tờ đầu tiên là *Gia Định báo*, ra ngày 1-2-1865 tại Sài Gòn, do Trương Vĩnh Ký phụ trách. Tờ thứ hai là *Phan Yên báo*, do Diệp Văn Can phụ trách. Tờ thứ ba là *Nông Cổ Mân Đàm*. Đến năm 1919 xuất hiện tờ *Lục Tỉnh tân văn*, do Nguyễn Văn Vĩnh làm chủ bút. Đây là tờ báo ra hàng ngày và viết toàn bằng chữ quốc ngữ.

Ở miền Bắc, tờ báo đầu tiên bằng quốc ngữ kèm chữ Hán là tờ *Đại Việt tân báo*, do Đào Văn Phổ làm chủ bút. Sau đó là các tờ *Đăng Cổ tùng báo* (1908 do Nguyễn Văn Vĩnh làm chủ bút), *Đông Dương tạp chí* (1913, do Nguyễn Văn Vĩnh làm chủ nhiệm), *Nam Phong tạp chí* (1914 do Phạm Quỳnh làm chủ bút).

Ở miền Trung, Huỳnh Thúc Kháng ra tờ *Tiếng Dân* (1927-1943).

Trước 1930, Việt Nam Quốc Dân Đảng có hai tờ báo *Khúc Tiêu Sầu* và *Con Đường Chính*. Về mặt khoa học nhân văn, quan trọng nhất là hai tạp chí *Thanh Nghị* và *Tri Tân* (1941-1945).

Văn học dân gian, văn học cổ điển và văn học chống Pháp

Sau 1885, nhiều tác phẩm dân gian xuất hiện, đặc sắc nhất là *Về thất thủ kinh đô* là áng về lịch sử bằng chữ Nôm dài khoảng 2.000 câu, một tác phẩm của dân chúng Thừa Thiên-Huế.

Văn học cổ điển rất phong phú, gồm hơn 50 tác giả. Nguyễn Đình Chiểu (1822-1880) là tác giả truyện nôm *Lục Vân Tiên* (1862) dài 2.076 câu lục bát. Kế là Nguyễn Khuyến (1835-1909) và Tú Xương (tức Trần Tế Xương, 1870-1907) là hai nhà thơ trào phúng tài tình nhất cuối thế kỷ 19. Nguyễn Khuyến còn là nhà thơ hàng đầu viết về thiên nhiên và nông thôn Việt Nam. Tản Đà (Nguyễn Khắc Hiếu, 1888-1939) được xem như dấu nối giữa lớp các nhà thơ cổ điển và lớp các nhà thơ mới trước 1945. Trần Tuấn Khải (1895-1983) viết được một số bài thơ trữ tình sâu sắc.



Phan Chu Trinh

Văn học chống Pháp thời này đã có những tên tuổi như Phan Bội Châu (1867-1940), Phan Chu Trinh (1872-1926), Nguyễn An Ninh (1899-1943), Phan Văn Hùm (1902-1945), Tạ Thu Thâu (1905-1945).

Hai hiện tượng văn học lớn : Tự Lực Văn Đoàn và Thơ Mới

Tự Lực Văn Đoàn ra đời năm 1932 và hoạt động cho tới mùa thu 1945, do hai nhà văn Nhất Linh và Khái Hưng sáng lập, gồm Thạch Lam, Thế Lữ, Tú Mỡ, Xuân Diệu, Trần Tiêu...

Văn đoàn chủ trương tuyên truyền cải tạo xã hội, đòi bãi bỏ hủ tục ở nông thôn, giải phóng phụ nữ, cổ vũ tự do yêu đương và tự do hôn nhân. Văn đoàn đã thành công khi phê phán lễ giáo cũ, đả kích chế độ gia trưởng, mẹ chồng nàng dâu, mẹ ghẻ con chồng và cảm thông với những người nghèo khổ nhất trong xã hội.

Văn đoàn đã tặng giải thưởng cho nhiều nhà văn, nhà thơ lớn đương thời và xuất bản nhiều tác phẩm hay, đi sâu vào tâm hồn nhân vật, đề cao những truyền thống tốt đẹp của gia đình và xã hội với lời văn thanh thoát, nhẹ nhàng và trong sáng.

Thơ Mới ra đời trong thập niên 1930. *Tình Già* của Phan Khôi là bài thơ mới đầu tiên đăng trên *Phụ Nữ Tân Văn* ngày 10-3-1932 ; tiếp đó một loạt nhà thơ trẻ xuất hiện, viết báo ca tụng thơ mới, đả kích thơ cũ và công bố những bài thơ mới hấp dẫn. Về hình thức, thơ mới không hạn chế số câu số chữ, không có niêm luật, không có phép đối. Về nội dung thơ mới khác thơ cũ chủ yếu về tâm tư tình cảm. Mỗi nhà thơ một vẻ, họ ca ngợi phong cảnh thiên

nhiên, say sưa với sắc đẹp và tình yêu lãng mạn, hoặc đi tìm cuộc sống giang hồ phiêu lãng trong mơ mộng, hay gởi hồn vào trong những trầm tư triết học và tôn giáo.

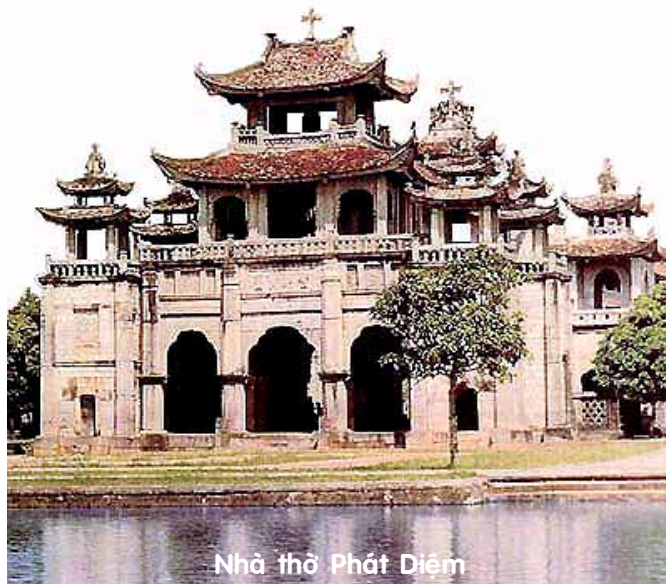
Nhà thơ mới nào cũng muốn phô bày những cảm nghĩ chân thực nhất. Những nhà thơ mới được biết tới nhiều là Thế Lữ, Hàn Mặc Tử, Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu, Huy Cận, Huy Thông, Tế Hanh, Nguyễn Bính, Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Đoàn Phú Tứ, Nguyễn Nhược Pháp... Họ đã để lại cho nền văn học Việt Nam những áng thơ bất hủ rất mới mẻ cả về xúc cảm lẫn phong cách và ngôn ngữ.

Khoa học nhân văn thời Nguyễn Mạt

Huỳnh Tịnh Của (1834-1907) là người đầu tiên giới thiệu văn hóa Việt Nam bằng chữ quốc ngữ, ông là tác giả của *Truyện giải buồn*, *Tục ngữ cổ ngữ gia ngôn*, *Sách gia lễ*, *Sách quan chế*, *Phép toán*, *Phép đo*..., phiên âm một loạt truyện nôm từ *Thoại Khanh - Châu Tuấn* tới *Chinh Phụ Ngâm*, quan trọng nhất là *Đại Nam quốc âm tự vị* (1895-1896) cuốn tự điển tiếng Việt bằng quốc ngữ đầu tiên cắt nghĩa các từ bằng tiếng Việt.

Trương Vĩnh Ký (1837-1894) đã để lại một sự nghiệp văn hóa lớn : 118 tác phẩm lớn nhỏ, cả tiếng Việt lẫn tiếng Pháp. Biết vững vàng 11 ngôn ngữ châu Á, 15 sinh ngữ và tử ngữ phương Tây, ông đã soạn nhiều tự điển, kể cả *Tự điển danh nhân An Nam*, cùng với *Sử ký An Nam*, *Chuyện khôi hài*, *Chuyện đời xưa*, *Hát, Lý*, *Hồ An Nam*, *Phép lịch sự An Nam*... Nói tóm lại, ông đã đóng góp phần thật to lớn cho sự phát triển văn chương quốc ngữ và bảo tồn di sản văn hóa nước nhà trong thời kỳ thành lập nền quốc văn mới cuối thế kỷ 19.

Nguyễn Văn Vĩnh (1882-1936), chủ bút của nhiều tờ báo tiếng Việt và tiếng Pháp, đã xây dựng tủ sách *Âu Tây tư tưởng*, đã dịch ra tiếng Việt nhiều tác phẩm lớn của nền văn học Pháp, từ Molière, La Fontaine tới Victor Hugo, Honoré de Balzac... Văn dịch thuật của ông thông thoát và giản dị, đã ảnh hưởng nhiều tới nền quốc văn đương thời. Ông còn là người đầu tiên dịch *Truyện Kiều* ra tiếng Pháp.



Nhà thờ Phát Diệm

Phạm Quỳnh (1892-1945) đã cho ra đời một khối lượng công trình biên khảo đồ sộ, được tập hợp lại trong hai bộ *Nam Phong tùng thư* và *Thượng Chi văn tập*. Ông đã có công giới thiệu và dịch thuật nhiều tác giả văn học, triết học Pháp. Công trình lớn lao nhất là tạp chí *Nam Phong* (1917-1934) đóng một vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần ở nước ta đầu thế kỷ 20 trong việc phổ biến tư tưởng và văn hóa Á-Âu.

Trần Trọng Kim (1887-1953) là một học giả uyên bác, tác giả của *Nho giáo*, *Lão giáo*, *Phật lục*, *Vũ trụ đại quan*, *Đường thi*, *Việt thi*,

Việt Nam văn phạm (viết chung với Bùi Kỷ và Phạm Duy Khiêm)... Công trình có giá trị và được phổ biến rộng rãi là cuốn *Việt Nam sử lược*.

Đào Duy Anh (1904-1988) là nhà nghiên cứu văn hóa đã để lại cho chúng ta *Đất nước Việt Nam qua các đời*, *Nguyễn Trãi toàn tập*, *Tự điển truyện Kiều*, *Chữ Nôm nguồn gốc cấu trúc và diễn biến*...

Hoàng Xuân Hãn (1908-1996) là tác giả của những cuốn *Lý Thường Kiệt*, *La Sơn Phu Tử*, *Chinh phụ ngâm bị khảo*...

Trần Văn Giáp (1902-1973) đã viết *Phật giáo Việt Nam*, *Tìm hiểu kho sách Hán-Nôm*, *Lược truyện các tác giả Việt Nam*...

Nguyễn Văn Huyền (1908-1975), nhà dân tộc lớn nửa đầu thế kỷ 20, đã để lại nhiều công trình nghiên cứu đặc sắc như *Hát đối đáp của thanh niên thiếu nữ tại Việt Nam*, *Hội đền Phù Đồng*, *Thành Hoàng Lý Phục Man*...

Mỹ thuật

Có ba công trình kiến trúc lớn phải nhắc tới :

- **Nhà thờ Phát Diệm** là một quần thể gồm 5 nhà thờ, mỗi ngôi mỗi kiểu cách, dung hòa hai truyền thống mỹ thuật Đông và Tây. Tạo ra công trình này là linh mục Sáu, người đã lãnh đạo công cuộc xây dựng trong suốt 23 năm (1876-1899). Nhà thờ này đẹp ở sự quý trọng và đề cao truyền thống kiến trúc của dân tộc nên nó rất giống một



Lăng Khải Định

ngôi đình Việt Nam qui mô lớn.

- **Lăng Khải Định** được xây dựng từ 1920 tới 1931 mới xong. Từ dưới đi lên lăng phải trèo 109 bậc để tới ba lớp

mặt lăng. Lớp thứ nhất có hai điện, lớp thứ hai có bái đình và hai tượng chầu, nhà bia và bia đá. Từ bái đình phải leo thêm 47 bậc mới tới điện Thiên Định thờ vua.

- **Gác Khuê Văn** được xây dựng năm 1805 trong khuôn viên Văn miếu-Quốc tử giám. Tuy không to lớn lắm nhưng có tỷ lệ hài hòa, đây là một công trình nhẹ nhàng và thông thoáng, hòa hợp hoàn hảo với phong cảnh thiên nhiên chung quanh...

Cũng cần phải nói tới **Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương** (1925-1945) là một trường đại học gồm ba ban hội họa, điêu khắc và kiến trúc. Victor Tardieu, giám đốc đầu tiên của trường, là người biết tôn trọng truyền thống mỹ thuật Việt Nam : ông đã tích cực đề cao và khuyến khích môn vẽ tranh lụa. Một giáo sư Pháp khác là Inguimberty, giảng dạy hai môn sơn dầu và trang trí, đã góp phần cùng với các giáo sư và sinh viên của trường vào công cuộc sáng tạo nghệ thuật sơn mài Việt Nam.

Nghệ thuật sân khấu

Ba thành tựu lớn của ngành này là sự phát triển của *hát bội* và sự ra đời của *nghệ thuật cải lương* và *kịch nói*.

Nghệ thuật hát bội thời Nguyễn Mạt đã phát triển mạnh nhờ hai nghệ sĩ tên tuổi :

- **Đào Tấn** (1845-1907), người đã chỉnh lý các tuồng cổ như *Sơn Hậu*, *Tam nữ đồ vương* và sáng tác nhiều vở tuồng mới như *Diễn võ đình*, *Trần lương các*... ;

- **Nguyễn Hữu Dĩnh** (1853-1926) vừa là nghệ nhân vừa là tác giả nhiều vở tuồng nổi tiếng như *Lục Vân Tiên*, *Võ Hùng Vương* (tức là vở *Ngoại tổ dâng đầu*)... và vở tuồng hài *Trương Đồ Nhục* với lời văn nôm na gần với văn học dân gian nên rất được quần chúng ái mộ.

Sân khấu cải lương ra đời vào thập niên 1920, gắn liền với tên tuổi những nghệ sĩ lớn như Cao Văn Lầu, Năm Châu, Năm Phỉ, Phùng Há, Ba Du, Ba Vân, Bảy Nhiêu, Tám Danh, Út Trà Ôn, Út Bạch Lan, Nhị Kiều, Bảy Bá (tức Viễn Châu)... với những vở diễn nổi tiếng như *Phụng Nghi Đình*, *Tô Ánh Nguyệt*, *Nửa Đồi Hương Phấn*, *Lan và Diệp*...

Khoảng mười năm sau khi cải lương ra đời ở miền Nam

thì *nghệ thuật kịch nói* xuất hiện ở Hà Nội trong thời khoảng 1932-1945, do ảnh hưởng của nền kịch nghệ Pháp với những bậc thầy như Alfred de Musset, Sacha Guitry... Những nhà soạn kịch Việt Nam đầu tiên như Vi Huyền Đắc, Đoàn Phú Tứ... đều nhận mình là học trò của họ. Từ những năm 1932-1935 đã xuất hiện những vở kịch rất ăn khách như *Nghệ sĩ hồn*, *Mơ hoa*, *Gái không chồng*, *Cuối mùa*... của hai nghệ sĩ nói trên. Đến 1936 Thế Lữ và một số nghệ sĩ khác đã thành lập ban kịch *Tinh Hoa*. Rồi hàng loạt kịch thơ ra đời mở đầu là *Tiếng địch sông Ô* của Huy Thông.

Sự ra đời của tân nhạc (1935-1945)

Sự ra đời của tân nhạc gồm hai giai đoạn : thời kỳ mở

lối (1935-1938) và thời kỳ phát triển (1938-1945).

Trong thời gian đầu, các nhạc sĩ dùng các điệu nhạc, bài ca thời thượng của nhạc ngoại, đặt lời Việt phổ biến, được quần chúng nhiệt liệt hoan nghênh. Trong số đó, có bài *Hà nhật quân tái lai*, ca khúc Trung Hoa, *Shina No Yoru*, ca khúc Nhật, nhiều bài ca Pháp như *J'ai deux amours*, các sáng tác của Vincent Scotto do Tino Rossi trình diễn trong phim và trên sân khấu. Cũng có lời ca Việt cho một số nhạc phẩm cổ điển như *Dạ khúc* (Shubert), *Trở về mái nhà xưa* (Retour à Soriento)...

Tiếp đến là sự ra đời của vài bản nhạc ngắn thuần Việt còn thô kém như *Trên sông Kinh Châu* ; mấy bài đó nhanh chóng chìm vào quên lãng trước các sáng tác tài danh của Đặng Thế Phong, Tô Vũ, Văn Cao, Phạm Duy, Lê Thương, Doãn Mẫn, Dương Thiệu

Tức, Thẩm Oánh, Hoàng Trọng... Mở đầu những bản hùng ca có Hoàng Quý, Lê Hữu Mục, Hùng Lân ; rồi những bản nhạc kích thích tinh thần dân tộc do Lưu Hữu Phước, Mai Văn Bộ, Phan Huỳnh Điểu... Một tuyên ngôn về nhạc mới đã cổ xúy cho phong trào tân nhạc do ba người ký : Lưu Hữu Phước, Trần Văn Khê, Nguyễn Tôn Hoàn. Phạm Duy là nhạc sĩ hát rong nổi tiếng ở khắp ba kỳ. Tất cả đã xây dựng nền móng vững chắc cho tân nhạc Việt Nam.

Lê Văn Hảo (Paris)



Gác Khuê Văn, Hà Nội

Mầu nhiệm Phục Sinh

Đó là ngày buồn thảm nhất cho đám người nhỏ bé. Cách đây mấy hôm, vào một buổi tối trời, một môn đệ phản bội đã dắt một toán lính võ trang đến lùng bắt người Thầy thân yêu của họ. Sau đó quan quân đã dẫn Thầy đi về đền để tra khảo. Một môn đệ khác, người được Thầy tín nhiệm nhất đã chối bỏ là có quen biết Thầy.

Ít hôm sau, sau khi tra tấn và đánh đập tàn nhẫn, họ đã kết án hành quyết Thầy.

Sáng tinh sương hôm đó, quan quân dẫn Thầy qua con đường phố hẹp, đầu và mình đầy máu me. Để chế nhạo, họ đặt lên đầu Thầy một vương miện bằng gai. Gai đâm vào đầu làm máu chảy xuống đầy mặt. Các môn đệ không ai dám ra mặt đi theo, mà chỉ lẩn trong đám đông để theo dõi. Thầy quãng tuổi trung niên, vác thập giá trên vai, áo quần tơi tả, đáng đi một nhọc. Ông như kiệt lực vì bị hành hạ trong những đêm trước, nhiều khi vấp ngã. Và mỗi lần như vậy là đám lính La Mã giáng cho những trận roi chí tử. Sau cùng họ bắt một người trong đám đi xem hành quyết vác hộ cây thập giá.

Họ dẫn Thầy lên đồi Sọ cùng với hai tử tù khác. Họ lột áo choàng, đè Thầy nằm xuống, dùng búa tạ đóng đinh hai tay vào thanh ngang của cây thập giá. Mỗi lần búa tạ giáng xuống, toàn thân Thầy lại dấy lên vì đau đớn. Sau cùng họ cột hai tay Thầy vào thập giá cho chắc chắn rồi dựng nó ở giữa hai cây thập giá treo hai người tử tù kia.

Trong lúc đó một đám đông và toán lính La Mã mặc sức chế nhạo Người. Họ đánh bài để xem ai thắng thì sẽ lấy được áo choàng của Người, và khi Người kêu khát thì họ lấy dấm để cho Người uống. Sự đau đớn về thể xác phải cùng cực lắm, không thể chịu đựng được nữa nên Người mới phát ra câu than vãn độc nhất: "Lạy Cha, sao Cha lại bỏ rơi con?". Chỉ một lát sau, Người kêu lên "Con xin phó thác linh hồn con vào tay Cha!", và trút hơi thở cuối cùng. Lính La Mã lấy dao dài đâm vào sườn để biết chắc rằng Người đã chết thật. (Thông thường với những tử tù không bị hành hạ quá đáng mà bị đóng đinh như vậy, ba bốn ngày sau mới chết).

Những môn đệ và một vài người đàn bà vốn yêu mến Người đứng dưới nhìn lên mà lòng buồn vô hạn. Thôi, thế là hết. Còn đâu những lúc Thầy trò tung tăng khắp vùng đồi núi Galilê, đem thông điệp tình yêu cho mọi người. Họ nhớ lại Thầy trò đã từng chung sống với nhau, chia sẻ từng bữa ăn, nước uống. Họ nhớ lại thái độ đầy yêu thương của Thầy đối với những kẻ bần hàn, cứu giúp người hoạn nạn, tội nguyên, an ủi người khổ sở, khuyên lơn người tội lỗi.

Giờ đây Thầy đã bị hành quyết rồi, đám môn đệ như rấn mất đầu. Các giới chức trong chính quyền cũng như trong giáo quyền cho rằng phong trào vừa mới nhóm lên trong mấy năm, chắc rồi sẽ tan rã, và từ rày họ sẽ được ăn ngon ngủ yên, không ai thách thức những hành động đầy tội lỗi hay giả nhân giả nghĩa của họ nữa. Tuy nhiên trong tâm tư, các môn đệ không tài nào quên được người Thầy thân yêu của họ. Họ mừng tượng thấy bóng dáng yêu quý và những lời nhắn nhủ của Người. Chẳng bao lâu, họ cảm thấy Tình Yêu, mà Thầy là Bản Thể, đã xâm chiếm linh hồn họ, và thúc dục họ hãy tiếp tục công việc truyền giáo, đừng bỏ dở. Thầy đã thật sự sống lại trong mỗi người.

Đối với những quyền lực độc ác và tàn bạo thời bấy giờ họ chỉ là một nhóm người nhỏ nhoi, thất học, gồm có cả thầy mười một, mười hai người chỉ đó. Phần lớn là dân chài lưới, quê mùa. Người được Thầy giao phó làm trưởng đoàn lại là một anh chàng đánh cá, tính tình cục mịch, nóng nảy, ăn nói cà lăm, cà lặt. Với một đội ngũ nhân sự như vậy mà đòi thay thế Tình Yêu cho Bạo Lực vốn là chính sách của đế quốc La

Mã hùng cường thời đó thật là một mơ ước không tưởng. Tuy nhiên, tin tưởng ở mãnh lực của Thông điệp Thầy rao giảng, họ hăng hái lên đường, đem Tình Thương đến cho những kẻ khốn cùng, giúp đỡ những người đói khổ, săn sóc những người đau yếu. Cùng với một số môn đệ được thu nhận về sau, họ đi khắp đế quốc, có truyền thuyết nói rằng một môn đệ sơ khởi đã đi đến và chết ở Ấn Độ. Với lòng yêu thương làm khí giới họ chịu đựng bao nhiêu gian khổ, hành hạ, tra tấn, tù đầy, giết chóc, nhưng vẫn một lòng trung kiên với sứ mệnh thiêng liêng.

Qua nhiều thế kỷ, số môn đệ của Thầy đã bành trướng rất nhiều. Họ gồm đủ mọi hạng người, từ những bậc quyền quý cho đến các lê dân, từ những nhà tỷ phú cho đến những người khổ rách áo ôm. Hầu hết đều cố gắng, trong phạm vi và khả năng của mình, sống theo tôn chỉ tình yêu mà Thầy từng dạy bảo. Tuy nhiên, cũng như xưa kia, không phải không có những kẻ đã phản bội Thầy mà chạy theo uy quyền và lợi lộc, nhiều khi bằng những phương tiện bất chính và tàn ác.

Nhưng đáng kể nhất là một số ít đã cố gắng sống như Thầy xưa. Họ tận hiến đời mình để mang Thông điệp Tình Yêu đến khắp năm châu bốn biển. Chính Thầy sống lại đã thôi thúc họ vào tận hang cùng ngõ hẻm để phục vụ mọi người. Không những vậy, mà khi săn sóc, cứu mang một người đói kém, tội nguyên họ lại thấy trước mắt mình chính là Thầy đang đói khổ, tội nguyên ("Khi các con cho một người đói ăn, một người khát uống và săn sóc một người bần hàn nhất, chính là các con đã cho Thầy ăn uống và săn sóc chính Thầy"). Cũng như Thầy xưa, với một đời sống chí thiện, họ là những tấm gương sáng mời mọc mọi người hãy từ giã những lối sống sa đọa, những hành động áp bức, tham nhũng để trở về với Tình Yêu Nguyên Thủy. Vì chỉ có Tình Yêu mới đem lại cho con người sự bình an trong tâm hồn và hạnh phúc vẹn toàn, vĩnh cửu. Đó là ý nghĩa mà cũng là hy vọng của Mầu Nhiệm Phục Sinh vậy.

Nguyễn Mừng (Champaign, IL., USA)

MUA BÁO

Gia nhập HVNHĐ

ABONNEMENT

Adhésion à VNFraternité

Họ (Nom) :

Tên (Prénom) :

Địa chỉ (Adresse) :

Mã số hành chính (Code postal).....

Thành phố (Ville) :

Điện thoại (Tél.) :

Tôi đăng ký (Je m'inscris) (*) :

☐

mua / gia hạn mua báo (35 EUR/năm)
pour un abonnement / réabonnement (35 EUR/an)

☐

gia nhập Hội Việt Nam Huynh Đệ
pour une adhésion à l'Association Vietnam Fraternité

(*) đánh dấu nếu CÓ, bỏ trắng nếu KHÔNG

Cocher pour OUI, en blanc pour NON

Ngân phiếu (Chèque à l'ordre de) : Vietnam Fraternité

Gửi về địa chỉ (envoyer à l'adresse) : 7 Allée Bouleau Carreau -
77600 Bussy Saint Georges - France

Ngày (Date) :

Chữ ký (Signature).....

Công Giáo và Dân Tộc

ĐQAT : Công an Việt Nam vừa bắt giữ hai người đấu tranh dân chủ là luật sư Nguyễn Văn Đài và Lê Thị Công Nhân. Vụ bắt này diễn ra hai tuần lễ sau khi linh mục Nguyễn Văn Lý bị bắt ở Huế. Ông nhận định ra sao về hành vi đàn áp này của chế độ ?

NGK : Tôi đã trao đổi với anh em trong nước. Chúng tôi phân vân giữa hai giải thích.

Một là, chính quyền cộng sản bắt đầu tung ra một đợt đàn áp mới sau khi nghĩ rằng đã giải quyết xong những vấn đề cấp bách : đại hội 10, sắp xếp xong nhân sự lãnh đạo đảng và nhà nước, tổ chức hội nghị APEC, gia nhập WTO. Chúng ta còn nhớ là năm 2002, sau khi đã tổ chức xong đại hội 9 và ổn định nhân sự lãnh đạo đảng và nhà nước, chính quyền cộng sản đã tung ra một đợt đàn áp qui mô, bắt giam và giải tòa một loạt những người đối lập như Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình, Phạm Quế Dương, Nguyễn Khắc Toàn, Trần Khuê, Nguyễn Đan Quế... Có thể là kịch bản cũ lại tái diễn.

Hai là, Hà Nội đang bối rối trước làn sóng phản đối dữ dội cuộc bầu cử quốc hội bip bọm vào ngày 20-5 sắp tới. Chưa bao giờ mà sự phản kháng bầu cử quốc hội bip bọm mạnh mẽ như lúc này, chính quyền cộng sản muốn triệt hạ một số tiếng nói đối lập để có thể tiến hành cuộc bầu cử như dự tính. Sự thực có thể là cả hai lý do nhưng lý do thứ hai, phòng ngừa làn sóng phản đối cuộc bầu cử quốc hội bip bọm, có lẽ có trọng lượng lớn hơn.

Tuy vậy, dù hành động đàn áp này xuất phát từ động cơ nào đi nữa nó cũng sẽ thất bại. Đợt đàn áp 2002 đã chẳng giải quyết được gì cả, chính quyền Hà Nội đã chỉ chuốc lấy sự lên án đồng loạt của cả thế giới và đã phải triệt thoái sau nhiều thiệt hại. Làn sóng phản đối cuộc bầu cử quốc hội bip bọm sắp tới không phải chỉ xuất phát từ đối lập dân chủ mà ngay cả từ nội bộ đảng cộng sản, từ ngay cả những đảng viên cao cấp còn rất gần bó với đảng cộng sản nhưng thấy rằng tình trạng đảng cử dân bầu không thể tiếp tục được nữa.

Tinh thần anh em trong nước rất vững vàng và họ cũng mong hải ngoại dừng dao động. Tình thế đang thuận lợi cho cuộc vận động dân chủ và sẽ ngày một thuận lợi hơn.

ĐQAT : Riêng vụ đàn áp linh mục Nguyễn Văn Lý diễn ra chỉ vài ngày trước khi một phái đoàn của tòa thánh Vatican đến Hà Nội để thảo luận với giới lãnh đạo đảng cộng sản về quan hệ giữa đôi bên. Phải chăng Hà Nội muốn dẫn dắt Vatican qua việc bắt giữ linh mục Lý ?

NGK : Tôi không nghĩ như vậy. Hội Đồng Giám Mục Công Giáo không ủng hộ linh mục Nguyễn Văn Lý. Chính quyền cộng sản biết như thế và có lẽ đã mạnh tay với linh mục Lý vì thế. Hà Nội không muốn và cũng không cần dẫn dắt tòa thánh Vatican và Giáo Hội Công Giáo Việt Nam, vì giữa hai bên đang có quan hệ thỏa hiệp.

LTS : Nhân vụ đàn áp các nhà dân chủ trong nước vừa xảy ra, trong đó một trong những nạn nhân là linh mục Nguyễn Văn Lý, trước sự im lặng của Giáo Hội Công Giáo Việt Nam và vào lúc một phái bộ của tòa thánh Vatican sắp thăm viếng Việt Nam, ký giả Đinh Quang Anh Thái (ĐQAT) của đài Little Saigon Radio (California, Mỹ) đã phỏng vấn ông Nguyễn Gia Kiểng (NGK) của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên. Sau đây là nguyên văn cuộc phỏng vấn.

ĐQAT : Đúng vào ngày thủ tướng của Hà Nội là ông Nguyễn Tấn Dũng đến Vatican hội kiến đức giáo hoàng Biển Đức thứ 16, Little Saigon Radio chúng tôi đã điện thoại phỏng vấn hồng y Phạm Minh Mẫn. Qua cuộc phỏng vấn này, hồng y Mẫn nói rằng : "Hơn 30 năm qua thì 20 năm đầu tiên, Hà Nội xem Giáo hội Công giáo Việt Nam là thế lực thù nghịch, nhưng 10 năm gần đây thì họ xem Công giáo là lực lượng hợp tác và hiện nay đôi bên đang đi song hành với nhau". Hồng y Phạm Minh Mẫn là vị chủ chăn giáo phận Sài Gòn, là giáo phận lớn nhất của Việt Nam. Liệu lời tuyên bố của hồng y Mẫn có thể được hiểu là quan điểm chính thức của Giáo hội Công giáo Việt Nam hay không ?

NGK : Hồng y Phạm Minh Mẫn đã phát biểu rất đúng lập trường của Giáo Hội Công Giáo Việt Nam. Từ ít nhất mười năm qua những ai quan sát kỹ tình hình Việt Nam có thể nhận xét là Giáo Hội Công Giáo Việt Nam đã chọn giải pháp nhẫn nhục và chịu đựng để cố gắng làm cho chính quyền cộng sản hiểu rằng Giáo Hội Công Giáo không hề có một dự án chính trị nào mà chỉ muốn được yên ổn để sống đạo và hành đạo. Sau cùng Hà Nội đã hiểu thông điệp này. Cuộc thăm viếng giáo hoàng Benedict 16 của thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng là một chỉ dấu của sự thông cảm giữa đôi bên.

ĐQAT : Tòa thánh Vatican gần đây đã tỏ tín hiệu là sẵn sàng cắt đứt quan hệ ngoại giao với Đài Loan vốn đã thiết lập từ hơn 50 năm qua để bang giao với cộng sản Trung Quốc. Sau Trung Quốc sẽ tới Việt Nam chăng, vì Việt Nam hiện có số giáo dân đông hàng thứ nhì ở Á Châu, chỉ thua Phi Luật Tân ?

NGK : Nước châu Á có nhiều tín đồ Thiên Chúa Giáo nhất hiện nay là Trung Quốc. Theo ước lượng của Bắc Kinh thì hiện nay Trung Quốc có khoảng 50 triệu tín đồ Thiên Chúa Giáo, một nửa Tin Lành, một nửa Công Giáo. Nhưng theo ước lượng của nhiều quan sát viên quốc tế thì con số thực sự lớn hơn nhiều, Trung Quốc có khoảng 60 triệu người theo đạo Tin Lành và khoảng 50 triệu người Công Giáo, trong đó có khoảng 20 triệu người thuộc giáo hội Công Giáo chính thức được chính quyền nhìn nhận. Thiên Chúa giáo hiện nay đang phát triển rất mạnh tại Trung Quốc, Tin Lành cũng như Công Giáo không những rất tích cực phát triển đức tin của họ tại Trung Quốc mà còn cảm thấy có sứ mệnh truyền giáo trên khắp thế giới, nhiều người tình nguyện sang truyền giáo ngay cả tại các nước Hồi Giáo với rất nhiều hiểm nguy. Khi cố giáo hoàng John Paul II nói rằng thế kỷ 21 sẽ là thế kỷ phát triển Thiên

Chúa Giáo tại châu Á là ông nghĩ đến Trung Quốc. Tham vọng hiện nay của Vatican là sớm bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc, thống nhất Giáo Hội Công Giáo Trung Quốc để sự bành trướng đức tin Thiên Chúa Giáo không gặp trở ngại. Vatican cũng có một dự định tương tự đối với Việt Nam.

ĐQAT : *Một số người cho rằng, Tòa thánh Vatican nói chung, Giáo hội Công giáo Việt Nam nói riêng, thường có thái độ hợp tác với các chính quyền tại các quốc gia trên thế giới, chứ không hề chống đối, dù nhiều chính quyền vẫn đeo đuổi chủ trương độc tài và thẳng tay trấn áp người dân. Ông nghĩ sao về nhận định này ?*

NGK : Theo tôi, nhận định này phản ánh đúng chọn lựa của Vatican nói chung và Giáo Hội Công Giáo Việt Nam nói riêng. Nói chung đó là một chọn lựa được coi là thực tiễn và khôn ngoan : chừng nào chính quyền cộng sản còn tiếp tục thì Công Giáo vẫn được bình yên, còn nếu có một chính quyền dân chủ thì càng tốt, không một chính quyền dân chủ nào chèn ép tôn giáo cả. Nhưng tôi nghĩ rằng chính sách khôn ngoan này chưa hẳn đã là thực sự khôn ngoan. Một tôn giáo không thể chiếm được trái tim của một dân tộc khi không gắn bó với những nhu cầu thiết thân của nó.

Hãy khoan bàn về trường hợp Trung Quốc, riêng đối với Việt Nam Giáo Hội Công Giáo nên nghĩ lại lịch sử của chính mình. Công Giáo tới Việt Nam từ thế kỷ 16 và chẳng bao lâu đã bị bách hại vì phổ biến những giá trị nhân bản trái ngược với những giá trị của các vua chúa. Dù vậy đạo Công Giáo vẫn phát triển mạnh bởi vì đáp ứng đúng những khát vọng thầm kín của quần chúng Việt Nam thời đó. Trong gần 100 năm Pháp thuộc, đạo Công Giáo đã chọn lựa không có thái độ đối với ách thống trị mà người Pháp áp đặt lên dân tộc Việt Nam để chỉ sống đạo và hành đạo. Nhưng tỷ lệ người Việt Nam theo đạo Công giáo đã không tăng lên mà còn có phần giảm đi. Hơn thế nữa hình ảnh của Công Giáo Việt Nam còn bị thương tổn.

Hội Đồng Giám Mục Công Giáo Việt Nam cũng có lý do trước mắt để suy nghĩ. Các hệ phái Tin Lành đã tích cực hơn nhiều trong việc bày tỏ nguyện vọng dân chủ và đã gặp nhiều khó khăn, nhưng Tin Lành đã phát triển rất mạnh trong những năm qua, mạnh hơn hẳn Công Giáo. Số người theo đạo Tin Lành từ khoảng một trăm nghìn người năm 1975 đã đạt tới con số gần một triệu rưỡi, nghĩa là gấp 15 lần, trong khi số tín đồ Công Giáo chỉ gia tăng cùng với mức độ gia tăng dân số, nghĩa là vẫn ở mức độ từ 7 tới 8% dân số.

Vatican có lẽ cũng nên lưu ý một đặc điểm của những người mới theo Thiên Chúa Giáo tại Trung Quốc. Một số đồng nói rằng họ theo Thiên Chúa Giáo vì muốn dân chủ vì thấy rằng Thiên Chúa Giáo đặt nền tảng cho dân chủ, bằng cơ là phần lớn các nước Thiên Chúa Giáo đều là những nước dân chủ. Nhận định này đúng tới mức nào là vấn đề có thể bàn cãi, nhưng nó đã là một trong những động cơ khiến Thiên Chúa Giáo, và Công Giáo nói riêng, phát triển mạnh tại Trung Quốc. Muốn chạy nhanh thì phải sẵn sàng động cơ.

Thời sự :

Một đợt đàn áp mới ?

Đúng ngày Mừng Một Tết (18-2-2007), công an Huế đã áp vào tòa Tổng Giám Mục Huế, khám phòng linh mục Nguyễn Văn Lý. Họ phá tủ, tịch thu nhiều tài liệu, máy vi tính, máy in, điện thoại di động và thẻ điện thoại (simcard). Cùng lúc đó họ đã bắt giam để thẩm vấn ba thanh niên thuộc Đảng Thăng Tiến Việt Nam : Nguyễn Phong, Nguyễn Bình Thành và Hoàng Thị Anh Đào. Nguyễn Phong, trưởng ban đại diện Đảng Thăng Tiến Việt Nam, trưởng ban đại diện Liên Đảng Lạc Hồng và thành viên ban điều hợp Liên Minh Dân Chủ và Nhân Quyền, đã bị ép buộc phải viết và đọc bản tuyên bố giải tán Đảng Thăng Tiến Việt Nam và Liên Đảng Lạc Hồng.

Nguyễn Phong, Nguyễn Bình Thành và Hoàng Thị Anh Đào sau đó đã được trả tự do nhưng không còn liên lạc được nữa. Có nhiều triển vọng họ đã bỏ cuộc sau khi bị trấn áp tinh thần. Linh mục Nguyễn Văn Lý, vài ngày sau, bị bắt giải về quản thúc tại giáo xứ Bến Cui, cách Huế 20 km. Ông Lý đã tuyên bố tuyệt thực cho đến ngày 20-3-2007 để phản đối hành động đàn áp thô bạo này. Đến nay linh mục Nguyễn Văn Lý vẫn còn tuyệt thực dù sức khỏe rất suy yếu.

Tại Hà Nội, sau nhiều lần thẩm vấn liên tục, ngày 6-3-2007, công an đã chính thức bắt giam hai luật sư Nguyễn Văn Đài và Lê Thị Công Nhân. Cả hai bị cáo buộc vi phạm điều 88 bộ luật hình sự (tuyên truyền chống nhà nước). Theo lệnh bắt được đọc cho các đương sự nghe thì họ sẽ bị tạm giam trong vòng tối đa bốn tháng trước khi ra tòa. Nếu bị xét là có tội, họ có thể bị xử phạt tới 20 năm tù.

Nguyễn Văn Đài, 37 tuổi, là một thanh niên xuất sắc và đầy nghị lực. Xuất thân từ một gia đình khó khăn về mặt kinh tế, Đài học hết trung học kỹ thuật rồi làm thợ điện, được gửi sang Đông Đức lao động hai năm (1989-1990) rồi trở lại Việt Nam vừa đi học vừa đi làm và tốt nghiệp cử nhân luật, tập sự luật sư và trở thành luật sư từ năm 1998. Nguyễn Văn Đài thành lập Văn Phòng Luật Sư Thiên Ân và làm giám đốc Công Ty Dịch Thuật và Tư Vấn Việt Luật. Nhờ tự học, Đài sử dụng thông thạo tiếng Anh. Từ năm 2000, Nguyễn Văn Đài tích cực bảo vệ cho các mục sư và tín đồ Tin Lành bị đàn áp, rồi qua những thân chủ này tìm hiểu và cuối cùng theo đạo Tin Lành, sau đó trở thành cố vấn pháp luật của Tổng Giáo Hội Tin Lành Việt Nam. Từ năm 2005, Đài tham gia phong trào dân chủ và trở thành khuôn mặt dân chủ trẻ nổi nhất tại Hà Nội, được tôn vinh bằng giải thưởng nhân quyền Hellmann-Hammet đầu năm 2007. Văn phòng Thiên Ân và công ty Việt Luật lâm vào tình trạng phá sản, hơn thế nữa còn bị thẩm vấn gần như mỗi ngày trong suốt sáu tháng qua. Nguyễn Văn Đài vẫn kiên trì đương đầu với chế độ cộng sản và khẳng định lập trường dân chủ. Là một luật sư tài giỏi, Nguyễn Văn Đài hiểu luật và không làm bất cứ điều gì trái với luật pháp.

Lê Thị Công Nhân, 28 tuổi, cũng là luật sư có văn phòng riêng dù cộng tác với Nguyễn Văn Đài về mặt nghề nghiệp. Công Nhân tham gia Đảng Thăng Tiến Việt Nam và giữ vai trò phát ngôn viên. Cô đã viết nhiều bài về luật pháp và nhân quyền. Những ngày gần đây cô đã trả lời nhiều cuộc phỏng vấn của các đài phát thanh tại hải ngoại và chinh phục được cảm tình của thính giả qua cách phát biểu lưu loát, chính xác và bất thiệp. Trong sáu tháng qua, Lê Thị Công Nhân đã bị công an thẩm vấn và hù dọa rất nhiều lần. Việc quyết định bắt cô chứng tỏ các cố gắng trấn áp tinh thần của nhà cầm quyền Hà Nội đã thất bại.

Sau những vụ đàn áp này, dư luận tự hỏi sắp tới sẽ đến lượt ai và phải chăng một đợt đàn áp tương tự như hồi 2002 đang bắt đầu ? Nhắc lại, năm 2002, sáu tháng sau khi đại hội 9 và sắp xếp xong nhân sự lãnh đạo đảng và nhà nước, chính quyền cộng sản đã bắt giam, giải tòa và xử án tù một loạt những nhà dân chủ như Phạm Quế Dương, Nguyễn Vũ Bình, Phạm Hồng Sơn, Lê Chí Quang, Nguyễn Khắc Toàn, Trần Khuê, Nguyễn Đan Quế... Phải chăng kịch bản cũ đang diễn lại ?

Một giải thích khác là đảng cộng sản muốn triệt hạ bớt các tiếng nói đối lập trước cuộc bầu cử quốc hội sẽ được tổ chức vào tháng 5 sắp tới. Cuộc bầu cử này đang bị phản đối rất mãnh liệt từ cả trong dân chúng lẫn nội bộ đảng cộng sản vì nó vẫn theo luật bầu cử cũ, nghĩa là do đảng cộng sản hoàn toàn dân dụng (TL).

Tranh đấu

Tôi rất khổ tâm vì đề nghị của hấn. Hấn là một trí thức trẻ, vừa tốt nghiệp đại học và mới gia nhập Đảng Dân Chủ của ông Thiệu thì xảy ra biến cố 30-4-1975. Ra nước ngoài, hấn giàu có vì vợ chồng hấn mở một tiệm ăn rất thành công. Hấn buôn bán nhà đất và bảo hiểm một thời gian cũng rất thành công rồi giao mọi cơ sở kinh doanh cho vợ quản lý đi buôn bán chứng khoán và hoạt động chính trị. Hấn tham gia nhiều buổi hội thảo, viết nhiều bài báo và trở thành một nhân sĩ khá quen thuộc trong cộng đồng. Hấn bảo tôi :

- Thời cơ đến rồi, bọn cộng sản bắt đầu phải mở cửa thực sự, phong trào dân chủ có nhiều triển vọng lắm. Tao quyết định thành lập một tổ chức, chắc chắn sẽ phải thành công. Dĩ nhiên tao nghĩ tới mày vì biết mày là người có tâm huyết. Chúng mình thân nhau từ thời trung học, tao với mày bao giờ cũng có nhau. Mày phải tham gia với tao.

Tôi cố tìm cơ thoái thác :

- Từ trước tới nay đã có hàng trăm tổ chức thành lập rồi tan vỡ, hay tàn lụi đi. Mày không thấy sao ?

Như đã tiên liệu phản ứng của tôi, hấn nói một cách sôi nổi :

- Đó là vì tụi nó chẳng ra gì. Có những thằng vợ vẫn chỉ muốn tìm một chút danh riêng. Cũng có những đứa có tâm nhưng bất tài, lập tổ chức không đúng lúc, thiếu cả trí tuệ lẫn phương tiện. Mày biết tao từ mấy chục năm nay, không lẽ mày lại coi tao ngang hàng với bọn "trâu đánh" đó sao !

Rồi hấn giải thích cho tôi lẽ tất thắng của hấn : làm chính trị phải biết chờ thời, phải ra công đúng lúc. Lúc này theo hấn là thời cơ tối ưu. Cộng sản không còn đàn áp thẳng tay nữa, nhiều nhóm dân chủ trong nước sẽ xuất hiện và tìm cách liên lạc để được giúp đỡ từ bên ngoài. Muốn có cơ sở tại Việt Nam rất dễ, chỉ cần tài trợ một cách vừa phải thôi cũng đủ có một lực lượng lớn. Hấn đã qui tụ được một số doanh nhân từng về Việt Nam đầu tư rồi bị lường gạt và thua to. Họ ức lăm và sẽ đóng góp phương tiện cho hấn để trả thù chế độ cộng sản tham nhũng ; đã mất cả triệu bạc rồi thì tiếc gì vài ngàn đô. Hấn tin chắc sẽ thành công. Hấn kết luận :

- Lúc này không nhập cuộc thì còn chờ lúc nào nữa? Tao với mày như thế không lẽ mày bỏ rơi tao ?

Tôi đành thú thực :

- Tao đã lỡ nhận lời tham gia tổ chức của thằng Hoành rồi. Nó cũng đang thành lập một tổ chức đấu tranh cho dân chủ. Tao không thể rút lui, nó với tao làm thông gia với nhau.

Hấn nhún nhó :

- Trời ơi, sao mày dễ tính thế ? Cái thằng cà chớn đó mà tranh đấu với trâu đánh cái quái gì ?

Hấn ra sức thuyết phục, nhưng tôi vẫn không thể bỏ rơi ông suôi tương lai vì không thể hy sinh hạnh phúc

MỤC LỤC

01. Đàn áp thô bạo nhóm linh mục Nguyễn Văn Lý
Thông Luận
02. Chính sách thoát nghèo và phát triển bền vững của Ấn
Nguyễn Minh
04. Đoạn tuyệt với tinh thần Phan Bội Châu
Nguyễn Gia Kiểng
07. Hôtel Ba Đình mấy sao ?
Bùi Tín
08. Làn ranh đấu tranh
Nguyễn Huy Đức
10. Nhu cầu xây dựng một lực lượng doanh nhân có tâm vóc
Nguyễn Văn Huy
12. Cải cách tư pháp : một giấc mơ xa ?
Việt Hoàng
13. Nói chuyện về dân chủ
Phan Bá Việt
16. Lịch sử Việt Nam những năm 1954-1965 được xét lại
Tôn Thất Thiện
21. Việt Nam "ra biển lớn" và chiến lược biển 2020
Trương Nhân Tuấn
24. Nghĩ gì về vụ Nguyễn Văn Lý ?
Nghiêm Văn Thạch
26. Thời Nguyễn Mạt - thuộc Pháp (1885-1945)
Lê Văn Hảo
29. Mẫu nhiệm Phục Sinh
Nguyễn Mừng
30. Công Giáo và Dân Tộc
Đinh Quang Anh Thái - Nguyễn Gia Kiểng
31. Thời sự
32. Tranh đấu

Đầy

của con cái. Vả lại Hoành cũng nói về hấn y hệt như hấn nói về Hoành. Sau cùng hấn đi đến một thỏa hiệp. Nhân danh chủ tịch lâm thời, hấn đặc cách cho tôi được có hai đảng tịch và vẫn được là thành viên sáng lập của tổ chức hấn. Tôi cũng không thể từ chối vì lần này không thể hy sinh tình bạn. Hấn hẹn ngày họp buổi họp chính thức để thành lập tổ chức. Cương lĩnh và chương trình hành động đã sẵn sàng.

Phiên họp của chúng tôi long trọng khai mạc với năm thành viên sáng lập. Hấn vừa bắt đầu đọc cương lĩnh của "Liên Minh Dân Tộc Tự Do Dân Chủ Cho Việt Nam" thì một vị đã ngắt lời. Vị này nói tên tổ chức viết sai chính tả, phải viết "Giành" chứ không thể là "Dành" được. Dành là dành riêng, không lẽ mình lại dành hết dân chủ cho Việt Nam, coi sao được, các dân tộc khác cũng có quyền có dân chủ. Hấn cũng không chịu, không lẽ đảng trưởng mà lại viết sai chính tả ngay tên đảng mình ? Hấn đỏ mặt. Thế là tranh cãi sôi nổi, dần dần nặng lời, phùng mang trợn mắt.

Cuối cùng việc thành lập tổ chức tranh đấu không thành vì lý do chính tả. Giá hôm đó chúng tôi có cuốn tự điển.

Đầy